

Số: 52/CV-CKCT07

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.**

Tên công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Mã chứng khoán: CTS

Địa chỉ trụ sở chính: 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3974 1771

Fax: 024. 3974 1760

Người thực hiện công bố thông tin

Họ và tên: **Phan Hải Sâm**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Địa chỉ: 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại di động: 0904214000

Điện thoại cơ quan: 24. 3974 1771

Fax: 024. 3974 1760

Loại thông tin công bố: 24h Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố

Công bố báo cáo thường niên năm 2018.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/3/2019 tại đường dẫn: <https://www.cts.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo thường niên năm 2018
của Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Công thương Việt Nam.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



Phan Hải Sâm

Báo Cáo Thường Niên

2018

VietinBank
SECURITIES



ĐÔI MƠ



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị:
Tổng Giám đốc:
GP Thành Lập & Hoạt Động:

Ông Hạ Quang Vũ
Ông Khổng Phan Đức

Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 107/UB-CK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/07/2009, giấy phép điều chỉnh số 37/GPĐC-UBCK ngày 21/8/2015 và Giấy phép điều chỉnh số 82/GPĐC-UBCK ngày 15/10/2018.

Trụ Sở Chính:
Số Điện Thoại:
Website:
Số Nhân Viên:
Vốn Điều Lệ:
Vốn Đầu Tư Của Chủ Sở Hữu:
Số Lượng cổ phiếu đang lưu hành:
Số lượng cổ phiếu quỹ:
Sàn niêm yết:
Mã cổ phiếu:

Số 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
(024).3974 1771 Fax: (024).3974 1760
www.cts.vn
164 người
1.064.365.760.000 đồng
1.070.288.530.630 đồng
106.399.876 (tại ngày 31/12/2018)
36.700 (tại ngày 31/12/2018)
Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE)
CTS

Tổng quan về VietinBank Securities 14
 Quá trình hình thành và phát triển 16

01
 GIỚI THIỆU
 VIETINBANK
 SECURITIES

Thách thức năm 2018 20
 Thành tựu năm 2018 21
 Chỉ số tài chính nổi bật 22
 Kết quả hoạt động năm 2018 25
 Kết quả hoạt động kinh doanh theo
 mảng nghiệp vụ 26
 Môi trường kinh doanh và triển vọng 30

02
 KHẲNG ĐỊNH
 VỊ THẾ

Tư vấn tài chính doanh nghiệp 42
 Bảo lãnh phát hành 44
 Dịch vụ chứng khoán 44
 Dịch vụ hỗ trợ tài chính 45

03
 TRẢI NGHIỆM
 DỊCH VỤ

**NỘI
 DUNG**

04
 BÁO CÁO
 QUẢN TRỊ

Thông tin cổ đông 48
 Cơ cấu tổ chức quản trị 49
 Hội đồng quản trị 50
 Ban Kiểm soát 55
 Ban Tổng Giám đốc 58
 Báo cáo Hội đồng quản trị 64
 Báo cáo Ban kiểm soát (BKS) 66
 Báo cáo Kiểm tra kiểm soát nội bộ 68

05
 BÁO CÁO
 PHÁT TRIỂN
 BỀN VỮNG

Mục tiêu thực hiện báo cáo 72
 Định hướng phát triển bền vững của
 VietinBank Securities 73
 Cơ cấu quản trị về phát triển bền vững 74
 Cách thức xác định nội dung báo cáo 75
 Nội dung báo cáo 76

06
 BÁO CÁO
 TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc 86
 Báo cáo Kiểm toán độc lập 88
 Báo cáo Tình hình tài chính 90
 Báo cáo Kết quả hoạt động 94
 Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ 96
 Báo cáo Tình hình biến động vốn
 chủ sở hữu 99
 Báo cáo Tài chính 100



THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý vị cổ đông, Quý khách hàng & Đối tác,

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý vị đã đặt trọn niềm tin và đồng hành với Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam (VietinBank Securities) trong suốt thời gian qua.

Thưa Quý vị, năm 2018 là năm thành công của kinh tế Việt Nam, khi cả 12/12 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đều đạt và vượt mục tiêu Quốc hội đề ra. Tăng trưởng GDP đạt mức kỷ lục đạt 7,08%, cao hơn mục tiêu 6,7% đề ra. Dù tăng trưởng GDP ở mức cao, song nền kinh tế vẫn bảo đảm ổn định vĩ mô, chỉ số giá tiêu dùng chỉ mức 3,54% - đảm bảo mục tiêu kiểm soát chỉ số giá tiêu dùng dưới 4%, nợ công giảm so với năm 2017. Kim ngạch xuất nhập khẩu thiết lập kỷ lục mới, với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả năm ước đạt trên 482,23 tỷ USD. Đặc biệt, lần đầu tiên, Việt Nam đạt mức xuất siêu 7,2 tỷ USD. Dự trữ ngoại hối đạt mức kỷ lục, ước đạt 60 tỷ USD, tăng 3,3 lần so với cách đây 3 năm. Môi trường kinh doanh, đầu tư được cải thiện mạnh mẽ, thúc đẩy các kế hoạch đầu tư lớn của khu vực kinh tế tư nhân. Năm 2018 ghi nhận kỷ lục về cắt giảm điều kiện kinh doanh, thủ tục kiểm tra chuyên ngành sau gần 20 năm thực hiện. Số doanh nghiệp thành lập mới năm 2018 xác lập kỷ lục mới, với 131.275 doanh nghiệp.

Tuy nhiên, năm 2018 cũng là năm chứng kiến nhiều biến động lớn của nền kinh tế và thị trường chứng khoán (TTCK) thế giới. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung leo thang cũng như việc FED duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt hơn khiến kinh tế toàn cầu trở nên bất ổn. Chỉ số chứng khoán của các thị trường đặc biệt là thị trường chứng khoán Mỹ liên tục biến động và có đợt sụt giảm khá mạnh sau khi tạo đỉnh. Thị trường chứng khoán Việt Nam cũng chứng kiến tình trạng biến động mạnh nhất trong 10 năm kể từ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008. Trong năm 2018, VN-Index lập kỷ lục mới trong lịch sử ở mức 1.211 điểm (tháng 4 năm 2018), nhưng sau đó lại có quá trình sụt giảm mạnh 27% xuống đáy 888 điểm (tháng 10 năm 2018). Trong bối cảnh đó, với tầm nhìn của tổ chức kinh tế vững mạnh và nỗ lực của tập thể cán bộ nhân viên Công ty Chứng khoán Công thương đã đạt được những thành tích vượt trội. VietinBank Securities vẫn tiếp tục tăng trưởng và có một năm tài chính tích cực. Trong năm 2018, doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế của VietinBank Securities lần lượt đạt 652,6 tỷ đồng và 181,8 tỷ đồng, tăng 127,5% và 36,1% so với kết quả đạt được năm 2017, tương ứng vượt 78,8% doanh thu và 11,5% lợi nhuận trước thuế kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao phó. Những điểm sáng trong năm 2018 là: Phòng Môi giới: lợi nhuận đạt 23,4 tỷ đồng tăng 133% so với kế hoạch giao. Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh đạt lợi nhuận 26,8 tỷ đồng hoàn thành 107% kế hoạch. Chi nhánh Đà Nẵng có lãi ngay sau 1 năm hoạt động đạt lợi nhuận 938 triệu đồng hoàn thành 85% kế hoạch.



Thưa quý vị, trong năm 2018, VietinBank Securities cũng đã đạt được những thành tựu đáng chú ý trong việc xây dựng và định vị thương hiệu như các giải thưởng lớn: "Thành viên tiến bộ về tăng trưởng môi giới 2017-2018 do HNX bình chọn"; được Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) xếp loại là đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018;

Với tầm nhìn Tiên phong trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư, VietinBank Securities đặt mục tiêu đến năm 2020 trở thành công ty chứng khoán dẫn đầu thị trường về doanh thu mảng Ngân hàng đầu tư (IB), trở thành lựa chọn tốt nhất cho các doanh nghiệp. VietinBank Securities tiếp tục thực hiện chiến lược nâng dần tỷ trọng doanh thu mảng dịch vụ ở mức hợp lý: thúc đẩy mạnh mẽ hơn hoạt động của phòng Môi giới, khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp nhằm đẩy mạnh khai thác sản phẩm truyền thống, đa dạng hóa các sản phẩm tư vấn, loại hình tư vấn cho khách hàng tốt, ưu tiên của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, từ đó mang lại lợi ích cho cả Công ty và các Chi nhánh Ngân hàng Công Thương. Bên cạnh đó, nằm trong một xu hướng không thể đảo ngược của ngành chứng khoán trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã lan tỏa rộng rãi, Công ty cũng đã và đang chú trọng đầu tư vào hệ thống Công nghệ thông tin nhằm sử dụng công nghệ để đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng.

Công ty Chứng khoán Công thương xin được gửi lời tri ân đến sự cộng tác phối hợp của các bạn hàng, đối tác của Công ty: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước, Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội, Tổng Công ty Thanh Lễ, Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam, Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam... Đồng thời xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các cơ quan ban ngành chức năng, đặc biệt là sự quan tâm giúp đỡ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong năm 2018.

Chúng tôi tin rằng với uy tín đã được khẳng định, cùng những nỗ lực không ngừng đổi mới, sáng tạo, Chúng tôi sẽ cùng Quý vị tạo lập những cơ hội thành công mới trong năm 2019.

Xin trân trọng kính chào các quý vị!

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng quản trị


Hạ Quang Vũ



THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Khổng Phan Đức

“**VietinBank Securities năm 2018: tiếp tục định hình phát triển thành một định chế cung cấp đầy đủ các dịch vụ của một ngân hàng đầu tư**”

Năm 2018, chúng tôi tiếp tục từng bước thực hiện định hướng phát triển thành một định chế tài chính cung cấp đầy đủ các dịch vụ của một ngân hàng đầu tư. Điều này đã giúp VietinBank Securities chủ động đương đầu với những khó khăn, thách thức và tận dụng thế mạnh sẵn có để đạt được những kết quả ấn tượng trong năm tài chính 2018. Năm 2018, Lợi nhuận trước thuế của VietinBank Securities đạt 181,8 tỷ đồng, tăng 36,1% so với kết quả đạt được năm 2017, tương ứng vượt 11,5% Lợi nhuận trước thuế kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

Trong năm 2018, VietinBank Securities tiếp tục chủ động tìm kiếm các nguồn vốn từ các ngân hàng, định chế tài chính để bổ sung vốn thúc đẩy hoạt động kinh doanh, đặc biệt đối với hoạt động margin. Nhờ đó, dư nợ và lãi thu được từ hoạt động margin của VietinBank Securities trong năm 2018 đạt lần lượt là 714,9 tỷ đồng và 81,8 tỷ đồng, tăng tương ứng là 8,5% và 37,7% so với năm 2017, doanh thu từ hoạt động thu lãi margin cũng tăng mạnh chiếm gần 60% trong tổng doanh thu của toàn Khối môi giới.

Với hệ thống Core đã được triển khai trong năm 2018, cùng với các ứng dụng tiện ích thông minh tích hợp trên các nền tảng, thiết bị di động, VietinBank Securities sẽ tiếp tục đưa ra các sản phẩm linh hoạt, cạnh tranh cho các nhóm đối tượng khách hàng. Bên cạnh đó, ngoài các bản tin cập nhật, bám sát xu hướng thị trường định kỳ, VietinBank Securities sẽ tiếp tục duy trì kết nối thông tin với doanh nghiệp, từ đó hỗ trợ Nhà đầu tư tiếp cận được gần nhất và hiểu biết rõ nhất về doanh nghiệp, giúp Nhà đầu tư lựa chọn những cơ hội đầu tư giá trị.

HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Kết thúc năm 2018, doanh thu toàn khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp (bao gồm hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp và đại lý phát hành trái phiếu) lũy kế đạt 20 tỷ đồng bằng 56,3% so với năm 2017 (35,6 tỷ đồng).

Năm 2018, VietinBank Securities đã hoàn thành 74 hợp đồng tư vấn tài chính doanh nghiệp trong đó có 23 hợp đồng tư vấn phát hành trái phiếu và đại lý phát hành trái phiếu, còn lại là 51 hợp đồng tư vấn tài chính truyền thống như thoái vốn, chào bán cổ phiếu, đăng ký giao dịch UPCOM, niêm yết... Cũng trong năm 2018, VietinBank Securities đã ký mới 78 hợp đồng trong đó có 22 hợp đồng tư vấn phát hành trái phiếu và đại lý phát hành trái phiếu, 06 Hợp đồng tư vấn M&A và xây dựng phương án tài chính, còn lại là 50 hợp đồng tư vấn truyền thống như tư vấn cổ phần hóa, thoái vốn, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch...

Về cơ cấu doanh thu, doanh thu hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu và đại lý phát hành trái phiếu đạt 15,2 tỷ đồng, chiếm tới hơn 76% doanh thu toàn khối tư vấn tài chính doanh nghiệp.

Trên nền tảng thành công bước đầu được xây trong năm 2018, VietinBank Securities sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động của mảng tư vấn M&A, từng bước đưa mảng tư vấn quan trọng trong hoạt động của Khối Tư vấn nói riêng và Công ty nói chung trong thời gian tới. Bên cạnh đó, VietinBank Securities sẽ tiếp tục đẩy mạnh mảng tư vấn phát hành trái phiếu nhằm giúp doanh nghiệp tiếp cận với nguồn vốn có nhiều ưu việt hơn so với nguồn vốn tín dụng, đồng thời hỗ trợ nhà đầu tư tiếp cận được những cơ hội đầu tư tốt.

HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

Năm 2018, thị trường chứng khoán trong nước và toàn cầu có những biến động bất thường do ảnh hưởng của chiến tranh thương mại và việc FED duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt hơn. Đặc biệt giai đoạn quý IV/2018, thị trường chứng khoán chứng kiến sự sụt giảm khá mạnh. Trước những diễn biến bất lợi từ thị trường, VietinBank Securities đã nỗ lực bám sát, quản lý và theo dõi các cổ phiếu trong danh mục nhờ đó doanh thu từ hoạt động đầu tư cổ phiếu (lãi bán cổ phiếu và cổ tức) năm 2018 đạt 123,1 tỷ đồng tăng hơn 90% so với năm 2017 (42,4 tỷ đồng).

Hoạt động đầu tư trái phiếu năm 2018 tiếp tục được đẩy mạnh với hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, đầu tư và repo Trái phiếu Chính phủ. Lãi trái phiếu đạt được từ trái tức năm 2018 đạt

mức 36,6 tỷ đồng, bằng 153,7% so với năm 2017. Theo định hướng chiến lược, năm 2019 đối với danh mục cổ phiếu, VietinBank Securities tiếp tục tập trung, bám sát danh mục hiện đang đầu tư vào doanh nghiệp có giá trị cốt lõi cao. Bên cạnh đó, VietinBank Securities định hướng sẽ tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc khai thác và đa dạng hóa sản phẩm bằng việc đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp nhằm tối đa hóa lợi nhuận, giảm thiểu rủi ro và tạo ra nhiều công cụ cho hoạt động đầu tư.

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU PHÂN TÍCH

Năm 2018, ngoài vai trò kết nối, liên kết các mảng nghiệp vụ Tư vấn tài chính doanh nghiệp, Môi giới chứng khoán và Tự doanh và bảo lãnh phát hành nhằm hỗ trợ tối đa các nhu cầu của từ hoạt động kinh doanh, Trung tâm Nghiên cứu phân tích tiếp tục cùng với Khối môi giới đã đưa thêm các sản phẩm tư vấn chất lượng, theo sát thị trường, các phân tích chuyên để mang lại nhiều lợi ích cho khách hàng.

Năm 2019, trung tâm Nghiên cứu phân tích sẽ tập trung phát triển, đưa ra các sản phẩm về nghiên cứu phân tích chất lượng cao dành cho khách hàng đặc biệt là khách hàng tổ chức trên cơ sở Core mới đã được vận hành. Bên cạnh đó, hoạt động tư vấn phân tích sẽ tiếp tục được đầu tư cả về chất và lượng để đưa ra các sản phẩm khuyến nghị chất lượng tốt hơn.

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2018, công tác quản trị rủi ro tại VietinBank Securities luôn luôn song hành cùng hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong các cuộc họp định kỳ hàng tháng/quý/năm, Ban Lãnh đạo cùng các bộ phận kiểm soát rủi ro thường xuyên đánh giá các rủi ro trong hoạt động đầu tư, các khoản nợ đến hạn/quá hạn, rủi ro trong giao dịch/tác nghiệp... để đưa ra các cảnh báo, qua đó đã phát hiện sớm nhiều rủi ro tiềm ẩn VietinBank Securities phòng, tránh các tổn thất không đáng có trong hoạt động kinh doanh của mình.



Kính gửi Quý vị cổ đông, Quý khách hàng và đối tác,

TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM

Năm 2018, một năm biến động mạnh của thị trường chứng khoán Việt Nam

Năm 2018, thị trường chứng khoán Việt Nam ghi dấu ấn với nhiều kỷ lục ấn tượng: Chỉ số Vnindex lần đầu quay lại đỉnh 10 năm đạt hơn 1.200 điểm trong tháng 04/2018. Tuy nhiên, những lo ngại về chiến tranh thương mại Mỹ - Trung leo thang cũng như việc FED duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt hơn khiến kinh tế toàn cầu trở nên bất ổn. Vnindex đã có đợt sụt giảm tương đối mạnh gần 30% kể từ đỉnh 1.200 điểm về mức 880 điểm. Tuy nhiên, xét trên khía cạnh quy mô thị trường, năm 2018 được đánh giá là một năm tương đối thành công với mức thanh khoản giao dịch trung bình phiên đạt xấp xỉ 5.382 tỷ đồng, tăng 29% so với năm 2017; quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt gần 3,96 triệu tỉ đồng, tương đương với 72% GDP, tăng 12,7% so với năm 2017.

Về góc độ vĩ mô, dưới sự điều hành hợp lý của Chính phủ, kinh tế Việt Nam vẫn cho thấy những tín hiệu lạc quan. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2018 đạt 7,08%, cao nhất khu vực Đông Nam Á và dự kiến sẽ tiếp tục duy trì ở mức 6,7-6,8% trong năm 2019. Lãi suất và tỷ giá luôn được kiểm soát ổn định tạo điều kiện thuận lợi để dòng vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục chảy mạnh vào thị trường Việt Nam, đạt hơn 35,46 tỷ USD (bằng 98,8% so với con số kỉ lục năm 2017).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI VIETINBANK SECURITIES



“
 Năm 2019, VietinBank Securities tiếp tục thực hiện định hướng phát triển thành một định chế tài chính trên cơ sở phát triển hài hòa các mảng hoạt động.
 ”

QUẢN LÝ CÔNG TÁC TỔ CHỨC, LAO ĐỘNG TIẾN LƯƠNG

Năm 2018, VietinBank Securities tiếp tục thực hiện tốt chính sách phát triển nguồn nhân lực, chú trọng việc tuyển dụng nhân sự có năng lực, đồng thời cạnh tranh thu hút nhân sự chất lượng cao trên thị trường. Bên cạnh đó, VietinBank Securities luôn nỗ lực đánh giá, để bạt cán bộ một cách công bằng trên cơ sở đánh giá năng lực thực chất của cán bộ, tạo cơ hội phấn đấu, thăng tiến bình đẳng trong Công ty. Với những chiến lược nhân sự và biện pháp đã và đang áp dụng, chất lượng và năng suất lao động của đội ngũ cán bộ, đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo của VietinBank Securities trong những năm qua đã được cải thiện đáng kể. Bên cạnh đó, VietinBank Securities tiếp tục thực hiện việc sắp xếp, luân chuyển lại lao động, điều chuyển và bố trí nhân sự linh hoạt để cán bộ thường xuyên được trao đổi mở rộng nghiệp vụ, đồng thời thường xuyên tổ chức các lớp học/khóa học để đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm cho cán bộ người lao động.

CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI NĂM 2018

VietinBank Securities tiếp tục duy trì và thực hiện tốt các hoạt động thiết thực trong công tác từ thiện, an sinh xã hội. Ngoài việc tiếp tục đóng góp ngày lương cơ bản và lương kinh doanh một năm để ủng hộ Quỹ tình nghĩa, trong năm VietinBank Securities đã thực hiện các chương trình:

- Tài trợ cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập cho 03 lớp học của trường mầm non xã Quang Huy 2, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La;
- Tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho người dân xã Cán Tì, huyện Quản Bạ và xã Lao Và Chài, huyện Yên Minh, Hà Giang chịu thiệt hại trong đợt mưa lũ lịch sử năm 2018;
- Thực hiện khảo một số địa điểm tại Hà Giang, Yên Bái để lên phương án thực hiện các chương trình tài trợ xây trường trong năm 2019;
- Tổ chức thăm hỏi, tặng quà thân nhân CBNV Công ty nhân ngày Thương binh liệt sỹ 27/07.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Năm 2019, với định hướng xây dựng cơ cấu doanh thu dựa trên các mảng hoạt động có độ rủi ro thấp, bên cạnh phát huy các thế mạnh sẵn có VietinBank Securities sẽ tiếp tục đẩy mạnh Tư vấn phát hành trái phiếu, Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp. Từ đó, Tự doanh có thêm các cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, đồng thời phối hợp cùng với Môi giới giới thiệu, phân phối các sản phẩm trái phiếu doanh nghiệp tạo nên chuỗi sản phẩm khép kín cung cấp cho khách hàng. Đối với hoạt động đầu tư cổ phiếu, VietinBank Securities sẽ tiếp tục bám sát thị trường để tối ưu hiệu quả danh mục cổ phiếu hiện có. Về hoạt động môi giới, với nền tảng hệ thống Core hiện đại thông minh, VietinBank Securities sẽ tiếp tục nâng cấp, phát triển thêm nhiều các ứng dụng, sản phẩm, chính sách phí đa dạng, linh hoạt để hỗ trợ khách hàng giao dịch. Trong năm 2019, VietinBank Securities sẽ chính thức cung cấp các sản phẩm chứng khoán phái sinh để khách hàng đa dạng, tối ưu danh mục đầu tư. Ngoài ra, VietinBank Securities cũng sẽ tiếp tục

tăng cường công tác kiểm soát chi phí, đẩy mạnh hoạt động kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, xây dựng đội ngũ nhân sự có chất lượng cao, quan tâm nâng cao đời sống cán bộ, nhân viên, chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp, để tiếp tục kiện toàn, tối ưu bộ máy hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch đề ra.

Thay mặt Ban điều hành, tôi xin trân trọng bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới các Quý vị cổ đông, các đối tác và khách hàng đã ủng hộ, đồng hành cùng VietinBank Securities, cảm ơn toàn thể cán bộ nhân viên vì những đóng góp tận tâm, những nỗ lực không ngừng trong suốt chặng đường hơn 18 năm qua để giúp VietinBank Securities vượt qua khó khăn, thử thách, phát triển bền vững và tạo lập thành công.

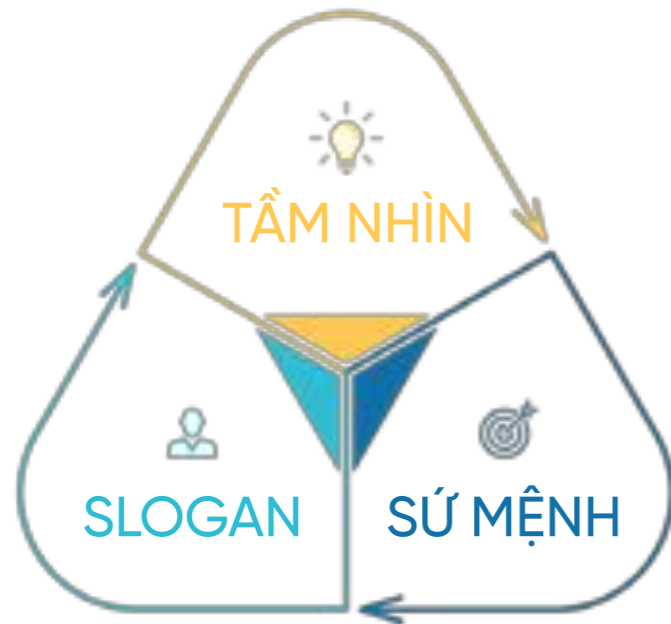
Tổng Giám Đốc

Khổng Phan Đức



GIỚI THIỆU VIETINBANK SECURITIES

- 01. TỔNG QUAN VỀ VIETINBANK SECURITIES
- 02. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

**SUY NGHĨ TÍCH CỰC/
THÁI ĐỘ TÍCH CỰC/
HÀNH ĐỘNG TÍCH CỰC/**

“VIETINBANK SECURITIES CAM KẾT MỌI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ĐỀU HƯỚNG ĐẾN LỰA CHỌN NHỮNG NHÂN TỐ TỐT NHẤT NHẪM MANG LẠI SỰ THÀNH CÔNG CHO KHÁCH HÀNG, CỔ ĐÔNG VÀ CÁN BỘ NHÂN VIÊN, ĐỒNG THỜI ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM.”

01. TỔNG QUAN VỀ VIETINBANK SECURITIES



Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Công ty Chứng khoán Công Thương – VietinBank Securities; Mã CTS, niêm yết sàn HOSE) là một trong những Công ty chứng khoán uy tín và lâu đời nhất tại Việt Nam. Vietinbank Securities đã khẳng định được vị thế của mình thông qua việc cung cấp cho khách hàng tổ

chức, doanh nghiệp và cá nhân các dịch vụ chứng khoán, dịch vụ tư vấn đầu tư, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp chuyên nghiệp và toàn diện. Bên cạnh đó, Công ty cũng được biết đến là một đơn vị kết nối cơ hội hợp tác, tham gia vào các hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho doanh nghiệp.



02. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2000

- Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam được thành lập với vốn điều lệ 55 tỷ đồng
- Thành lập chi nhánh TP HCM

2009

- Cổ phần hóa, chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam kể từ ngày 01/7/2009
- Tăng vốn điều lệ lên 789.934.000.000 đồng
- Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán: CTS
- Đưa hạ tầng công nghệ thông tin bao gồm phần mềm lõi chứng khoán của Free Will, hệ thống máy chủ của IBM và hệ thống hạ tầng mạng viễn thông vào hoạt động nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.

2011

- Top 10 về thị phần môi giới trên HNX
- Chính thức triển khai dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến
- Top 5 các công ty chứng khoán có lợi nhuận tốt nhất năm 2011

- Tăng vốn điều lệ lên 904,24 tỷ đồng
- Vượt lên vị trí số 1 thị phần môi giới sàn giao dịch UPCOM
- Giải thưởng "Nhà tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ tiêu biểu" do diễn đàn M&A Việt Nam 2015 bình chọn.
- Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu giai đoạn 2005 – 2016 do HNX bình chọn.
- Danh hiệu Công ty đóng góp liên tục 15 năm cho sự phát triển của TTCK Việt Nam do UBCKNN trao tặng.
- Top 5 công ty chứng khoán tiêu biểu trong việc thực hiện nghiệp vụ tư vấn niêm yết và đấu giá năm 2015 do Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh trao tặng.
- Top 10 công ty chứng khoán có hoạt động IB cao nhất năm 2015.

2015

- Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu giai đoạn 2015 – 2016 do HNX bình chọn.
- Doanh nghiệp tiến bộ nhất về minh bạch trên HNX năm 2016.
- Giấy khen của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam: Đã đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh 2016.
- Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà Nước về việc đã có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua ngành ngân hàng năm 2015.
- Top 10 công ty chứng khoán có doanh thu hoạt động IB cao nhất năm 2016.

2016

- Tăng vốn điều lệ của Công ty lên **1.064,4 tỷ đồng.**
- Chính thức đưa vào vận hành Hệ thống Quản lý và Giao dịch chứng khoán (UNICORE) và Ứng dụng giao dịch chứng khoán qua thiết bị di động (UniMobi).
- Thành viên tiến bộ về tăng trưởng môi giới 2017-2018 do HNX bình chọn.
- Trở thành thành viên bù trừ trực tiếp của Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

2018

- Chuyển sàn niêm yết sang Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE)
- Tăng vốn điều lệ của Công ty lên 976,5 tỷ đồng.
- Khai trương chi nhánh tại TP.Đà Nẵng.

2004 - 2008

- Tăng vốn điều lệ từ 55 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng, 300 tỷ đồng và 500 tỷ đồng

2010

- Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của Công ty lần đầu lọt vào Top 6 công ty hoạt động hiệu quả nhất thị trường

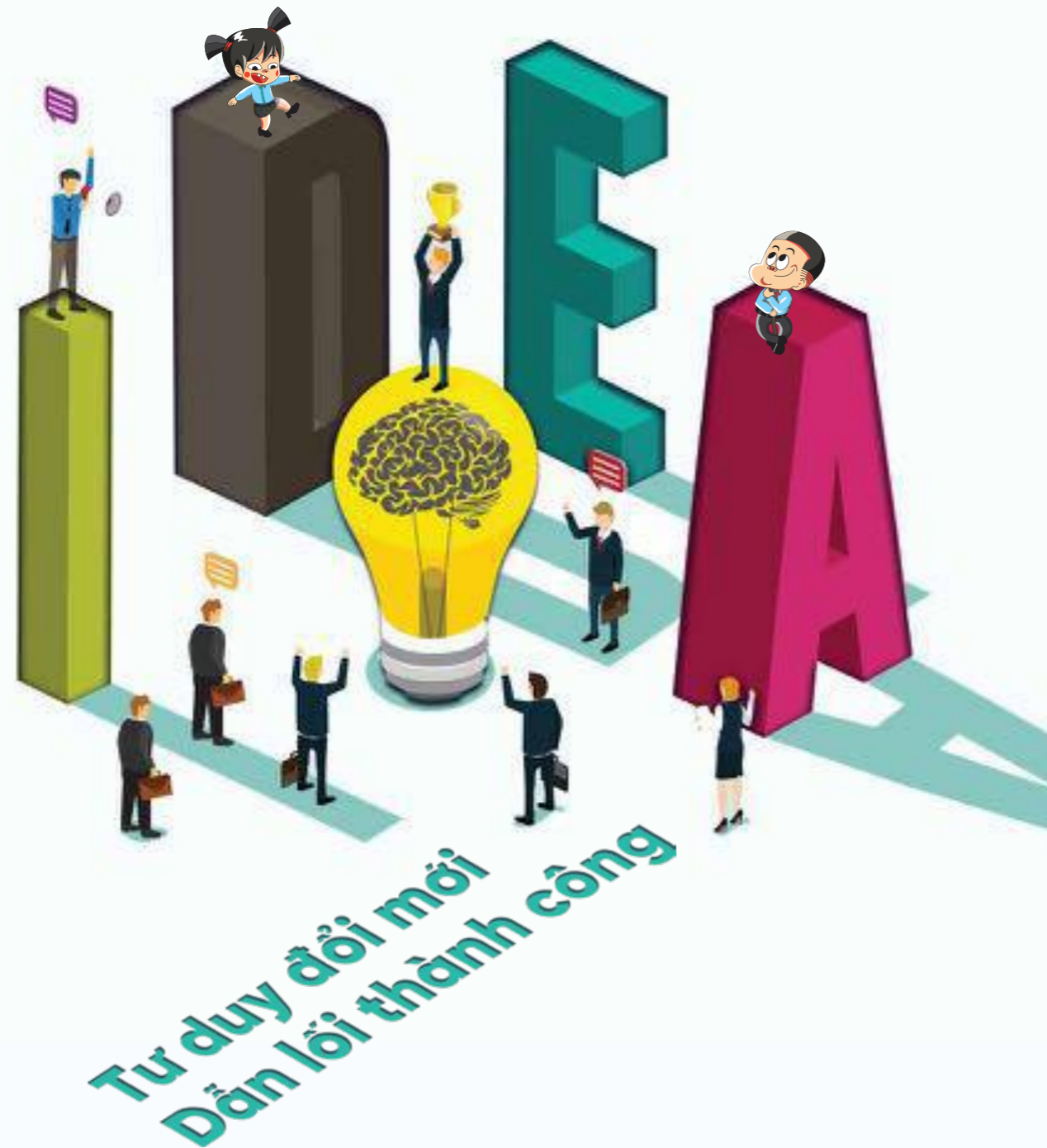
2013

- Đứng thứ 8 về thị phần môi giới trên sàn HOSE Quý III/2013.

2014

- Đột phá về hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp với mức tăng 227,7% so với năm 2013.

2017



KHẼNG ĐỊNH VỊ THẾ

01. THÁCH THỨC NĂM 2018
02. THÀNH TỰU NĂM 2018
03. CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT
04. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018
05. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO MẢNG NGHIỆP VỤ
06. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VÀ TRIỂN VỌNG

1. THÁCH THỨC NĂM 2018



Thách thức từ thị trường chung

Nổi tiếp đà tăng trưởng hưng phấn năm 2017, bức tranh kinh tế Việt Nam trong năm vừa qua tiếp tục thể hiện gam màu tươi sáng, bất chấp những khó khăn chung của nền kinh tế thế giới. Tốc độ tăng trưởng GDP đạt mức đỉnh 7,08% - cao nhất trong vòng 10 năm trở lại. Lạm phát duy trì ở mức thấp 3,54%, các chỉ số vĩ mô khác tiếp tục ổn định, thêm phần khẳng định nền kinh tế Việt Nam đang trở nên ngày càng vững vàng trước những biến động khó lường của thế giới, đặc biệt trong giai đoạn thắt chặt tiền tệ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đang liên tục leo thang trong thời gian vừa qua.

Thách thức từ môi trường cạnh tranh

Năm 2018, Việt Nam tiếp tục là một trong những thị trường chứng khoán hấp dẫn trong khu vực với triển vọng nâng hạng thị trường. Điều này đã trở thành động lực chính thu hút mạnh mẽ các định chế tài chính lớn trên thế giới đầu tư, thâm nhập các công ty chứng khoán ở Việt Nam với mục đích chiếm lĩnh thị trường, khiến cuộc đua thị phần môi giới năm 2018 trở nên hết sức gay gắt. Bên cạnh đó, khối công ty chứng khoán ngoại có lợi thế cạnh tranh với dòng vốn giá rẻ và quy mô lớn tạo ra không ít thách thức, đòi hỏi các công ty chứng khoán trong nước phải tăng cường cải tiến chất lượng sản phẩm dịch vụ, giữ chân những nhân sự có chất lượng.

Để đủ tiềm lực tài chính nhằm cung cấp các sản phẩm phái sinh, sản phẩm Margin, chứng quyền có bảo đảm..., các Công ty chứng khoán buộc phải tăng vốn, sáp nhập hoặc tìm kiếm đối tác chiến lược trong và ngoài nước. Tuy nhiên, tiêu chí để trở thành một công ty chứng khoán thành công còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố quan trọng khác như môi trường làm việc, văn hóa công ty, nguồn nhân lực,.... Mặt khác, nhằm đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư, an toàn tài chính hay quản trị rủi ro, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã đặt ra những yêu cầu khắt khe mà nhờ đó hoạt động các công ty chứng khoán lớn, lâu năm đã có sự cải thiện rất nhiều về chất lượng dịch vụ và không còn liêu lĩnh đánh đổi rủi ro hoạt động lấy thị phần như giai đoạn trước.

Thách thức từ chỉ tiêu kế hoạch

Ngày 26 tháng 03 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty Chứng khoán Công thương đã thông qua nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên với chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế năm 2018 lần lượt là 365 tỷ đồng và 163 tỷ đồng. So với mức lợi nhuận trước thuế năm 2017 (133,6 tỷ đồng), chỉ tiêu kế hoạch đặt ra tăng 22%. Đây vẫn là một thử thách rất lớn cho Ban lãnh đạo Công ty, trong bối cảnh thị trường chứng khoán vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức.

2. THÀNH TỰU NĂM 2018

Khẳng định vị thế Tư vấn tài chính doanh nghiệp trên thị trường

Trong năm 2018, Công ty đang tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ với các Tập đoàn và các Tổng Công ty lớn như: Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, Tổng Công ty 36, Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SABECO), Tổng Công ty Văn hóa Sài Gòn, Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam (VICEM)... trong việc thực hiện các hợp đồng tư vấn truyền thống (bao gồm tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn, đấu giá, tổ chức Đại hội đồng cổ đông, niêm yết, đăng ký giao dịch upcom, phát hành cổ phiếu...). Kết thúc năm 2018, Công ty đã ký mới 78 hợp đồng tư vấn, hoàn thành 74 hợp đồng tư vấn bao gồm 23 hợp đồng tư vấn phát hành và đại lý phát hành trái phiếu, cùng 51 hợp đồng tư vấn truyền thống..

Định hướng đầu tư chứng khoán theo phân tích cơ bản

Tiếp tục định hướng đầu tư theo phân tích cơ bản cho cộng đồng các nhà đầu tư Việt Nam. Trong năm 2018, ngoài các bản tin phân tích, khuyến nghị định kỳ theo từng doanh nghiệp, từng ngành, VietinBank Securities còn có các chuyên đề phân tích chuyên sâu, đánh giá các vấn đề mang tầm vĩ mô, "nóng" của nền kinh tế ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán thế giới và trong nước giúp các nhà đầu tư có cái nhìn sâu sắc, toàn diện, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư an toàn, hiệu quả hơn.

Nâng cao chất lượng, đa dạng các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng

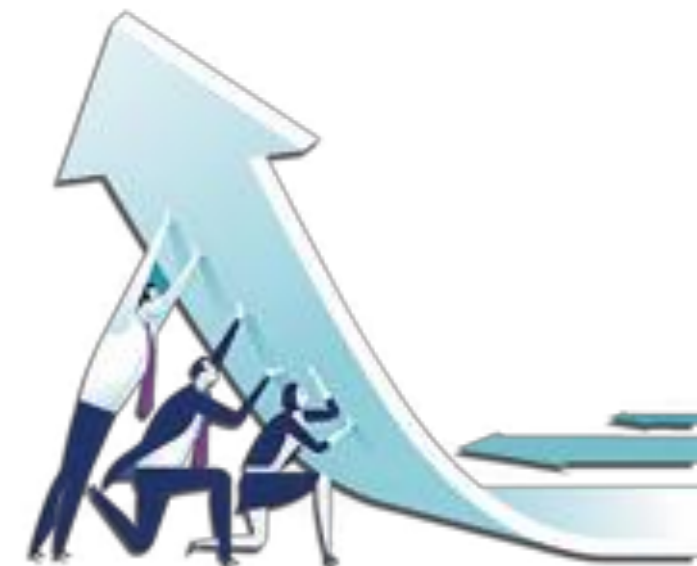
Năm 2018, tiếp tục tận dụng lợi thế Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam (Ngân hàng mẹ), VietinBank Securities tiếp tục nghiên cứu, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với Phòng Thị trường vốn VietinBank, Công ty Quản lý quỹ và các Chi nhánh VietinBank trên toàn quốc tìm kiếm, khai thác và cung cấp chuỗi sản phẩm Ngân hàng đầu tư toàn diện cho khách hàng, giúp khách hàng của VietinBank Securities nói riêng và VietinBank nói chung có được giải pháp tài chính toàn diện, tối ưu với chi phí cạnh tranh.

Hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư, hiện đại hóa để cung cấp các sản phẩm linh hoạt cho thị trường

Hệ thống công nghệ thông tin của VietinBank Securities trong năm 2018 đã có bước tiến lớn khi đã chính thức triển khai hệ thống Core mới cùng với ứng dụng đa nền tảng trên các thiết bị di động: chính thức đưa vào sử dụng phần mềm giao dịch chứng khoán UNICORE và ứng dụng giao dịch chứng khoán trên thiết bị di động (UniMobi). Trong đó, UNICORE có tính tự động hóa cao khi các nghiệp vụ được thiết lập chạy tự động. Khi có những thay đổi trên hệ thống, hoặc có những lỗi nguy hiểm, hệ thống sẽ tự động cảnh báo bằng email, SMS đến nhà quản trị. Ngoài ra, các dịch vụ trên hệ thống có thể cấu hình để tự động chạy và dừng, giảm thiểu nhiều thao tác cho người dùng. Còn UniMobi hỗ trợ khách hàng thực hiện giao dịch chứng khoán một cách thuận tiện mọi lúc, mọi nơi qua thiết bị di động với tốc độ nhanh, chính xác. Ngoài ra, đầu năm 2019, VietinBank Securities sẽ chính thức cung cấp các sản phẩm dịch vụ của TTCK phái sinh giúp khách hàng có thêm lựa chọn tối ưu danh mục đầu tư.

Đạt được nhiều thành tựu

- Thành viên tiên bộ về tăng trưởng môi giới 2017-2018 do HNX bình chọn.
- Chính thức đưa vào vận hành Hệ thống Quản lý và Giao dịch chứng khoán (UNICORE) và Ứng dụng giao dịch chứng khoán qua thiết bị di động (UniMobi).
- Trở thành thành viên bù trừ trực tiếp của Trung tâm Lưu ký chứng khoán.



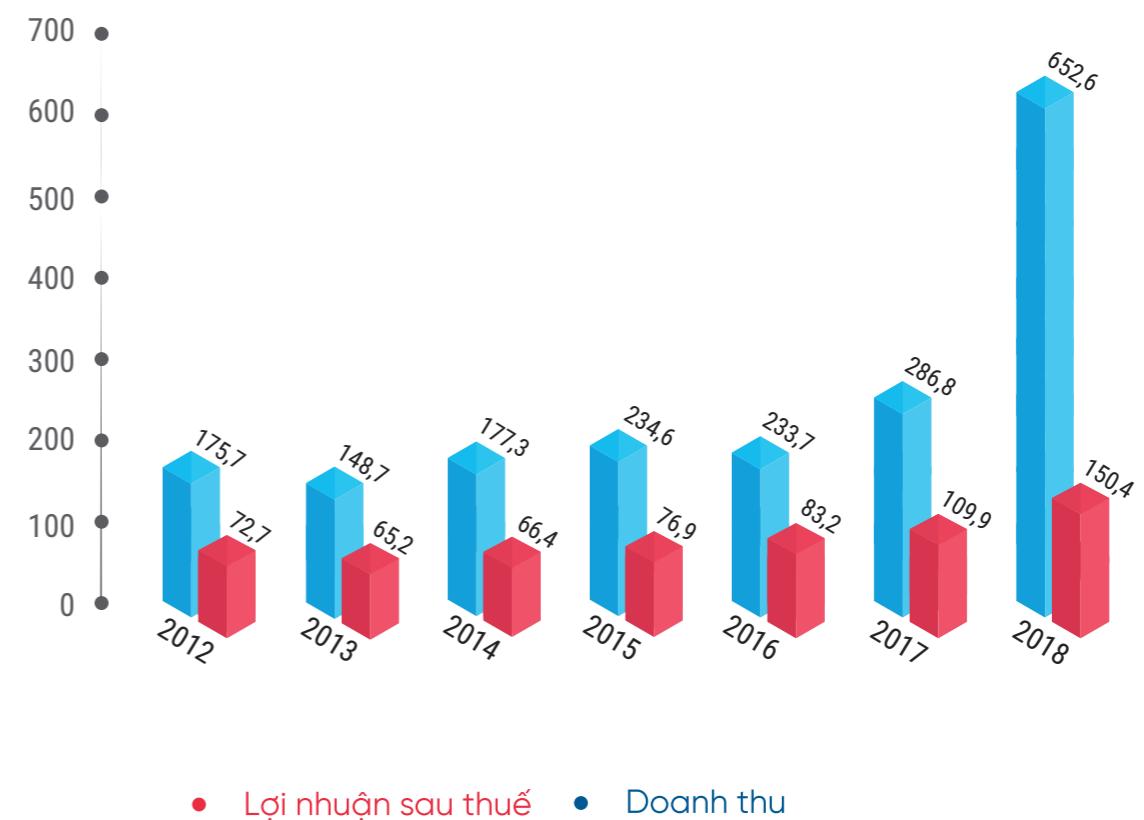
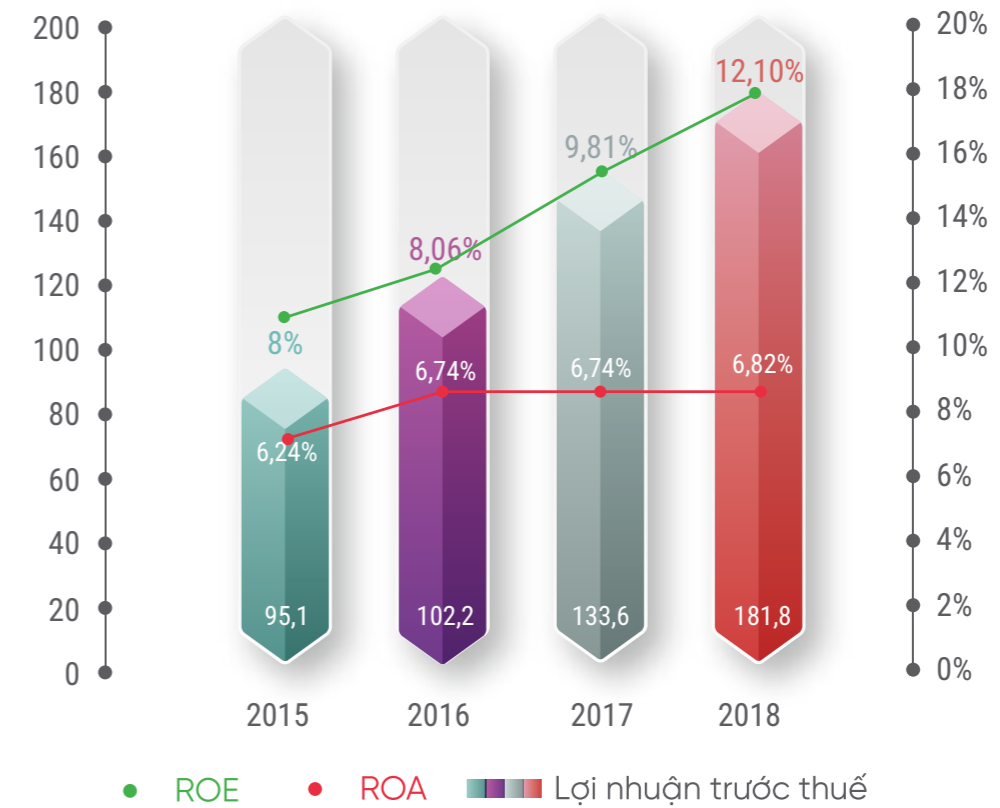
3. CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm 2018 so với 2017
Tổng tài sản	1.325.467	1.420.648	1.838.253	2.576.522	+40,16%
Doanh thu thuần	234.629	233.711	286.830	652.588	+127,52%
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	40.780	39.858	40.573	56.969	+40,41%
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	60.557	96.260	126.873	477.656	+276,48%
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	200	100	0	0	+0%
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	24.416	13.338	2.214	2.595	+17,21%
Doanh thu hoạt động tư vấn	77.085	24.408	33.343	17.408	-47,79%
Doanh thu lưu ký chứng khoán	8.776	22.821	24.156	15.835	-34,45%
Doanh thu khác	22.815	36.926	59.671	82.125	+37,63%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	95.133	102.129	132.938	181.259	+36,35%
Lợi nhuận khác	(3)	113	679	588	-13,35%
Lợi nhuận trước thuế	95.130	102.242	133.617	181.847	+36,10%
Lợi nhuận sau thuế	76.871	83.181	109.854	150.438	+36,94%
Thị phần môi giới	1,78%	1,61%	1,02%	1,09%	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	8%	8,06%	9,81%	12,10%	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	87,10%	86,93%	87,20%		
Tỷ lệ cổ tức	8%	8%	9%		

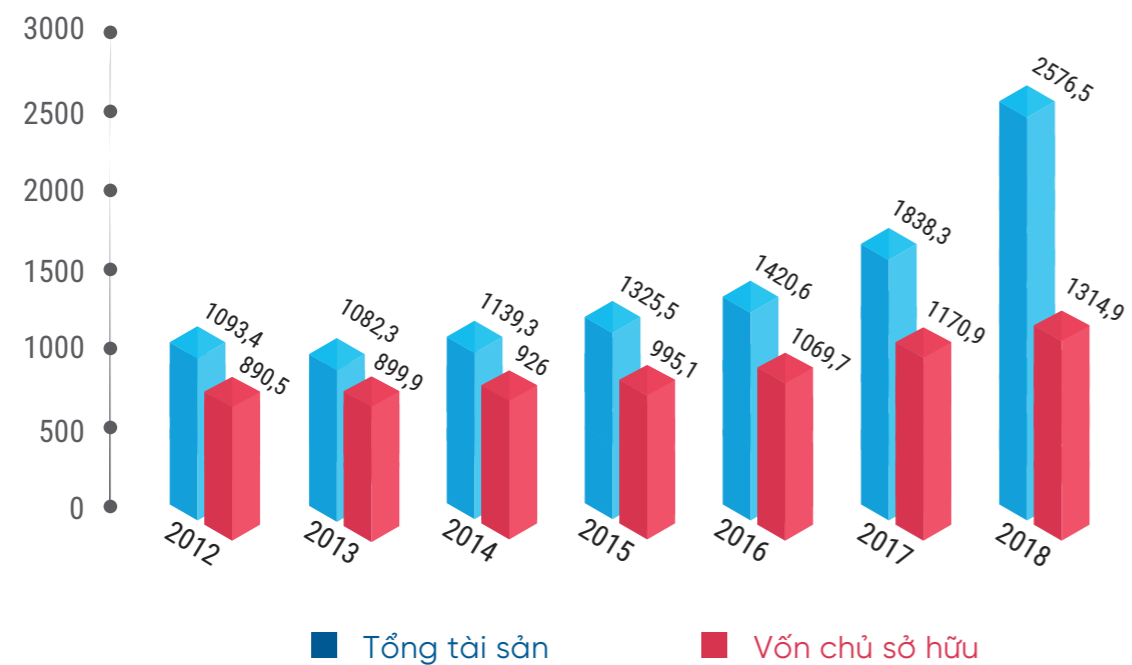
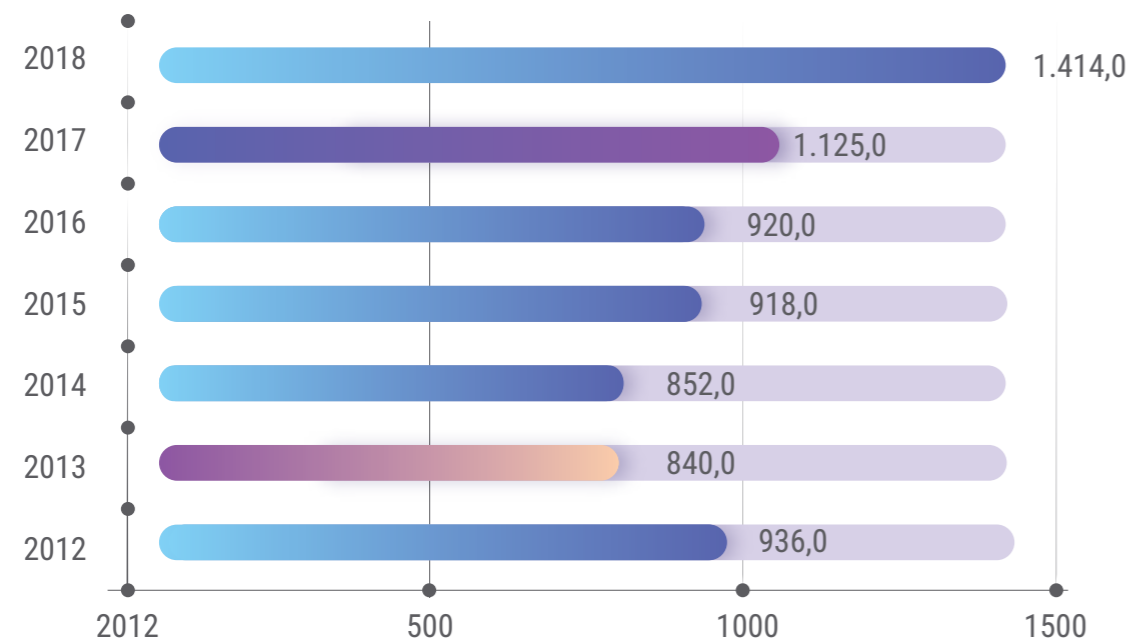
(Đơn vị: Triệu Đồng)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (cuối kỳ)				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần 2,47	3,87	2,64	2,45
Hệ số thanh toán nhanh	Lần 2,47	3,87	2,49	2,13
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (cuối kỳ)				
Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	Lần 0,05	0,25	0,36	0,49
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần 0,05	0,33	0,57	0,96
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay/ Tổng tài sản bình quân	Vòng 0,19	0,19	0,18	0,30
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	Lần 0,19	0,19	0,18	0,30
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	% 32,76	35,59	38,30	23,05
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	% 6,24	6,74	6,74	6,82
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	% 8,00	8,06	9,81	12,10



EPS



4. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Trong năm 2018, tổng tài sản của VietinBank Securities tăng trưởng mạnh. Tổng tài sản đầu năm đạt 1.838,2 tỷ đồng (trong đó tài sản ngắn hạn đạt 1.734,8 tỷ đồng, tài sản dài hạn đạt 103,4 tỷ đồng), tổng tài sản cuối năm tăng 40,2% so với đầu năm, đạt 2.576,5 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn đạt 2.418,2 tỷ đồng, tăng 39,4% so với thời điểm đầu năm và tập trung chủ yếu ở các khoản các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ; tài sản dài hạn đạt 158,3 tỷ đồng, tăng 53,1% so với thời điểm đầu năm, chủ yếu là do tăng tài sản cố định và tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

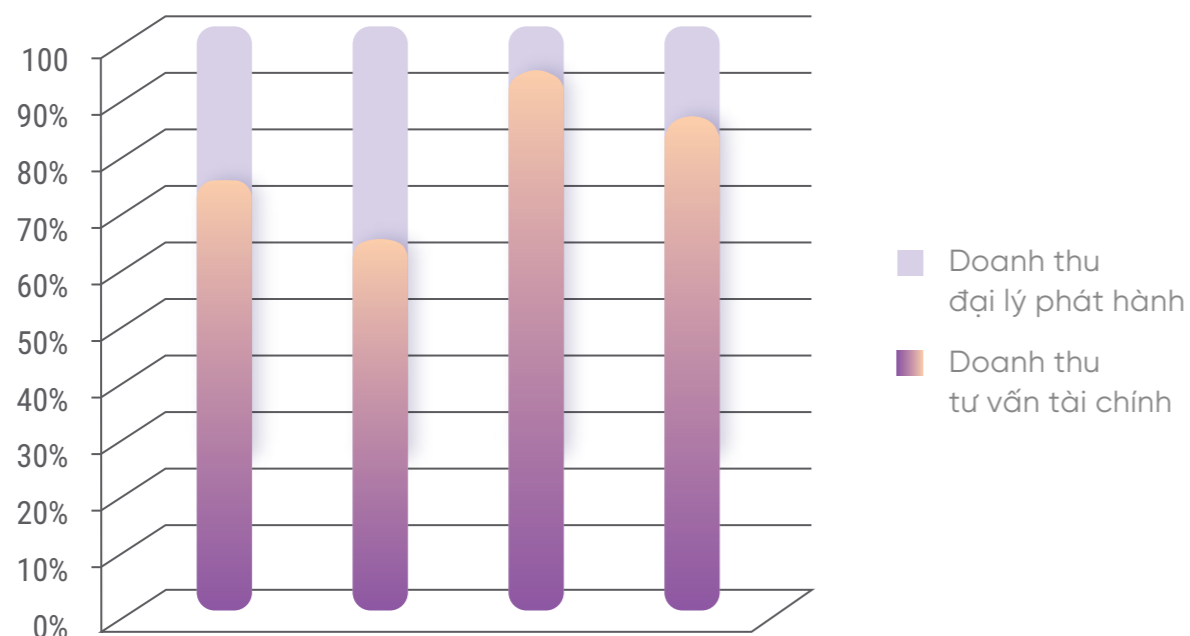
Về kết quả hoạt động kinh doanh, kết thúc năm 2018, doanh thu thuần của VietinBank Securities đạt 652,6 tỷ đồng, tăng 127,5% so với năm 2017, lợi nhuận trước thuế ở mức 181,8 tỷ đồng vượt 11,6% so với kế hoạch và tăng 36,1% so với lợi nhuận thực hiện năm 2017, lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt 150,4 tỷ đồng, tăng 36,9% so với năm 2017, đây là mức cao nhất trong vòng 07 năm trở lại đây của VietinBank Securities.

Cũng trong năm 2018, nguồn vốn của VietinBank Securities tiếp tục có sự biến động khá lớn, tập trung chủ yếu ở hai khoản mục giao dịch mua bán lại trái phiếu và trái phiếu phát hành dài hạn. Vietinbank Securities đã phát hành trái phiếu dài hạn nhằm huy động nguồn vốn đáp ứng chủ trương thúc đẩy hoạt động margin và hoạt động đầu tư kinh doanh. Kết thúc năm 2018, tổng nợ phải trả của Công ty là 1.261,7 tỷ đồng tăng gần gấp đôi so với thời điểm đầu năm.



5. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO MẢNG NGHIỆP VỤ

1. HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

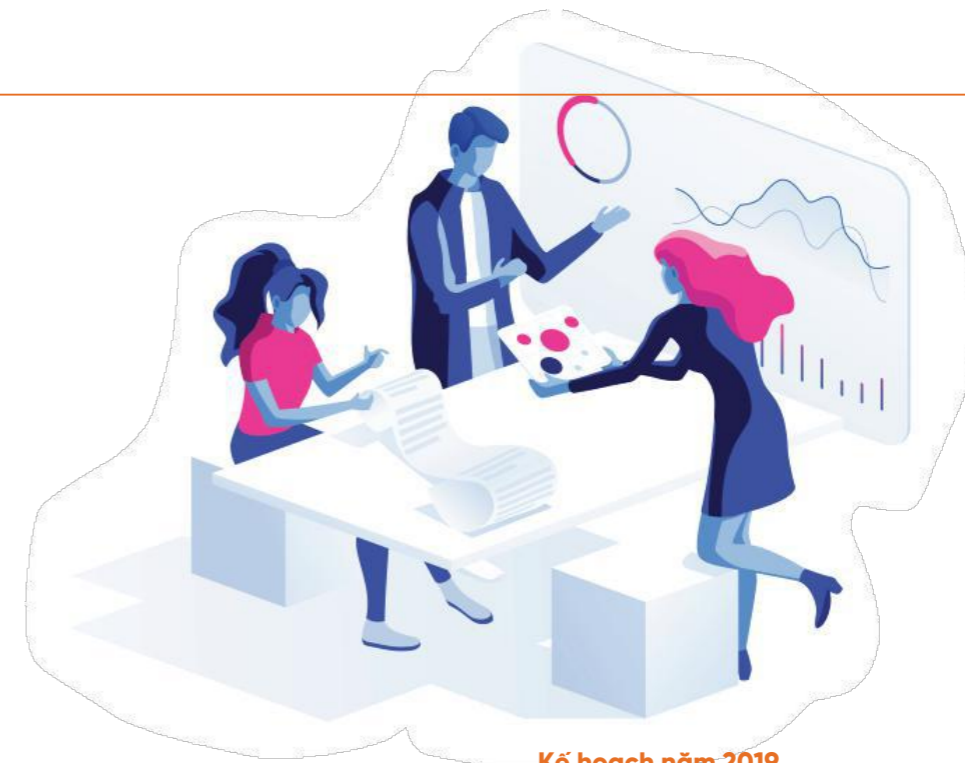


Năm 2018, VietinBank Securities tiếp tục giữ vững vị thế của mình trong mảng dịch vụ tư vấn truyền thống, tư vấn phát hành trái phiếu/thu xếp vốn, trên nền tảng cơ bản đã đạt được từ việc phát triển thương hiệu trong năm 2017, đẩy mạnh hoạt động tư vấn M&A, tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp và các dịch vụ tư vấn tài chính khác mang lại giá trị gia tăng cao như kết nối cơ hội hợp tác đầu tư, nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng. Năm 2018 là một năm không thuận lợi đối với hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp của VietinBank Securities do một số hợp đồng lớn về tư vấn phát hành Trái phiếu chưa thể triển khai, hoàn thành theo đúng kế hoạch. Tuy nhiên, VietinBank Securities đã bước đầu ghi nhận những kết quả khả quan trong triển khai hoạt động tư vấn M&A, đẩy mạnh công tác tìm kiếm khách hàng mới qua kênh đầu thầu, tham dự thầu nhiều gói thầu tư vấn của các Tổng công ty, tập đoàn lớn Việt Nam như: Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM), Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tổng Công ty Khánh Việt (KHATOCO)... Đây là

những tiền đề cho việc mở rộng hoạt động sang các mảng tư vấn mang lại giá trị gia tăng cho Công ty trong thời gian tới.

Doanh thu hoạt động Tư vấn Tài chính doanh nghiệp năm 2018 ghi nhận 17,4 tỷ đồng, doanh thu đại lý phát hành đạt 2,6 tỷ đồng, chiếm 13% tổng doanh thu hoạt động của toàn Khối Tư vấn Tài chính doanh nghiệp; lợi nhuận từ mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt 10,1 tỷ đồng. Đạt được kết quả kinh doanh khả quan như trên là do Khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp của VietinBank Securities đã nỗ lực trong việc duy trì và phát triển quan hệ với các Tập đoàn, Tổng Công ty lớn đồng thời nỗ lực tìm kiếm, triển khai các giao dịch quy mô lớn gắn liền khách hàng có tên tuổi tạo bàn đạp vững chắc cho sự phát triển thương hiệu của VietinBank Securities. Năm 2018, một số thành tựu tiêu biểu của Khối tư vấn tài chính doanh nghiệp có thể kể đến như:

- Trong năm 2018, Khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp đã thực hiện ký mới 78 hợp đồng trong đó có 22 hợp đồng tư vấn phát hành trái phiếu và đại lý



Kế hoạch năm 2019

phát hành trái phiếu, 06 Hợp đồng tư vấn M&A và xây dựng phương án tài chính, còn lại là 50 hợp đồng tư vấn truyền thống như tư vấn cổ phần hóa, thoái vốn, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch...; hoàn thành 74 hợp đồng tư vấn bao gồm 23 hợp đồng tư vấn phát hành và đại lý phát hành trái phiếu, cùng 51 hợp đồng tư vấn truyền thống.

- Tư vấn cổ phần hóa và tư vấn chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính cho các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đang có kế hoạch tái cơ cấu như Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam (VICEM), Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam, Tổng Công ty 319 Bộ Quốc Phòng, Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp, Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ...

- Tư vấn phát hành trái phiếu thành công cho các đối tác lớn như: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú – Invest, CTCP Văn phòng phẩm Hải Phòng, Công ty TNHH Than Tân Phú Đồng, CTCP CLB Du thuyền Cam Ranh, CTCP Đầu tư Hạ tầng và Công trình Kiến trúc Hà Nội (Hateco), CTCP Phát triển TN, CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova, CTCP Dược phẩm Vĩnh Phúc... Công ty đã tư vấn thu xếp vốn thành công cho nhiều doanh nghiệp lớn với tổng giá trị thu xếp được là gần 9.601 tỷ đồng trái phiếu trong nước.

- Tư vấn niêm yết/đăng ký giao dịch thành công cho nhiều đối tác như CTCP May Sông Hồng, CTCP X20, CTCP Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái...

- Đặc biệt năm 2018 hoạt động tư vấn M&A đạt được nhiều kết quả tích cực, có thể kể đến thương vụ với Công ty TNHH Phú Đồng ASIA nhận chuyển nhượng công ty sở hữu cảng tại khu vực Bà Rịa – Vũng Tàu, tư vấn sáp nhập thành công thương vụ trị giá 500 tỷ đồng trong lĩnh vực bất động sản,...

Tình hình thị trường tư vấn tài chính trong năm 2019 được đánh giá sẽ tiếp tục khó khăn do các nhu cầu sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính đã bước vào giai đoạn bão hòa. Do đó, bên cạnh việc bám sát định hướng xuyên suốt đã đặt ra, VietinBank Securities đang từng bước nghiên cứu chiến lược phát triển sản phẩm mới, bắt nhịp với xu thế chung của thị trường. Cụ thể:

- Tiếp tục thực hiện định hướng khai thác khách hàng lớn là các Tập đoàn, Tổng Công ty đầu ngành và cung cấp dịch vụ tư vấn trọn gói, ban đầu là tư vấn tái cấu trúc, sau đó là tư vấn thu xếp vốn và các dịch vụ gia tăng khác.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc khai thác lợi thế là công ty con của VietinBank, chủ động kết hợp với các chi nhánh của VietinBank và các phòng ban khác trong Công ty. Tận dụng khai thác triệt để cơ sở khách hàng doanh nghiệp lớn, phổ rộng trên nhiều lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân và khách hàng thường có bề dày quan hệ tin dụng với VietinBank. Đồng thời khai thác nhu cầu sử dụng dịch vụ của đối tượng khách hàng tư nhân vừa và nhỏ nhằm cung cấp các sản phẩm tài chính đặc thù đồng thời bước đầu tạo ra các sản phẩm dịch vụ gia tăng mới. Hướng tới phát triển cung ứng chuỗi dịch vụ giá trị gia tăng.

- Năm 2019, bên cạnh việc tiếp tục giữ vững vị thế của mình trong mảng dịch vụ tư vấn truyền thống, tư vấn phát hành trái phiếu/thu xếp vốn, trên nền tảng cơ bản đã đạt được từ việc phát triển thương hiệu trong năm 2018, VietinBank Securities sẽ đẩy mạnh hoạt động tư vấn M&A, tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp và các dịch vụ tư vấn tài chính khác mang lại giá trị gia tăng cao như kết nối cơ hội hợp tác đầu tư, nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng.

2. HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

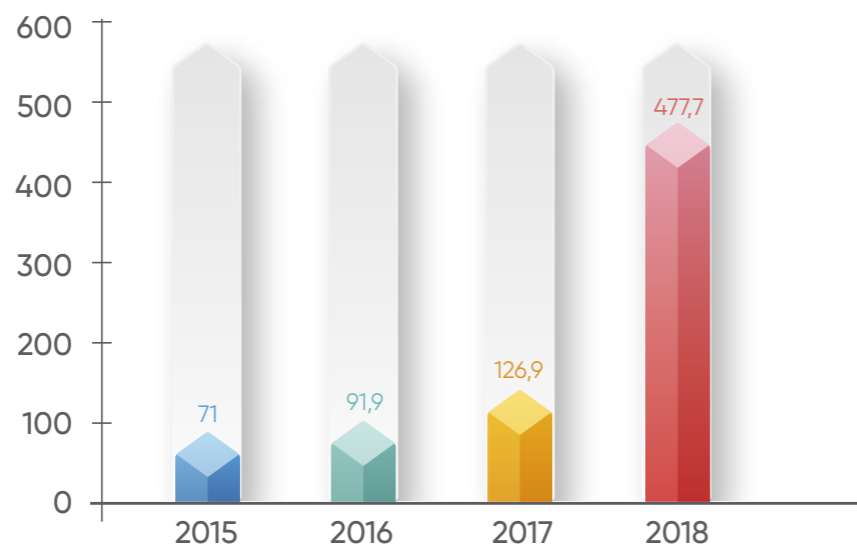
Trong năm 2018, trước bối cảnh tình hình kinh tế, tài chính thế giới có nhiều yếu tố tác động bất lợi đến thị trường chứng khoán toàn cầu, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam đã diễn biến trong xu hướng giảm điểm, mặc dù có một số đợt phục hồi nhờ các thông tin tích cực từ tình hình kinh tế vĩ mô trong nước.

Trên thị trường cổ phiếu, chỉ số VN-Index kết thúc phiên giao dịch cuối năm 2018 đạt 892,5 điểm, giảm 9,3% so với cuối năm 2017. Tổng vốn hóa thị trường trong năm 2018 đạt gần 4 triệu tỷ đồng, tăng 12,7% so với thời điểm cuối năm 2017, tương đương với xấp xỉ 72% GDP và vượt chỉ tiêu chính phủ đặt ra vào năm 2020. Thanh khoản cải thiện mạnh, quy mô giao dịch bình quân đạt gần 6.546 tỷ đồng/phiên, tăng 31,4% so với bình quân năm 2017... Trong khi đó, trên thị trường trái phiếu, tổng giá trị dư nợ trái phiếu tính đến hết năm 2018 đạt khoảng gần 1,5 triệu tỷ VND, tương đương gần 27% GDP. Phân khúc sôi động nhất vẫn thuộc về trái phiếu chính phủ với giá trị niêm yết đạt 1,1 triệu tỷ đồng, tăng 8,9% so với cuối năm 2017, tương đương 23% GDP, trong khi, phân khúc trái phiếu doanh nghiệp vẫn chưa thực sự phát triển, dư nợ chỉ chiếm khoảng 7% GDP - vẫn ở mức thấp so với các nước trong khu vực. Mặt khác, TTCK phái sinh duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh và đều đặn. Tổng khối lượng giao dịch trên thị trường phái sinh đạt 19.697.764 hợp đồng. Tính bình quân, khối lượng giao dịch đạt 78.791 hợp đồng/phiên, tăng gấp 7 lần so với năm 2017.

Dự đoán xu thế của thị trường, VietinBank Securities đã đặt ra chiến lược đầu tư trong năm 2018: Tập trung đẩy mạnh tìm kiếm cơ hội kinh doanh các cổ phiếu niêm yết. Hoạt động này đã mang lại lợi nhuận tốt và đóng góp vào hoạt động chung của Công ty. Ngoài ra hoạt động kinh doanh đầu tư trái phiếu doanh nghiệp cũng được đẩy mạnh với việc đa dạng hóa danh mục và sản phẩm trái phiếu doanh nghiệp cung cấp. Song song với đó, công tác quản trị rủi ro được thực hiện tốt khi 100% các khoản đầu tư trái phiếu của Công ty đều được thu gốc và lãi đầy đủ đúng hạn, đảm bảo lợi nhuận và quản trị rủi ro hiệu quả cho Công ty.

Kết thúc năm 2018, hoạt động Tự doanh và Bảo lãnh vẫn tiếp tục là mảng kinh doanh quan trọng, đóng góp phần lớn vào doanh thu của Công ty (chiếm khoảng 73,2% tổng doanh thu thuần của VietinBank Securities). Cụ thể, năm 2018, doanh thu Tự doanh và Bảo lãnh phát hành đạt 477,7 tỷ đồng tăng 3,8 lần so với cùng kỳ.

Đối với dịch vụ bảo lãnh phát hành, là một trong 20 công ty chứng khoán có vốn điều lệ và tổng tài sản lớn nhất trên thị trường hiện nay, nguồn vốn chủ sở hữu tính tới ngày 31/12/2018 đạt 1.314,9 tỷ đồng, VietinBank Securities đủ khả năng thực hiện các hợp đồng bảo lãnh đa dạng theo nhu cầu của khách hàng. Đồng thời, với uy tín của VietinBank Securities trên thị trường chứng khoán và mối quan hệ truyền thống lâu dài với các ngân hàng nên khả năng huy động nguồn của VietinBank Securities cao, tăng năng lực bảo lãnh.



Doanh Thu Hoạt Động Tự Doanh & Bảo Lãnh Phát Hành
(Đơn vị: Tỷ Đồng)

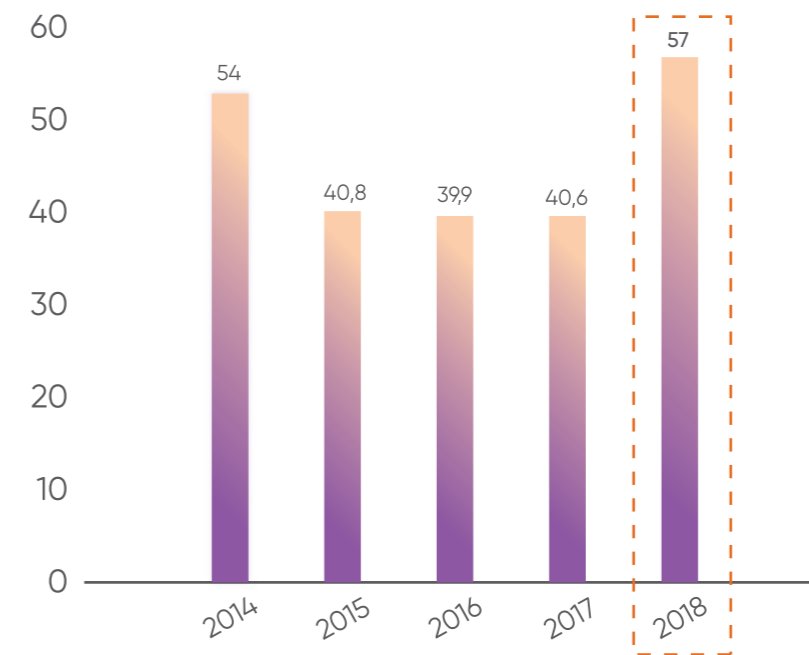
Kế Hoạch Năm 2019

Năm 2019 được nhận định là năm có bối cảnh kinh tế quốc tế phức tạp, có thể ảnh hưởng đến nền kinh tế của Việt Nam, dẫn đến tình hình thị trường chứng khoán diễn biến khó lường. Với thời cơ, thách thức đan xen nhau, nên VietinBank Securities đặt kế hoạch phân bổ hợp lý tỷ trọng đầu tư vào trái phiếu và cổ phiếu. Với nhu cầu về vốn tại các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn tín dụng, việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp vẫn sẽ là một trong những kênh

đầu tư hấp dẫn năm 2019. Đồng thời, Công ty sẽ chú trọng hơn nữa việc đầu tư vào mảng PE (Private Equity) cũng như đi cùng các doanh nghiệp tiềm năng tăng trưởng cao. Ngoài ra, Công ty cũng thúc đẩy, đa dạng hóa nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và tăng cường các công cụ tài chính cho nhà đầu tư trên thị trường.

3. HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

Trong năm 2018, hoạt động môi giới chứng khoán đã tập trung phát triển mạnh mẽ khách hàng cá nhân và các khách hàng ưu tiên tại các đơn vị hỗ trợ kinh doanh ở 54 tỉnh thành khắp cả nước. Doanh thu cả năm 2018 từ hoạt động môi giới chứng khoán đạt xấp xỉ 57 tỷ đồng, tăng 40,4% so với con số 40,6 tỷ đồng của năm 2017. Mặc dù thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2018 không thuận lợi, nhưng nhờ những nỗ lực đẩy mạnh phát triển mở rộng mạng lưới khách hàng mà thị phần giao dịch của VietinBank Securities đạt 1,1%, tăng nhẹ 6,9% so với năm 2017. Cũng nhờ đó, giá trị giao dịch cũng như phí giao dịch toàn công ty đều tăng mạnh so với năm 2017, lần lượt đạt 35,8 nghìn tỷ đồng và 56,1 tỷ đồng, tăng lần lượt 39,4% và 38,6%.



Doanh Thu Môi Giới Chứng Khoán
(Đơn vị: Tỷ Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Giá trị giao dịch	24.880,5	25.614,4	35.819,6
Phí giao dịch	39,7	40,5	56,1
Thị phần giao dịch	1,61%	1,02%	1,09%

(Đơn vị: Tỷ Đồng)

Đặc biệt, lợi nhuận từ hoạt động môi giới chứng khoán vẫn đảm bảo được sự tăng trưởng do Công ty đẩy mạnh tăng trưởng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ. Tổng mức dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của VietinBank Securities tại thời điểm cuối năm 2018 đạt gần 715 tỷ đồng, tăng 8,8% so với năm 2017. Doanh thu lãi margin toàn Công ty đạt hơn 81,8 tỷ đồng, tăng 37,7% so với năm 2017.

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Tăng trưởng cùng kỳ	
				Năm 2017	Năm 2018
Dư nợ margin	415,6	659,0	714,9	58,6%	8,5%
Lãi margin	36,9	59,4	81,8	60,0%	37,7%

(Đơn vị: Tỷ Đồng)

Kế Hoạch Năm 2019

Năm 2019, hoạt động môi giới chứng khoán của VietinBank Securities sẽ tiếp tục tập trung đẩy mạnh giao dịch của khách hàng cá nhân và khách hàng VIP thông qua các gói sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, phù hợp hơn cho khách hàng. Bên cạnh đó, công ty cũng sẽ đẩy mạnh mảng bán lẻ trái phiếu nhằm tăng doanh thu cũng như tính cạnh tranh của mảng môi giới trên thị trường.

cũng như tốc độ được cải thiện đáng kể, giúp tăng năng suất lao động cũng như chất lượng dịch vụ. Từ thành công đó, trong năm 2019, Khối môi giới sẽ tiếp tục đưa ra các sản phẩm con thuộc hệ thống Unicore nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của khách hàng cũng như cải thiện chất lượng công việc của nhân viên môi giới.

Trong năm 2018, hệ thống phần mềm Unicore của Công ty đã được nâng cấp với nhiều tính năng mới

6. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VÀ TRIỂN VỌNG

Theo báo cáo "Môi trường kinh doanh 2019: Đào tạo để cải cách" (Doing Business 2019) mới được Ngân hàng thế giới (World Bank) công bố nhằm theo dõi mức độ thuận lợi kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên thế giới, Việt Nam tiếp tục duy trì thứ hạng tốt, xếp thứ 69/190 nền kinh tế được đánh giá, giảm 1 bậc. Tuy nhiên, nếu xét trên thang điểm 100 thì môi trường kinh doanh tại Việt Nam đã có những biến chuyển tích cực, đạt 68,36 điểm, cao hơn 1,59 điểm so với Doing Business 2018.

Hiện tại, Việt Nam đứng sau 4 nước trong khu vực ASEAN, gồm: Singapore (thứ 2), Malaysia (thứ 15), Thái Lan (thứ 27) và Brunei (thứ 55); đứng trên Indonesia (thứ 73), Philippines (thứ 124), Campuchia (thứ 138), Lào (thứ 154), Timor-Leste (thứ 178) và Myanmar (thứ 171).

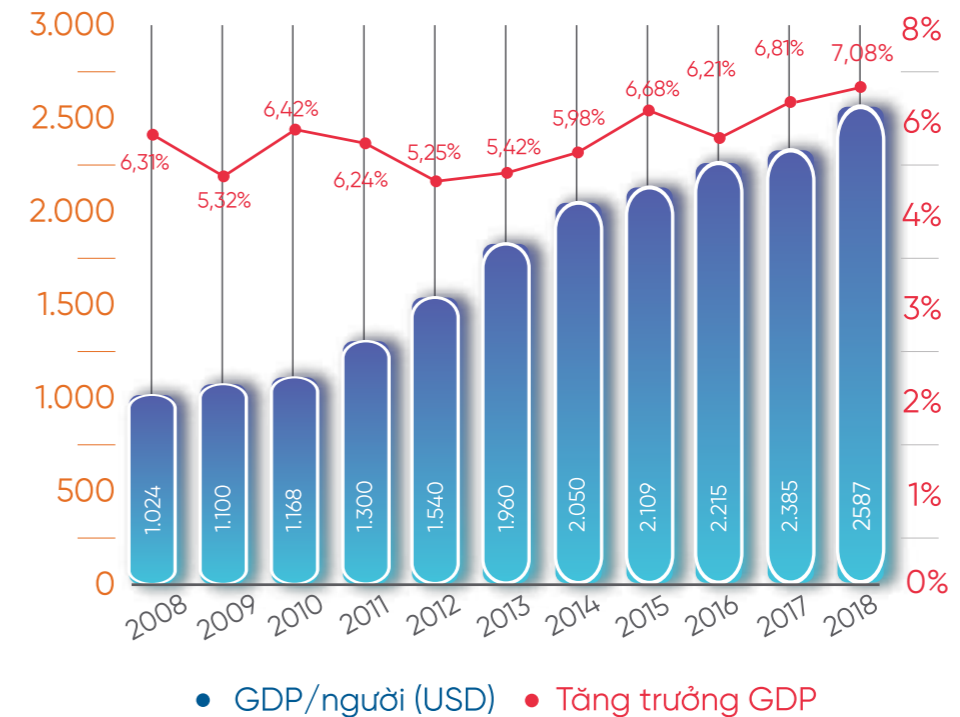


Số Liệu Xếp Hạng Của Khu Vực Đông Á - Thái Bình Dương

Nền kinh tế	Xếp Hạng(1-190)	Điểm môi trường kinh doanh thuận lợi(0-100)		Số cải cách	
		DB2018	DB2019	DB2018	DB2019
Brunei	55	70,18	72,03	8	3
Campuchia	138	54,39	54,80	0	1
Trung Quốc	46	65,00	73,64	2	7
Fiji	101	61,11	61,15	2	0
Đặc khu kinh tế Hồng Kông Trung Quốc	4	84,18	84,22	1	1
Indonesia	73	66,54	67,96	7	3
Kiribati	158	48,74	49,07	0	0
Lào	154	51,15	51,26	0	1
Maylaixia	15	78,03	80,60	2	6
Quần đảo Marshall	150	51,61	51,62	0	0
Liên bang Micronesia	160	48,99	48,99	0	0
Mông Cổ	74	67,47	67,74	1	1
Myanma	171	44,21	44,72	2	2
Palau	133	55,58	55,59	1	0
Papua Tân Guinea	108	58,93	60,12	0	3
Philippin	124	56,32	57,68	2	3
Samoa	90	63,76	63,77	1	0
Singapore	2	84,97	85,24	2	2
Quần đảo Xôlômôn	115	58,84	59,17	0	0
Đài Loan, Trung Quốc	13	80,66	80,90	2	2
Thailan	27	77,39	78,45	8	4
Timor-Leste	178	39,89	41,60	0	1
Tônga	91	63,56	63,59	0	0
Vanuatu	94	63,08	62,87	0	0
Vietnam	69	66,77	68,36	5	3

Nguồn: cơ sở dữ liệu môi trường kinh doanh

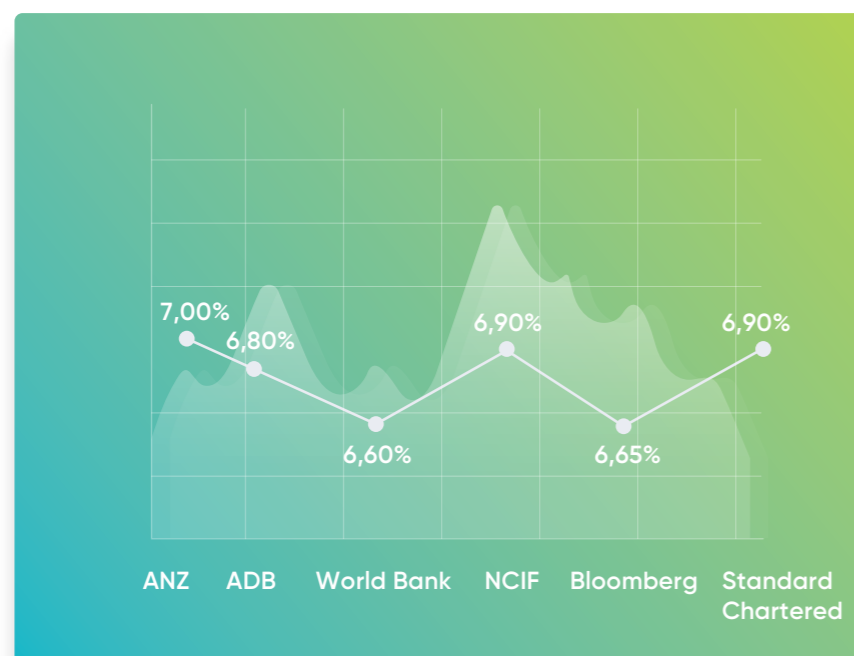
GDP



Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) vừa công bố báo cáo kinh tế - xã hội năm 2018. Theo đó, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2018 đạt kỷ lục tăng 7,08% so với năm 2017, trong đó quý 1 tăng 7,38%; quý 2 tăng 7,08%; quý 3 tăng 6,98%; quý 4 tăng 7,08%. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao nhất trong giai đoạn 10 năm trở lại đây của nền kinh tế Việt Nam nhờ vào động lực chính là ngành công nghiệp chế biến chế tạo và ngành dịch vụ; nông, lâm thủy sản tăng trưởng tốt, các chỉ số vĩ mô được củng cố và duy trì ổn định, xuất khẩu và tiêu dùng tăng cao hơn so với cùng kỳ.

Quy mô nền kinh tế theo giá hiện hành đạt 5,54 triệu tỷ đồng; GDP bình quân đầu người ước tính đạt 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD, tăng 198 USD so với năm 2017. Bên cạnh đó, chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện. Năm 2018, đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GDP đạt 43,5%, bình quân 3 năm 2016-2018 đạt 43,3%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 33,6% của giai đoạn 2011-2015.

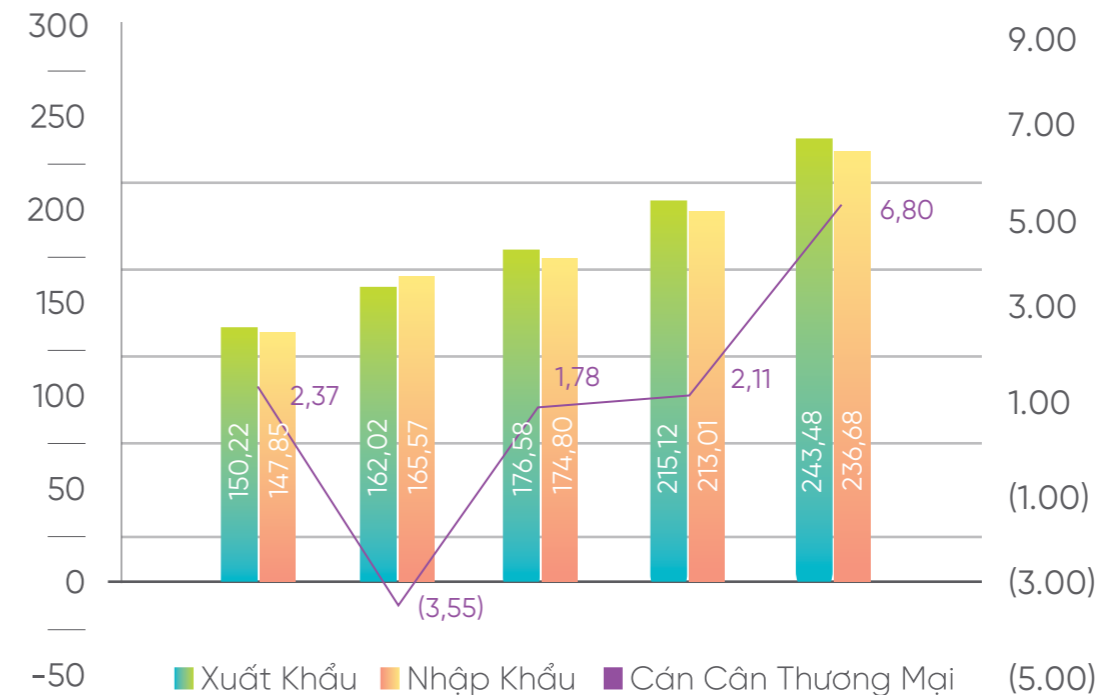
Dự Báo Tăng Trưởng GDP 2019



Các tổ chức, định chế tài chính lớn trên thế giới vẫn kỳ vọng năm 2019 Việt Nam sẽ tiếp tục là một trong những thị trường tăng trưởng nhanh nhất châu Á. Điển hình như Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đã đưa ra dự báo GDP Việt Nam sẽ tăng 6,8% trong năm 2019 với động lực chính là chiến tranh thương mại Mỹ - Trung hạ nhiệt, Việt Nam tiếp tục được hưởng lợi từ lĩnh vực xuất khẩu. Đồng tình với quan điểm này, báo cáo triển vọng kinh tế của ANZ cũng cho rằng Việt Nam có thể đạt được mức tăng trưởng GDP năm 2019 là 7% với điểm nhấn chính là dòng vốn lớn FDI tiếp tục chảy rông, tập trung chủ yếu vào lĩnh vực xây dựng và sản xuất cũng như các ngành kinh tế khác như du lịch sẽ ghi nhận mức tăng trưởng mạnh. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, Việt Nam cũng sẽ phải đối mặt với nhiều nguy cơ, thách thức như việc tập trung đảm bảo lạm phát ở mức mục tiêu, tăng trưởng tín dụng không quá nóng hay duy trì sức khỏe bảng cân đối khu vực tài chính.

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU

Kim ngạch xuất nhập khẩu



Nguồn: Tổng cục Hải Quan (Đơn vị: Tỷ USD)

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan tính đến cuối năm 2018, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam vào khoảng 480,17 tỷ USD, tăng 12,2% (tương ứng tăng 52,05 tỷ USD) so với năm trước. Trong đó trị giá hàng hóa xuất khẩu đạt 243,48 tỷ USD, tăng 13,2% và nhập khẩu đạt 236,69 tỷ USD, tăng 11,1%. Đây là năm thứ 3 liên tiếp cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam năm 2018 thặng dư 6,8 tỷ USD, cao hơn nhiều so với hai năm trước là 2,11 tỷ USD (2017) và 1,78 tỷ USD (2016).

Thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa

Năm 2018 đã tiếp tục để lại dấu ấn đậm nét khi các sản phẩm hàng hóa xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam đã có mặt ở 5 châu lục, khẳng định được vị trí trên thị trường thế giới, có khả năng cạnh tranh cao, qui mô xuất khẩu lớn. Cụ thể trong năm 2018 vừa qua, châu Á vẫn là đối tác thương mại lớn nhất của các doanh nghiệp Việt Nam (xuất khẩu chiếm 54% và nhập khẩu chiếm 80,3%); tiếp theo là châu Mỹ (xuất khẩu chiếm 23,8% và nhập khẩu chiếm 8,6%); châu Âu (xuất khẩu chiếm 19%, trong đó EU28 chiếm 17,2% và nhập khẩu chiếm 7,5%, trong đó EU28 chiếm 5,9%); châu Đại Dương (xuất khẩu chiếm 2% và nhập khẩu chiếm 1,9%); và châu Phi (xuất khẩu chiếm 1,2% và nhập khẩu chiếm 1,7%).

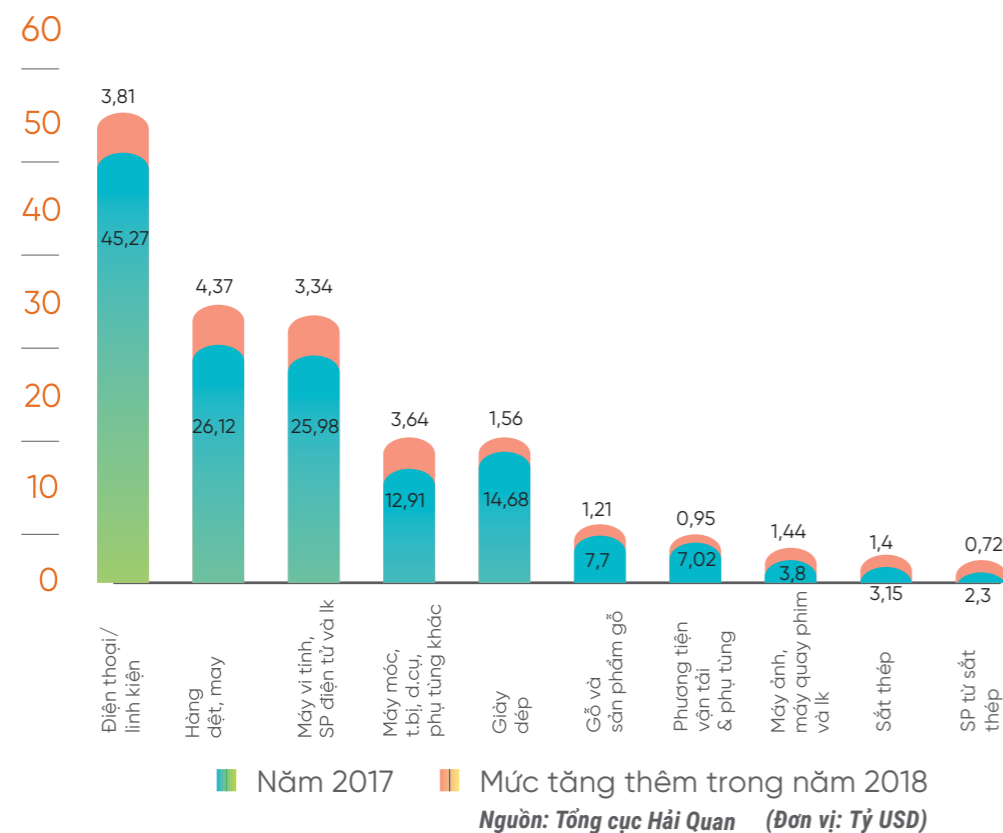
Kim ngạch, tỷ trọng và tốc độ tăng giảm xuất khẩu, nhập khẩu theo châu lục và nước/khu vực thị trường chính năm 2018

Thị trường	Xuất khẩu			Nhập khẩu		
	Kim Ngạch (Triệu USD)	Tỷ Trọng (%)	So với năm 2017 (%)	Kim Ngạch (Triệu USD)	Tỷ Trọng (%)	So với năm 2017 (%)
Châu Á	131,36	53,95	16,15	190,04	80,29	9,14
ASEAN	24,52	10,07	13,76	31,77	13,42	12,23
Trung Quốc	41,27	16,95	16,56	65,44	27,65	11,68
Nhật Bản	18,85	7,74	11,82	19,01	8,03	11,98
Hàn Quốc	18,20	7,48	22,85	47,50	20,07	1,14
Châu Mỹ	58,04	23,84	10,95	20,33	8,59	26,66
Hoa Kỳ	47,53	19,52	14,27	12,75	5,39	36,42
Châu Âu	46,30	19,01	7,68	17,81	7,53	18,65
EU(28)	41,88	17,20	9,42	13,89	5,87	13,95
Châu Phi	2,88	1,18	8,18	4,10	1,73	1,14
Châu Đại Dương	4,90	2,01	21,05	4,41	1,86	17,10
Tổng	243,48	100,0	13,19	236,69	100,0	11,12

Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu

Năm 2018 vừa qua các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam đều có bước tăng trưởng ổn định, tổng giá trị xuất khẩu vượt mức 243,4 tỷ USD, tăng 13,2% (28,37 tỷ USD) so với năm trước. Trong đó, những nhóm hàng tăng trưởng mạnh là: hàng dệt may, điện thoại các loại và linh kiện, máy móc thiết bị dụng cụ & phụ tùng; máy vi tính sản phẩm điện tử và linh kiện, giày dép các loại, máy ảnh máy quay phim và linh kiện, sắt thép các loại tăng; gỗ và sản phẩm gỗ.

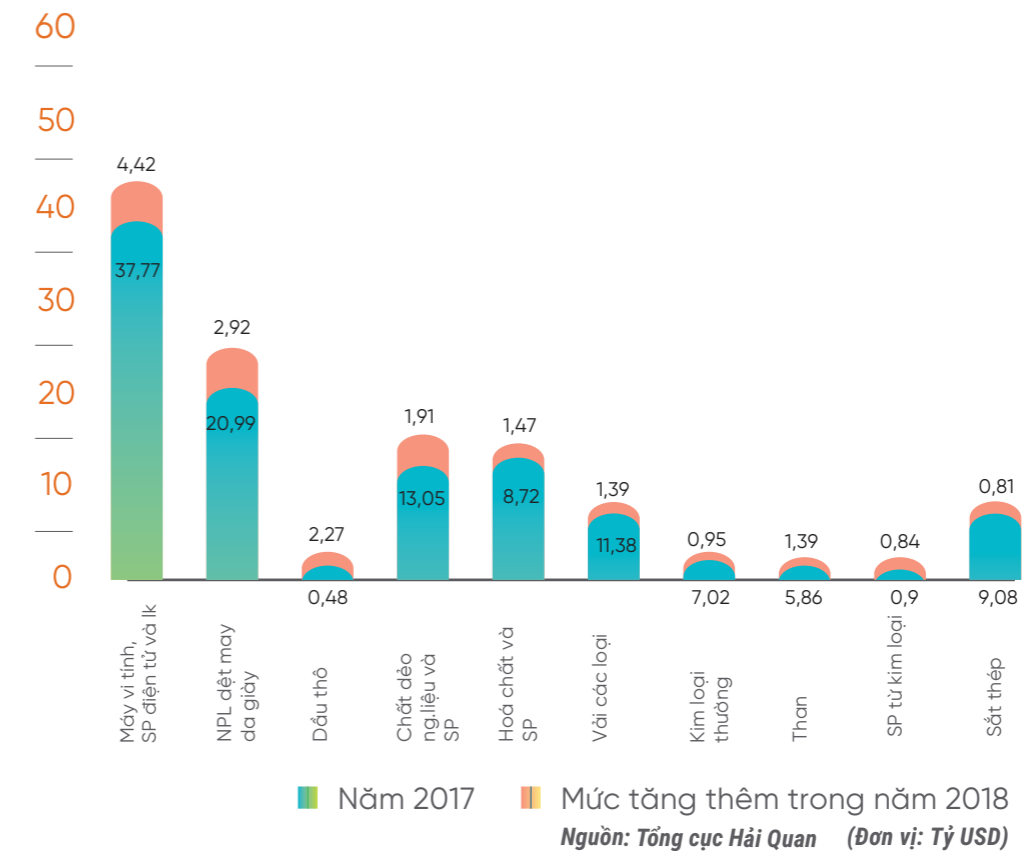
Nhóm hàng xuất khẩu có mức tăng về giá trị lớn nhất trong năm 2018



Cơ cấu hàng hóa nhập khẩu

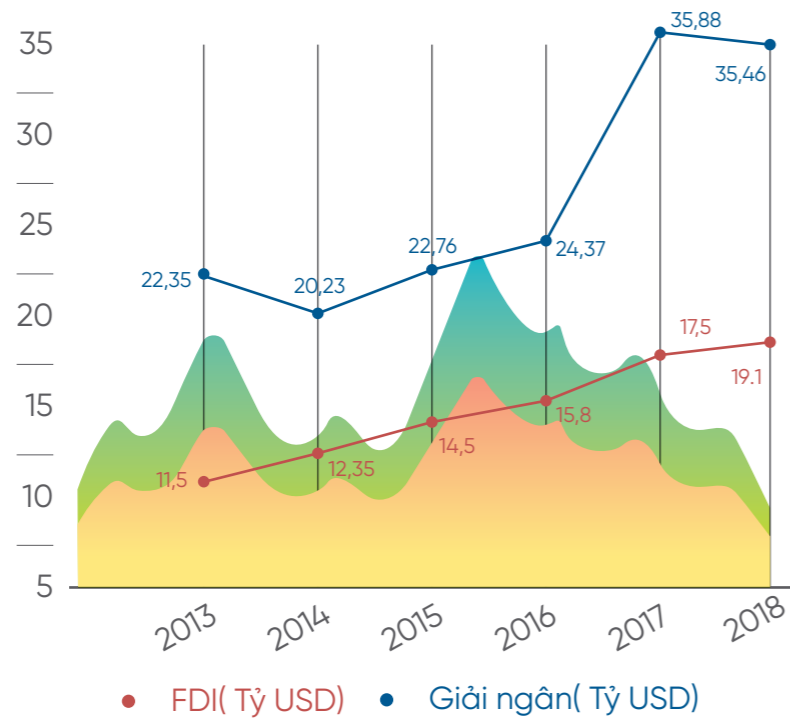
Tính đến hết tháng 12/2018, có 36 mặt hàng ước tính kim ngạch nhập khẩu đạt trên 1 tỷ USD, chiếm 90,4% tổng kim ngạch nhập khẩu, trong đó có 4 mặt hàng trên 10 tỷ USD, chiếm 44,3%, nhập khẩu hàng hóa cả nước đạt xấp xỉ 236,7 tỷ USD, tăng 11,1% so với năm trước. Các mặt hàng tăng chủ yếu là: máy vi tính sản phẩm điện tử & linh kiện, dầu thô, chất dẻo nguyên liệu, vải các loại và kim loại thường khác, hóa chất ... Trong đó, giá trị nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp FDI cả năm 2018 lên tới 141,68 tỷ USD, tăng 10,8% (tương ứng tăng 13,84 tỷ USD) so với năm 2017, chiếm 59,9% tổng trị giá nhập khẩu của cả nước.

Nhóm hàng nhập khẩu có mức tăng về giá trị lớn nhất trong năm 2018



THU HÚT VỐN FDI

Theo số liệu ước tính từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính chung trong năm 2018, tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (FDI) đạt 35,46 tỷ USD, bằng 98,8% so với cùng kỳ năm 2017. Ước tính các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã giải ngân 19,1 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2017. Có thể thấy, FDI vẫn là một bộ phận quan trọng đóng góp vào cách hành nền kinh tế Việt Nam trong thời gian qua. Tuy nhiên, để thúc đẩy và thu hút dòng vốn FDI sạch, thể hệ mới, Chính phủ cần phải thực hiện những điều chỉnh hiệu quả và mang tính chọn lọc cao.



Theo đối tác đầu tư, có 112 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam. Nhật Bản đứng vị trí thứ nhất với tổng vốn đầu tư 8,59 tỷ USD, chiếm 24,2% tổng vốn đầu tư. Hàn Quốc đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư đăng ký 7,2 tỷ USD, chiếm 20,3% tổng vốn đầu tư. Singapore đứng thứ ba với tổng vốn đầu tư đăng ký 5 tỷ USD, chiếm 14,2% tổng vốn đầu tư.

Năm 2018, FDI đã đầu tư vào 59 tỉnh thành phố, trong đó Hà Nội thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài nhất với tổng số vốn đăng ký 7,5 tỷ USD, chiếm 21,2% tổng vốn đầu tư. Thành phố Hồ Chí Minh đứng thứ hai với tổng vốn đăng ký 5,9 tỷ USD, chiếm 16,7% tổng vốn đầu tư. Hải Phòng đứng thứ ba với tổng số vốn đăng ký 3,1 tỷ USD chiếm 8,7% tổng vốn đầu tư.



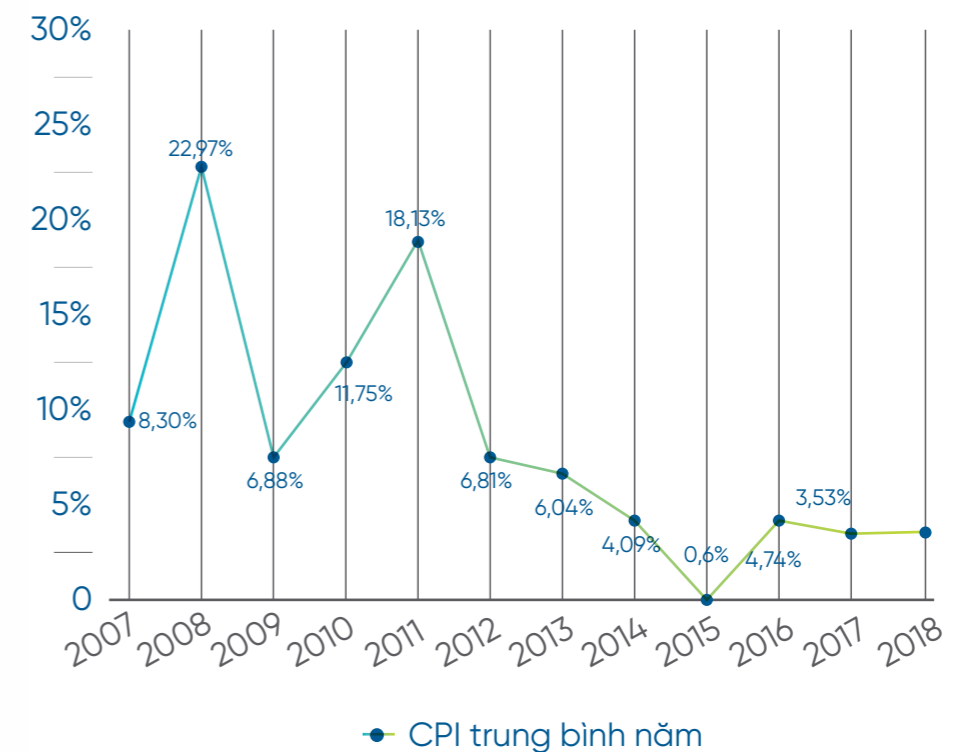
CPI

Tiếp tục duy trì lạm phát ở mức phù hợp

Theo đó, CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2017 và tăng 2,98% so với tháng 12 năm 2017. Như vậy, mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân năm 2018 dưới 4% đã đạt được trong bối cảnh điều chỉnh được gần hết giá các mặt hàng do nhà nước quản lý đặt ra trong năm 2018.

Yếu tố chính ảnh hưởng đến tốc độ tăng CPI trong năm vừa qua đến từ việc điều chỉnh mức khung tối đa giá dịch vụ khám chữa bệnh với người không có thẻ bảo hiểm y tế đã dẫn tới giá các mặt hàng dịch vụ này tăng 13,86%, tác động tăng 0,54% vào mặt bằng CPI chung so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, việc thực hiện lộ trình tăng học phí (tăng 7,06% chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục) hay các mặt hàng lương thực tăng nhẹ 3,71%... cũng phần nào tác động đến chỉ số giá tiêu dùng.

Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 đã được Quốc hội thông qua; trong đó, đề ra mục tiêu ổn định vĩ mô và kiểm soát lạm phát khoảng 4% được ưu tiên hàng đầu.



TỶ GIÁ

Năm 2018 vừa qua đã chứng kiến những bất ổn của những nền kinh tế lớn trên thế giới do tác động tiêu cực của việc leo thang chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Bên cạnh đó, với việc Cục Dự trữ Liên Bang Hoa Kỳ (FED) thực hiện tăng lãi suất 4 lần trong năm 2018 hay Trung Quốc tiếp tục chính sách phá giá đồng Nhân dân tệ đã phần nào gây áp lực tới tỷ giá VNĐ. Theo số liệu của NHNN, tỷ giá trung tâm vào ngày giao dịch cuối cùng năm 2018 chạm mức 22.825 VNĐ/USD, tăng khoảng 1,8% so với thời điểm cuối năm 2017. Đối với các NHTM, mức tăng trung bình 2,2% so với cùng kỳ năm trước đã khiến tỷ giá giao dịch cuối năm đạt 23.245 VNĐ/USD. Nhìn chung đây là nỗ lực kịp thời của Chính phủ trong việc duy trì biến số vĩ mô quan trọng này nhằm ổn định chính sách tiền tệ, duy trì cán cân thương mại cũng như hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra từ đầu năm 2018.

Trong Hội nghị Triển khai nhiệm vụ ngành ngân hàng năm 2019 tổ chức đầu năm 2019, Thống đốc Lê Minh Hưng cho biết thêm Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục duy trì chính sách cải thiện dự trữ ngoại hối, ước tính lượng ngoại tệ ròng Ngân hàng Nhà nước mua vào trong năm 2018 đạt khoảng 6 tỷ USD.

Về dự báo diễn biến tỷ giá 2019, Ủy ban giám sát tài chính quốc gia cho rằng, áp lực lên tỉ giá sẽ được giảm thiểu so các yếu tố tác động trong nước và quốc tế đang có chiều hướng thuận lợi hơn. Cụ thể, khả năng đồng USD sẽ không tăng nhiều nhờ FED điều chỉnh giảm tốc độ tăng lãi suất, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung hạ nhiệt và các biến số vĩ mô khác trong năm 2019 được dự báo tiếp tục khả quan.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Thị Trường Chứng Khoán 2018 Và Dự Báo Năm 2019

Sau khi trải qua một năm 2017 hết sức thành công, chỉ số VNINDEX tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ trong hơn 4 tháng đầu năm, thiết lập đỉnh lịch sử mới ở mức 1.204,3 điểm. Tuy nhiên, dưới sự tác động tiêu cực của việc leo thang chiến tranh thương mại Mỹ - Trung leo thang cũng như Cục dự trữ liên bang Mỹ FED đẩy mạnh chính sách thắt chặt tiền tệ, các thị trường chứng khoán trên thế giới đã bị gánh chịu quá trình điều chỉnh mạnh, và Việt Nam cũng không nằm ngoài trong số đó. Tính đến hết năm 2018, VNINDEX đạt mức 892,54 điểm, giảm 9,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó có 38 phiên giao dịch với biên độ biến động trên 2% - cao nhất kể từ năm 2010. Mặc dù vậy, nếu xét trên mức độ quy mô thị trường, 2018 lại được đánh giá là một năm tương đối thành công với mức thanh khoản trung bình phiên đạt xấp xỉ 5.382 tỷ đồng, tăng 29% so với năm 2017. Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt gần 3,9 triệu tỷ đồng, tương đương với 70,2 % GDP, tăng 10,6%. Về yếu tố khối ngoại, nếu tính giá trị giao dịch ròng trên cả 3 sàn HSX, HNX và UPCOM, trong năm 2018 tổng giá trị mua ròng đạt khoảng 1,9 tỷ USD, tăng mạnh so với 1,2 tỷ USD năm 2017.

Như vậy, năm 2018 đã chính thức khép lại với rất nhiều những thách thức cũng như cơ hội dành cho thị trường chứng khoán Việt Nam và năm 2019 được dự báo sẽ còn nhiều khó khăn dành cho các nhà đầu tư.

Dự báo về thị trường năm 2019, đa số các báo cáo phân tích đều cho rằng, động lực tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2019 sẽ phụ thuộc nhiều vào diễn biến chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Về các chỉ số vĩ mô, các dự báo từ World Bank, HSBC, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) đều cho rằng kinh tế thế giới có xu hướng tăng trưởng chậm lại.

Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn được dự báo tiếp tục duy trì ổn định, với lãi suất, lạm phát trong tầm kiểm soát và dự trữ ngoại hối, giải ngân vốn FDI dự báo tiếp tục tăng cao trong năm 2019. Về dòng tiền, khi thị trường chứng khoán có thêm nhiều hàng hóa chất lượng, với tỉ lệ tự do chuyển nhượng gia tăng sẽ kích thích thanh khoản và tăng tính hấp dẫn đối với cổ phiếu. Ngoài ra, việc lọt vào danh sách nâng hạng thị trường cũng dự kiến sẽ là một điểm nhấn ấn tượng cho dòng vốn nước ngoài chảy ròng vào thị trường Việt Nam, đặc biệt tập trung cao vào các doanh nghiệp nhà nước làm ăn tốt thực hiện thoái vốn trong năm 2019.

Ngoài ra, theo Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia dự báo trong năm 2019, nhằm đẩy mạnh quá trình cải thiện thị trường chứng khoán giải quyết mục tiêu nâng hạng thị trường, các cơ quan ban ngành có chức năng cần xử lý triệt để một số tồn tại, thách thức về cơ chế, chính sách như: (i) Còn thiếu các loại hình quỹ đầu tư như quỹ hưu trí, quỹ tương hỗ, quỹ tín thác...; (ii) Sản phẩm và phương thức giao dịch chưa phong phú: chưa có nghiệp vụ bán khống, cho vay cổ phiếu để bán; (iii) Tính minh bạch của thông tin trên thị trường chứng khoán cần được cải thiện.

Cơ hội đầu tư

Năm 2019 hoạt động cổ phần hoá, thoái vốn, đưa doanh nghiệp niêm yết trên sàn đại chúng tiếp tục là nhiệm vụ trọng tâm và là tâm điểm của thị trường theo đó thị trường chứng khoán sẽ chứng kiến những hoạt động sôi nổi trong năm tới. VietinBank Securities tiếp tục giữ quan điểm đầu tư giá trị chính là chìa khóa để thành công bền vững trên TTCK. Năm 2019, TTCK được dự báo sẽ có nhiều biến động theo các diễn biến vĩ mô trong và ngoài nước, vì vậy việc đầu tư "lướt sóng", theo tin đồn, không bám sát doanh nghiệp... sẽ rất khó khăn. Ngược lại, các nhà đầu tư (NĐT) theo giá trị sẽ tìm thấy nhiều cơ hội ở các cổ phiếu mới chào sàn, có uy tín, hoạt động hiệu quả.



TRẢI NGHIỆM DỊCH VỤ

- 01. TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
- 02. BẢO LÃNH PHÁT HÀNH
- 03. DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN
- 04. DỊCH VỤ HỖ TRỢ TÀI CHÍNH



1. TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Tư vấn tài chính doanh nghiệp hiện đang là thế mạnh lớn của VietinBank Securities, nhận được đánh giá cao trên TTCK Việt Nam. Với hơn 18 năm kinh nghiệm và lịch sử hoạt động hiệu quả. VietinBank Securities không ngừng hoàn thiện chất lượng dịch vụ và nỗ lực cung cấp cho khách hàng doanh nghiệp sản phẩm tư vấn đa dạng và toàn diện với giá trị gia tăng cao, bao gồm:

1. TƯ VẤN MUA BÁN SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP (M&A)

VietinBank Securities thực hiện vai trò là cầu nối cho tiến trình thực hiện mua bán, sáp nhập doanh nghiệp thông qua việc giới thiệu cơ hội đầu tư, tư vấn định giá, tư vấn cấu trúc giao dịch và hỗ trợ đàm phán nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng. Kết hợp với Khối ngân hàng đầu tư (IB) của VietinBank, VietinBank Securities tin tưởng sẽ mang đến dịch vụ Tư vấn Mua bán Sáp nhập Doanh nghiệp chuyên nghiệp với chất lượng cao.

2. TƯ VẤN PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN & ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

VietinBank Securities sẽ hỗ trợ các Doanh nghiệp có nhu cầu nâng cao năng lực tài chính; bổ sung nguồn vốn tài trợ các dự án; mở rộng hoạt động, lĩnh vực sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, tái cơ cấu các khoản nợ....

Với vai trò tổ chức tài chính trung gian, đối tác và khách hàng đa dạng, rộng khắp, VietinBank Securities hỗ trợ Doanh nghiệp thực hiện thành công phương án huy động vốn khả thi và có lợi nhất. VietinBank Securities sẽ đồng hành cùng doanh nghiệp trong phát hành chứng khoán từ xác định nhu cầu, xây dựng phương án đến phân phối chứng khoán. Căn cứ vào tình hình thị trường, nhu cầu và hoạt động của doanh nghiệp, VietinBank Securities sẽ cung cấp dịch vụ phát hành chứng khoán trên thị trường vốn (cổ phiếu) hay thị trường nợ (trái phiếu).

3. TƯ VẤN NIÊM YẾT/ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

VietinBank Securities hỗ trợ Doanh nghiệp có nhu cầu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán UPCOM theo một lộ trình cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp và thị trường.



4. TƯ VẤN CỔ PHẦN HÓA/ CHUYỂN ĐỔI DOANH NGHIỆP

Với một đội ngũ chuyên gia có nhiều kinh nghiệm, VietinBank Securities tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc cung cấp các giải pháp chuyển đổi mô hình doanh nghiệp.

VietinBank Securities tham gia ngay từ giai đoạn đầu tiên khi doanh nghiệp bắt đầu xây dựng chiến lược cổ phần hóa, xây dựng phương án cổ phần hóa, bán đấu giá cổ phần, tư vấn tổ chức đại hội đồng cổ đông... Ngoài ra, VietinBank Securities còn hỗ trợ khách hàng trong quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp trước và sau cổ phần hóa, tìm kiếm nhà đầu tư tiềm năng cho doanh nghiệp.

5. TƯ VẤN CHUYỂN NHƯỢNG CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VÀ BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

VietinBank Securities cung cấp dịch vụ Tư vấn Chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính và Bán đấu giá cổ phần. Bằng sự am hiểu về thị trường, VietinBank Securities đã thực hiện thành công rất nhiều thương vụ Chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính cho nhiều Tổng công ty, Tập đoàn kinh tế nhà nước trong thời gian qua như Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC), Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam...

6. TƯ VẤN QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ (IR)

IR là hoạt động chuyên biệt trong hoạt động quan hệ công chúng (PR) của doanh nghiệp bao gồm hai nghiệp vụ Tài chính và Truyền thông có vai trò: xây dựng chiến lược cổ đông, công bố thông

tin, cầu nối giữa doanh nghiệp và nhà đầu tư đồng thời quảng bá hình ảnh doanh nghiệp. Giá cổ phiếu của một doanh nghiệp là do nhà đầu tư quyết định mà thông tin chính là nền tảng cho mọi quyết định của nhà đầu tư. Vì vậy, một doanh nghiệp muốn giữ chân cổ đông hiện hữu và thu hút thêm ngày càng nhiều cổ đông mới không thể không quan tâm đến IR.

VietinBank Securities cung cấp Dịch vụ Quan hệ Nhà Đầu Tư (IR) trọn gói cho Quý doanh nghiệp, bao gồm:

- Tư vấn soạn thảo kế hoạch IR hàng năm.
- Phân tích và đánh giá dòng thông tin, tình hình tài chính, tình hình hoạt động chung của DN từ đó đưa ra giải pháp, thông điệp cần truyền tải.
- Chuẩn bị bộ tài liệu cho báo chí, cho cổ đông trong các cuộc họp báo, hội thảo, đại hội đồng cổ đông.
- Biên tập các bài phát biểu của Lãnh đạo doanh nghiệp tại các sự kiện đối ngoại và hoạt động IR khác.
- Tổ chức cuộc gặp gỡ, hội thảo, tiếp xúc, trao đổi với Nhà Đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư tổ chức.
- Tư vấn lên kế hoạch ngăn ngừa và xử lý khủng hoảng.
- Tư vấn Đánh giá và thiết kế lại bộ nhận diện thương hiệu.
- Tư vấn xây dựng mảng IR online
- Tư vấn xây dựng Báo cáo thường niên.
- Các hoạt động có liên quan khác.

7. TƯ VẤN ĐẦU TƯ & CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH

Trung tâm Nghiên cứu phân tích đã xây dựng được vị thế là một đơn vị cung cấp thông tin nhanh, kịp thời chính xác cho các nhà đầu tư. Với định hướng xây dựng phong cách đầu tư giá trị bằng những tư vấn chuyên sâu thông qua hoạt động phân tích cơ bản, phân tích ngành, VietinBank Securities đang trở thành địa chỉ đáng tin cậy của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp thông qua các hoạt động:

- Phát hành Báo cáo phân tích cổ phiếu, ngành, thị trường, vĩ mô;
- Cung cấp dịch vụ Tư vấn chiến lược tài chính cho doanh nghiệp;
- Tổ chức hội thảo chuyên ngành chứng khoán.

8. TƯ VẤN KHÁC

Để đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, VietinBank Securities cung cấp nhiều sản phẩm tư vấn đa dạng như:

- Phân tích tài chính dự án;
- Tư vấn tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường;
- Tư vấn đăng ký chứng khoán;
- Tư vấn đăng ký/ hủy đăng ký công ty đại chúng,...

2. BẢO LÃNH PHÁT HÀNH



Thông qua nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành, VietinBank Securities cam kết với Tổ chức phát hành thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán, nhận mua một phần hay toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại, hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa được phân phối hết của tổ chức phát hành, hoặc hỗ trợ tổ chức phát hành trong việc phân phối chứng khoán ra công chúng.

Với tình hình tài chính lành mạnh, VietinBank Securities đủ khả năng thực hiện các hợp đồng bảo lãnh đa dạng theo nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh việc tư vấn tìm kiếm lựa chọn giải pháp tài chính hợp lý thông qua phát hành chứng khoán, VietinBank Securities luôn đồng hành cùng khách hàng trong quá trình phân phối, quảng bá và bảo đảm cho đợt phát hành thành công.

Trong quá trình thực hiện, VietinBank Securities luôn thể hiện vai trò là Tổ chức bảo lãnh chính trong tổ hợp bảo lãnh phát hành bằng việc đảm bảo cho đợt bảo lãnh phát hành thành công.

Các sản phẩm bảo lãnh phát hành chứng khoán tại VietinBank Securities gồm:

- Bảo lãnh phát hành cổ phiếu
- Bảo lãnh phát hành trái phiếu

Là một trong những nhà tư vấn bảo lãnh phát hành thành công và am hiểu thị trường trái phiếu Việt Nam, VietinBank Securities đã cung cấp dịch vụ Bảo lãnh phát hành Trái phiếu cho nhiều doanh nghiệp, Tập đoàn như: CTCP Phát triển Đô thị Kinh Bắc, CTCP Quốc tế Sơn Hà, CTCP Quốc tế C&T, CTCP An Viên, CTCP Cơ điện Minh Quang, Công ty

CP Đầu tư Xuân Cầu ... với tổng giá trị phát hành lên tới 3.130 tỷ đồng. Ngoài ra, trong những năm vừa qua, VietinBank Securities đã bảo lãnh thành công 500 tỷ đồng trái phiếu chính quyền địa phương.

3. DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

1. MÔI GIỚI

Với đội ngũ chuyên viên môi giới tận tâm, được đào tạo chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, VietinBank Securities luôn tận tâm hỗ trợ khách hàng mở tài khoản và giao dịch trên thị trường chứng khoán. Dịch vụ môi giới bao gồm:

Môi giới giao dịch cổ phiếu, Chứng chỉ quỹ;
Môi giới Trái phiếu niêm yết;
Môi giới chứng khoán phái sinh;
Môi giới các sản phẩm tài chính khác.

Giao dịch thỏa thuận, tìm khách hàng đối ứng trực tiếp: Đây là sản phẩm dành cho những khách hàng cần tư vấn tìm đối tác thực hiện giao dịch mua/bán cổ phần của Công ty. Nhà đầu tư có nhu cầu giao dịch trái phiếu trên các sàn; các loại chứng khoán giao dịch qua kênh: Trái phiếu Chính phủ (Trái phiếu Kho bạc Nhà nước, Tín phiếu Kho bạc Nhà nước), Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương; Trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu (niêm yết, OTC ...).

2. TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Với sứ mệnh tạo dựng những giá trị thành công cho khách hàng, VietinBank Securities luôn lắng nghe nhu cầu của khách hàng và tạo dựng những giá trị gia tăng cho khách hàng.

VietinBank Securities thường xuyên cập nhật thông tin để nâng cao chất lượng tư vấn đầu tư; VietinBank Securities tổ chức các chương trình gặp gỡ trực tiếp doanh nghiệp nhằm giúp khách hàng tiếp cận, tìm hiểu thông tin để lựa chọn những cơ hội đầu tư; Với mạng lưới đối tác là các quỹ, định chế tài chính, VietinBank Securities hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm đối tác thực hiện các giao dịch mua/bán chứng khoán, thu xếp nguồn vốn nhằm giúp các giao dịch của doanh nghiệp diễn ra thành công và nhanh chóng.

3. QUẢN LÝ CHỨNG KHOÁN Quản lý cổ đông/quản lý trái chủ

VietinBank Securities là đối tác tin cậy cho các công ty cổ phần sử dụng dịch vụ Quản lý cổ đông. Với nền tảng công nghệ hiện đại, cổ đông có thể tra cứu thông tin trực tuyến, chuyển nhượng cổ phần với chi phí thấp nhất. Hiện tại, dịch vụ Quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán là nghiệp vụ mà trong đó VietinBank Securities được uỷ quyền một phần hoặc toàn bộ từ Tổ chức phát hành (TCTP) để thực hiện các công việc cụ thể sau: Quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán; Quản lý thực hiện quyền; Quản lý chuyển nhượng cổ phần; Thực hiện chế độ báo cáo; Lưu ký tập trung khi niêm yết hoặc có yêu cầu.

Lưu ký chứng khoán

VietinBank Securities thực hiện theo các yêu cầu

của khách hàng đối với việc lưu ký chứng khoán; rút chứng khoán đã lưu ký; Chuyển khoản chứng khoán; Bán chứng khoán lô lẻ; Phong tỏa chứng khoán để thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba...

Thực hiện quyền

Nhà đầu tư luôn được nhận kịp thời, đầy đủ các quyền phát sinh từ chứng khoán lưu ký trên tài khoản tại VietinBank Securities.

4. DỊCH VỤ HỖ TRỢ TÀI CHÍNH

Cho vay giao dịch ký quỹ

Nhằm định hướng tới việc hỗ trợ thu xếp vốn ngắn hạn cho những nhà đầu tư lớn của doanh nghiệp hoặc lãnh đạo doanh nghiệp, các nhà đầu tư mở tài khoản tại VietinBank Securities, với nguồn vốn chủ sở hữu lớn, VietinBank Securities đáp ứng tốt nhất nhu cầu vay vốn giao dịch ký quỹ của khách hàng với lãi suất hấp dẫn, danh mục cổ phiếu cho vay đa dạng...;

Danh sách khách hàng, đối tác tiêu biểu





BÁO CÁO QUẢN TRỊ

01. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG
02. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ
03. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
04. BAN KIỂM SOÁT
05. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
06. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
07. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT (BKS)
08. BÁO CÁO KIỂM TRA KIỂM SOÁT NỘI BỘ

1. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cơ Cấu Vốn Cổ Phần Của VietinBank Securities

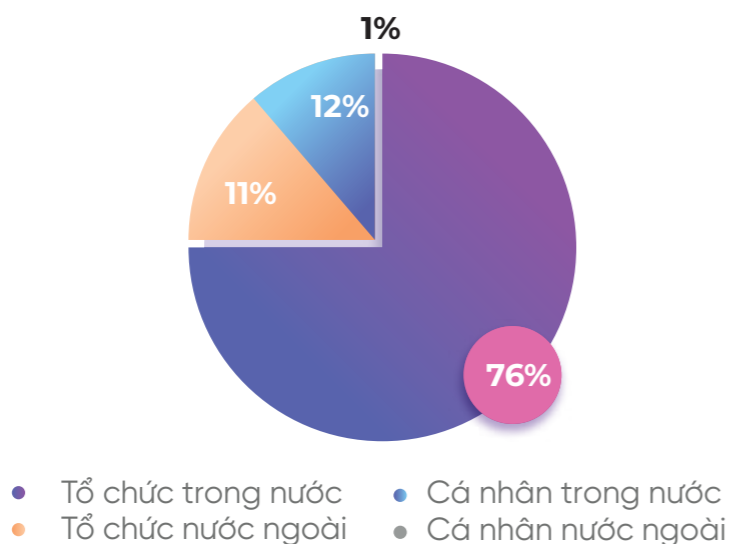
Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty như sau:

Vốn điều lệ của Công ty:	1.064.365.760.000	đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết:	106.436.576	cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu lưu hành:	106.399.876	cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu quỹ:	36.700	cổ phiếu

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5,0% vốn cổ phần của VietinBank Securities tại thời điểm ngày chốt danh sách cổ đông 10/09/2018

Tên cổ đông	Số CMND/CCCD/ĐKDN/MGD	Số CP Sở Hữu	Tỷ lệ
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/07/2009	80.486.470	75,61%
Đại diện bởi:			
Ông Hạ Quang Vũ	027061000012	32.194.588	30,24%
Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	012174588	24.145.941	22,68%
Ông Khổng Phan Đức	024076000372	24.145.941	22,68%
Yurie Vietnam Securities Investment Trust (Stock)	Mã giao dịch số CA8662 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 05/01/2016	6.526.416	6,13%

Cơ cấu vốn cổ phần của VietinBank Securities



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 (tỷ lệ 9%) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

- Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 8.783.640 cổ phiếu, tương đương với 87.836.400.000 đồng.
- Tổng số lượng cổ phiếu sau khi phát hành: 106.436.576 cổ phiếu, tương đương với tổng vốn góp của chủ sở hữu 1.064.365.760.000 đồng.

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ

VietinBank Securities được tổ chức quản trị theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán với cơ cấu như sau:



3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Hạ Quang Vũ

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: **0,00179%**
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Tuổi	58
Kinh nghiệm làm việc	
17/12/2018 - nay	Chủ tịch HĐQT chuyên trách Công ty Chứng khoán Công thương
04/2015 - 16/12/2018	Trưởng phòng Dịch vụ Nhân sự - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
05/2014 - 03/2015	Trưởng phòng Tổ chức cán bộ & Đào tạo - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
01/2012 - 04/2014	Trưởng phòng Quản lý kế toán tài chính - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
02/2011 - 12/2011	Phó phụ trách phòng Quản lý kế toán tài chính - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
07/2009 - 01/2011	Phó phòng Quản lý kế toán tài chính - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
08/2008 - 07/2009	Phó phòng Quản lý kế toán tài chính - Ngân hàng Công Thương Việt Nam
04/2008 - 07/2008	Phó phòng Kế toán - Trung tâm thẻ, Ngân hàng Công Thương Việt Nam
07/2005 - 03/2008	Cán bộ phòng Quản lý kế toán tài chính - Ngân hàng Công Thương Việt Nam
07/2003 - 06/2005	Phó phòng kế toán - Tổng Công ty Rau quả và Nông sản
05/2000 - 06/2003	Trưởng phòng Kế toán - Tổng Công ty XNK Nông sản và Thực phẩm chế biến
04/1999 - 04/2000	Phó kế toán trưởng - Tổng Công ty XNK Nông sản và Thực phẩm chế biến
07/1994 - 04/1999	Phó Giám đốc tài chính - Công ty TNHH Coca cola Ngọc Hồi
04/1988 - 07/1994	Cán bộ, Phó phòng Kế toán - Tổng Công ty XNK Công nghiệp thực phẩm

Ông Khổng Phan Đức

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị / Tổng Giám Đốc



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: **0%**
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Cử nhân Kinh tế đối ngoại
Tuổi	43
Kinh nghiệm làm việc	
04/2015 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc - CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
03/2015 - 04/2015	Phó phòng Thị trường vốn - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
11/2013 - 03/2015	Cán bộ, phụ trách tổ IB - Phòng Thị trường vốn, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
04/2012 - 05/2013	Trợ lý Chủ tịch HĐQT - CTCP Quản lý quỹ đầu tư FPT
07/2011 - 04/2012	Giám đốc Khối môi giới - CTCP Chứng khoán HBB
06/2010 - 07/2011	Giám đốc Chi nhánh - CTCP Chứng khoán Nhất Việt - CN Hà Nội
11/2007 - 04/2009	Trưởng phòng Môi giới - CTCP Chứng khoán EuroCapital
03/2007 - 10/2007	Trưởng phòng Môi giới - CTCP Chứng khoán Thủ đô - CN TP. Hồ Chí Minh
01/2006 - 02/2007	Quản lý cổ đông - CTCP Đầu tư Công nghệ FPT
01/2003 - 12/2005	Kế toán trưởng - CTCP Công nghệ di động FPT
06/2002 - 12/2002	Kế toán trưởng - CTCP Truyền thông FPT
01/2000 - 6/2002	Nhân viên kế toán công nợ phải thu - CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ FPT
1999 - 01/2000	Nhân viên kinh doanh - CTCP Phát triển Phát thanh Truyền hình BDC





Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung

Ủy Viên Hội Đồng Quản Trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Cử nhân Tài chính Ngân hàng
Tuổi	36
Kinh nghiệm làm việc	
07/2015 – nay	Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Hà Nội kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
04/2015 – 07/2015	Phó giám đốc Khối KHDN - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
10/2014 – 03/2015	Phó giám đốc Khối KHDN - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
06/2014 – 10/2014	Quyển Trưởng phòng quản lý hoạt động kinh doanh khối KHDN
12/2011 – 05/2014	Thư ký TGĐ/HĐQT cấp 1, Văn phòng - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
07/2011 – 11/2011	Thư ký Tổng Giám đốc, Văn phòng – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
05/2011 – 06/2011	Phó phòng QLRR & Nợ có vấn đề – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa
07/2009 – 04/2011	Cán bộ phòng KHDN Vừa và Nhỏ – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa
09/2005 – 07/2009	Cán bộ QHKH Doanh nghiệp, phòng KHDN Vừa và Nhỏ – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa



Ông Lê Thế Mạnh

Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Thạc sỹ Tài chính Kinh tế
Tuổi	44
Kinh nghiệm làm việc	
11/2018 - nay	Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quang Trung, kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
03/2018-11/2018	Trưởng phòng Thị trường vốn, Trụ sở chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kiêm thành viên độc lập Hội đồng quản trị – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
05/2016-03/2018	Trưởng phòng Thị trường vốn – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Trụ sở chính
07/2014-05/2016	Trưởng Phòng Quản lý Nợ có vấn đề, Trụ sở chính – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
09/2009-06/2014	Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm
06/2005-08/2009	Trưởng phòng KHDN vừa và nhỏ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam -Chi nhánh Hoàn Kiếm
01/2004-05/2005	Phó phòng KHDN vừa và nhỏ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm
12/2003	Phó phòng Kinh doanh, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hoàn Kiếm
03/2001-11/2003	Phó phòng Kinh doanh, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Bến Thủy
11/1996-03/2001	Cán bộ tín dụng Phòng Kinh doanh, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thủy





Bà Đặng Thị Việt Hà

Thành Viên độc lập Hội Đồng Quản Trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: **0%**

(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Tuổi	42
Kinh nghiệm làm việc	
12/2018 - nay	Phó Giám đốc Khối Pháp chế và Tuân thủ kiêm Trưởng Phòng Quản lý Tuân thủ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam kiêm thành viên độc lập Hội đồng quản trị - CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
03/2018 - 12/2018	Trưởng phòng CĐCS TD&ĐT - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam kiêm thành viên độc lập Hội đồng quản trị - CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
05/2016 - 03/2018	Trưởng phòng CĐCS TD&ĐT - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
06/2015 - 05/2016	Quyển Giám đốc tại Trung tâm thẩm định Hội sở - NHTM Cổ phần Quân đội (MBBank)
06/2014 - 06/2015	Trưởng phòng ĐGXHPD Giới hạn tín dụng - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
06/2013 - 05/2014	Phó phòng Quản lý hoạt động KD - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
01/2012 - 06/2013	Phó phòng Khách hàng doanh nghiệp lớn - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
06/2004-12/2011	Chuyên viên tín dụng phòng Khách hàng doanh nghiệp lớn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
03/2002 - 05/2004	Nhân viên phòng Khách hàng doanh nghiệp, Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh
12/2001 - 02/2002	Nhân viên phòng Kinh doanh, Ngân hàng Công thương Việt Nam Chi nhánh Đông Anh
08/1999 - 11/2001	Nhân viên tại Công ty TNHH Bình Minh Preshion

4. BAN KIỂM SOÁT



Ông Đinh Huy Kiên

Trưởng Ban Kiểm Soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: **0,000071%**

(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Thạc sỹ Tài chính - Kiểm soát/Chứng chỉ Kế toán trưởng
Tuổi	47
Kinh nghiệm làm việc	
06/2014 - nay	Trưởng Ban kiểm soát - CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
03/2012 - 06/2014	Thành viên Ban kiểm soát, Phụ trách Phòng KTKSNB - CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
12/2010 - 03/2012	Thành viên Ban kiểm soát - CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
06/2009 - 12/2010	Phó phòng Môi giới lưu ký chứng khoán - CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
03/2008 - 06/2009	Phó phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp - Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
09/1997 - 02/2008	Cán bộ phòng Thanh toán Quốc tế, Tín dụng ngắn hạn, phòng Quản lý Nợ có vấn đề - Ngân hàng Công Thương Việt Nam
05/1994 - 08/1997	Cán bộ phòng Kinh doanh - Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương





Ông Nguyễn Thế Hưng

Thành Viên Ban Kiểm Soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Thạc sĩ kinh tế/Chứng chỉ Kế toán trưởng
Tuổi	45
Kinh nghiệm làm việc	
06/2014 – nay	Phó phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kiêm thành viên Ban Kiểm soát – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
04/2013 – 05/2014	Chuyên viên Kiểm toán nội bộ 3, Phòng Kiểm toán nội bộ – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
04/2012 – 04/2013	Chuyên viên Kiểm toán nội bộ 3, Phòng Kiểm toán tuân thủ – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
07/2009 – 03/2012	Nhân viên KTKSNB, Ban Kiểm tra Kiểm soát nội bộ – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
03/2009 – 07/2009	Nhân viên KTKSNB, Ban Kiểm tra Kiểm soát nội bộ – Ngân hàng Công Thương Việt Nam
08/2007 – 03/2009	Nhân viên QLRR tín dụng, Phòng Quản lý rủi ro & Nợ có vấn đề – Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Ba Đình
01/2005 – 08/2007	Cán bộ Tín dụng, Phòng khách hàng 1 – Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Ba Đình
01/1999 – 12/2004	Nhân Viên Phòng Kinh doanh đối nội – Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Ba Đình
09/1996 – 31/12/1998	Cán bộ Tín dụng, Phòng Kinh doanh – Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Ba Đình



Bà Lâm Thị Thu Hương

Thành Viên Ban Kiểm Soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Cử nhân Tài chính ngân hàng/Chứng chỉ Kế toán trưởng
Tuổi	36
Kinh nghiệm làm việc	
06/2014 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát kiêm cán bộ phụ trách bộ phận Kiểm toán nội bộ – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
01/2012 – 06/2014	Nhân viên phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
06/2011 – 12/2011	Tổ trưởng Tổ giám sát Phòng Dịch vụ chứng khoán – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
03/2010 – 05/2011	Phó phòng Môi giới và Lưu ký – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Hà Nội
07/2009 – 03/2010	Cán bộ phòng Môi giới và Lưu ký – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
10/2006 – 06/2009	Cán bộ phòng Môi giới và Lưu ký – Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam



5. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Khổng Phan Đức

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị / Tổng Giám Đốc



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: **0%**
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Cử nhân Kinh tế đối ngoại
Tuổi	43
Kinh nghiệm làm việc	
04/2015 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
03/2015 – 04/2015	Phó phòng Thị trường vốn – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
11/2013 – 03/2015	Cán bộ, phụ trách tổ IB – Phòng Thị trường vốn, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
04/2012 – 05/2013	Trợ lý Chủ tịch HĐQT – CTCP Quản lý quỹ đầu tư FPT
07/2011 – 04/2012	Giám đốc Khối môi giới – CTCP Chứng khoán HBB
06/2010 – 07/2011	Giám đốc Chi nhánh – CTCP Chứng khoán Nhất Việt – CN Hà Nội
11/2007 – 04/2009	Trưởng phòng Môi giới – CTCP Chứng khoán EuroCapital
03/2007 – 10/2007	Trưởng phòng Môi giới – CTCP Chứng khoán Thủ đô – CN TP. Hồ Chí Minh
01/2006 – 02/2007	Quản lý cổ đông – CTCP Đầu tư Công nghệ FPT
01/2003 – 12/2005	Kế toán trưởng – CTCP Công nghệ di động FPT
06/2002 – 12/2002	Kế toán trưởng – CTCP Truyền thông FPT
01/2000 – 6/2002	Nhân viên kế toán công nợ phải thu – CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ FPT
1999 – 01/2000	Nhân viên kinh doanh – CTCP Phát triển Phát thanh Truyền hình BDC

Ông Nguyễn Minh Giang

Phó Tổng Giám Đốc



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: **0,001646%**
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Tuổi	45
Kinh nghiệm làm việc	
03/2012 – nay	Phó Tổng Giám đốc – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
07/2009 – 03/2012	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
04/2008 – 06/2009	Phó Giám đốc – Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
06/2005 – 04/2008	Trưởng phòng Kế toán – Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Anh
10/2003 – 06/2005	Trưởng phòng Quản lý tiền gửi – Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Anh
10/2001 – 09/2003	Phó phòng Kinh doanh – Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Anh
12/1995 – 09/2001	Cán bộ tín dụng – Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Anh





Bà Phan Hải Sâm

Phó Tổng Giám Đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: **0%**

(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Thạc sỹ Tài chính – Tín dụng
Tuổi	44
Kinh nghiệm làm việc	
10/2015 – nay	Phó Tổng Giám đốc – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
07/2009 – 10/2015	Kế toán trưởng – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
03/2009 – 06/2009	Phó phòng Chế độ kế toán – Ngân hàng Công Thương Việt Nam
11/2008 – 03/2009	Phó phòng Thanh toán Ngân Quỹ – Ngân hàng Công thương Việt Nam
03/2001 – 11/2008	Cán bộ phòng Thanh toán Ngân Quỹ – Ngân hàng Công Thương Việt Nam
11/1995 – 03/2001	Cán bộ phòng kinh doanh đối ngoại – Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng



Ông Chu Mạnh Hiền

Phó Tổng Giám Đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: **0,094216%**

(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Tuổi	48
Kinh nghiệm làm việc	
01/2018 – nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối TVTCDN – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
04/2016 – 12/2017	Giám đốc Khối TVTCDN kiêm TP. TVTCDN – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
01/2013 – 03/2016	Phó Phụ trách phòng TVTCDN – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
07/2009 – 12/2012	Phó phòng TVTCDN – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
06/2008 – 06/2009	Trưởng phòng KTKSNB – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
03/2008-06/2008	Chánh văn phòng – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
11/2004 – 02/2008	Nhân viên Pháp chế – Ngân hàng Công thương Việt Nam
02/1995 – 10/2004	Nhân viên Tín dụng – Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng





Ông Thái Hoàng Long

Phó Tổng Giám Đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: **0,001646%**
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Tuổi	49
Kinh nghiệm làm việc	
09/2016 – nay	Phó Tổng Giám đốc – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
01/2016 – 08/2016	Phó Tổng Giám đốc – CTCP Chứng khoán IB
04/2008 – 12/2015	Tổng Giám đốc - CTCP Chứng khoán Nhất Việt
01/2006 – 03/2008	Phó Tổng Giám đốc Tài chính - Công ty LD Secom Vietnam
05/2003 – 12/2005	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh – Công ty LD TAC Paritas
10/1993 – 04/2003	Phó trưởng phòng Marketing - Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam



Bà Nguyễn Thị Tú Anh

Kế Toán Trưởng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: **0%**
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Kế toán
Tuổi	42
Kinh nghiệm làm việc	
01/2019 – nay	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán tài chính – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
11/2016 – 01/2019	Trưởng phòng Kế toán tài chính – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
01/2016 – 10/2016	Phó phòng Phụ trách phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
08/2015 – 12/2015	Phó phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
04/2011 – 05/2015	Phó phòng phụ trách Phòng Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ – Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí.
03/2008 – 01/2011	Phó phòng Dịch vụ khách hàng – Công ty Chứng khoán Ngân hàng ĐTVà PT Việt Nam.
07//2005 – 02/2008	Chuyên viên Phòng Đầu tư – Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam.
3/2002 – 06/2005	TP Kế toán Công ty Thái Bình Dương – Tổng Công ty Chè Việt Nam
01/1998 – 02/2002	Cán bộ kế toán – Công ty XLVTKT – Tổng Công ty Chè Việt Nam



6. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua

Ban Tổng Giám đốc Công ty. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị Công ty

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty đã bầu thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014-2019. Theo đó, 05 thành viên Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty bao gồm:

Thành viên HĐQT	
Ông Hạ Quang Vũ	Chủ tịch HĐQT
Ông Khổng Phan Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	Thành viên
Ông Lê Thế Mạnh	Thành viên độc lập
Bà Đặng Thị Việt Hà	Thành viên độc lập

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty có 03 (ba) thành viên là Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung - Thành viên HĐQT, Ông Lê Thế Mạnh - Thành viên độc lập HĐQT và Bà

Đặng Thị Việt Hà - Thành viên độc lập HĐQT. Cơ cấu Hội đồng quản trị gồm có 03 (ba) thành viên không điều hành đảm bảo cho Hội đồng quản trị độc lập với Ban Tổng Giám đốc.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đã giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

Kết thúc năm, Hội đồng quản trị Công ty thực hiện đánh giá các chức danh do Hội đồng quản trị quản lý về việc thực hiện nhiệm vụ trong năm, trong đó có Ban Tổng Giám đốc, các tiểu ban/Hội đồng do Hội đồng quản trị quản lý.

Hội đồng quản trị Công ty đã giám sát và chỉ đạo kịp thời đối với Ban Tổng Giám đốc để tổ chức thực hiện các mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đề ra; giám sát công tác quản lý và điều hành kinh doanh trên cơ sở Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp; Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các thành viên độc lập HĐQT Công ty tích cực phát huy vai trò tư vấn, phản biện trước những quyết sách của Công ty. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức họp thường kỳ để xây dựng kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và thường xuyên đôn đốc kiểm tra việc thực hiện kết quả kinh doanh của Công ty. HĐQT yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ cũng như đột xuất về tình hình triển khai hoạt động kinh doanh, quản trị Công ty, qua đó HĐQT đã có các chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc trong công tác điều hành, triển khai các nhiệm vụ

kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc, công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo của Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị đã ban hành các quy chế, quy định và các quyết định về công tác quản trị nội bộ đúng quy định tại Điều lệ Công ty; đồng thời giám sát việc tổ chức thực hiện và chấp hành các quy chế, quy định của Ban Tổng giám đốc bảo đảm an toàn cho các hoạt động của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Tăng cường hiệu quả hoạt động quản trị Công ty

Để tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị, năm 2019 Hội đồng quản trị Công ty sẽ:

Thực hiện họp thường kỳ để xây dựng kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

Giám sát và đảm bảo việc thực hiện công bố thông tin định kỳ/bất thường theo đúng quy định, đảm bảo cung cấp thông tin cho Cổ đông và nhà đầu tư một cách minh bạch, đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Tăng cường công tác giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao theo đúng quy định, chỉ đạo kịp thời đối với Ban Tổng Giám đốc để tổ chức thực hiện các mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị năm 2018:

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
Ông Hạ Quang Vũ	Chủ tịch HĐQT	04/04	100%	
Ông Khổng Phan Đức	Thành viên	04/04	100%	
Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	Thành viên	03/04	75%	Bận công tác
Ông Lê Thế Mạnh	Thành viên độc lập HĐQT	03/04	75%	Thời điểm cuộc họp chưa được bầu vào HĐQT
Bà Đặng Thị Việt Hà	Thành viên độc lập HĐQT	03/04	75%	Thời điểm cuộc họp chưa được bầu vào HĐQT

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Tuy nhiên để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị đã:

Cử thành viên HĐQT (Bà Đặng Thị Việt Hà - Thành viên độc lập HĐQT) phụ trách hoạt động Quản trị rủi ro tại Công ty Chứng khoán Công Thương theo Quyết định số 105/QĐ-UBCK ngày 26/2/2013 của UBCKNN về việc hướng dẫn thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro trong công ty chứng khoán.

Thiết lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT theo Quyết định số 37/QĐ-HĐQT-CKCT01 ngày 31/12/2013 của HĐQT của Công ty. Bộ phận Kiểm toán nội bộ được thiết lập và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư 07/2016/TT-BTC) của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán.

Nội dung các cuộc họp

Thời gian họp	Nội dung cuộc họp	Tỷ lệ tham dự
15/03/2018	Họp HĐQT định kỳ	100%
10/07/2018	Họp HĐQT định kỳ	100%
04/12/2018	Họp HĐQT định kỳ	100%
25/12/2018	Họp HĐQT định kỳ	80%

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

Hàng năm, Đại hội đồng cổ đông thường niên đều thông qua mức thù lao cho Hội đồng quản trị. Theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 26 tháng 3 năm 2018, mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2018 tối đa bằng 2,0% lợi nhuận sau thuế năm 2018.

Căn cứ kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2018, số tiền thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát dự kiến như sau:

Nội dung	Số tiền/ Triệu đồng
Lợi nhuận sau thuế năm 2018	150.438
Thù lao Hội đồng quản trị	1.000,8
Thù lao Ban Kiểm soát	103,9

Thay đổi Ban điều hành:

Không phát sinh.

Các giao dịch của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

Từ ngày 16/07/2018 đến ngày 14/08/2018, ông Chu Mạnh Hiến – Phó Tổng Giám đốc Công ty đã mua 92.000 cổ phiếu của Công ty.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không phát sinh.



7. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT (BKS)

Ban Kiểm soát được ĐHCĐ bầu với nhiệm kỳ 05 (năm) năm. Ban Kiểm soát hiện có 03 (ba) thành viên, trong đó Trưởng Ban Kiểm soát là thành viên chuyên trách; ngoài ra Ban Kiểm soát có 01 (một) thành viên kiêm nhiệm cán bộ phụ trách bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công ty, 01 (một) thành viên là cán bộ quản lý của VietinBank kiêm nhiệm thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ nắm giữ cổ phần và chứng khoán khác do Công ty phát hành:

Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác do công ty phát hành
Ông Đinh Huy Kiên	Trưởng Ban Kiểm soát	28/12/2010	0,000071%	0%
Bà Lâm Thị Thu Hương	Thành viên BKS, cán bộ phụ trách bộ phận Kiểm toán nội bộ	16/6/2014	0%	0%
Ông Nguyễn Thế Hưng	Phó phòng KTKSNB VietinBank kiêm Thành viên BKS Công ty	16/6/2014	0%	0%

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tiến hành 04 cuộc họp với sự tham gia của đầy đủ các thành viên Ban kiểm soát nhằm tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp với HĐQT, nắm bắt tình hình thực tế kinh doanh của Công ty và đóng góp ý kiến với HĐQT, BĐH trong việc thực hiện các chiến lược và mục tiêu đã được ĐHCĐ phê duyệt vào tháng 3/2018.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ thận trọng trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tài chính, bán niên và hàng năm của Công ty. Giám sát việc chấp hành các văn bản chính sách của nhà nước; quy trình, quy chế và các quy định nội bộ của Công ty.

Kết quả giám sát:

Thông qua việc kiểm tra, giám sát cho thấy Hội đồng quản trị Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo kịp thời và theo sát mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, công tác quản lý và điều hành kinh doanh về cơ bản đều dựa vào Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong quá trình giám sát, Ban kiểm soát cũng đã có ý kiến kịp thời với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc chỉ đạo thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh, việc ban hành các văn bản chính sách nhằm bảo đảm các hoạt động kinh doanh của Công ty đều thông suốt, tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ.

Trong năm 2018, Công ty đã nắm bắt được cơ hội của thị trường chứng khoán, gia tăng lợi nhuận mảng chứng khoán niêm yết đồng thời chú trọng và tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư thông qua đấu giá (IPO) và đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhờ vậy gia tăng thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn. Công ty cũng đã chủ động tìm

kiếm các nguồn vốn để sử dụng cho hoạt động giao dịch ký quỹ, dư nợ margin năm 2018 tăng trưởng tốt, bằng 1,08 lần kết quả năm 2017. Do vậy, năm 2018 Công ty đã thực hiện 181,8 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 36% so với năm 2017 và vượt 11,3% chỉ tiêu do ĐHCĐ 2018 giao.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Các thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát và thành viên Ban Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên;

- HĐQT mời Trưởng Ban Kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT, các tài liệu như biên bản họp HĐQT, Nghị quyết; các tài liệu, báo cáo, tờ trình của Ban Tổng Giám đốc xin ý kiến HĐQT khi gửi cho HĐQT đều đồng thời gửi cho Ban Kiểm soát;

- Ban Kiểm soát được nhận tài liệu và được mời và tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng, các cuộc họp triển khai, sơ kết, tổng kết hoạt động kinh doanh hoặc chuyên đề thuộc mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty;

- HĐQT, Ban điều hành tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các thành viên HĐQT, Ban điều hành và người quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.





8. BÁO CÁO KIỂM TRA KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Năm 2018 công tác Kiểm tra kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro tại VietinBank Securities luôn luôn song hành cùng hoạt động kinh doanh của Công ty, qua đó đã phát hiện sớm nhiều rủi ro tiềm ẩn và đã đưa vào cảnh báo cho các hoạt động kinh doanh, việc cảnh báo sớm các rủi ro đã giúp VietinBank Securities hạn chế các tổn thất không đáng có trong hoạt động kinh doanh của mình.

Hoạt động quản trị rủi ro đã được cụ thể hóa bằng quy định/quy trình riêng trong đó xác định các bước công việc thực hiện trong phân tích, đánh giá, xếp loại, kiểm soát và xử lý rủi ro... Ngoài ra, để tăng cường công tác phòng chống rủi ro VietinBank Securities đã đưa các cảnh báo rủi ro riêng và cụ thể vào các quy chế, quy định và quy trình của từng mảng kinh doanh. Như vậy, các rủi ro liên quan đến khách hàng, các mảng kinh doanh của Công ty đều cơ bản được kiểm soát và có quy trình hướng dẫn chi tiết để thực hiện. Trong năm 2018, VietinBank Securities tiếp tục triển khai áp dụng chính sách quản trị rủi ro vào từng loại rủi ro: rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro pháp lý.

• Rủi ro hoạt động:

VietinBank Securities tiếp tục chuẩn hóa các chính sách và quy trình kinh doanh nhằm tuân thủ các quy định pháp luật, rà soát và bổ sung các chốt kiểm soát liên quan đến các hoạt động môi giới, lưu ký, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư và tài chính kế toán. Vì VietinBank Securities nhận thức rõ đây là công cụ và là yếu tố then chốt để quản lý hiệu quả rủi ro hoạt động.

• Rủi ro thị trường:

VietinBank Securities đang thực hiện đo lường giá trị rủi ro thị trường theo quy định tại Thông tư 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính. Việc đo lường Giá trị rủi ro thị trường được Công ty thực hiện định kỳ tháng, được đánh giá mức độ ảnh hưởng khi tính tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của VietinBank Securities và gửi báo cáo đến Ban lãnh đạo cũng như các cơ quan quản lý.

• Rủi ro thanh toán:

VietinBank Securities đang thực hiện đo lường giá trị rủi ro thanh toán theo quy định tại Thông tư

87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của giá trị rủi ro thanh toán khi tính tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của VietinBank Securities đang được thực hiện định kỳ tháng, các báo được gửi đến Ban lãnh đạo cũng như các cơ quan quản lý.

• Rủi ro thanh khoản:

VietinBank Securities giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban lãnh đạo phân tích, đánh giá đủ đáp ứng cho các hoạt động của VietinBank Securities và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Định kỳ, VietinBank Securities thực hiện lập báo cáo phân tích dòng tiền để so sánh dòng tiền vào và dòng tiền ra trong kỳ cho các hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính; qua đó phân tích và đánh giá những xu hướng sử dụng và huy động vốn trong kỳ. Ngoài ra, VietinBank Securities lập báo cáo phân tích chỉ số thanh khoản dựa trên các số liệu tại bảng cân đối kế toán và các số liệu quản trị nội bộ của Công ty. Từ đó đưa ra các đánh giá về khả năng thanh khoản/ trạng thái thanh khoản của VietinBank Securities trong kỳ báo cáo.

• Rủi ro pháp lý:

Bộ phận pháp chế của VietinBank Securities thường xuyên và chủ động cập nhật các thay đổi của văn

bản pháp luật và đánh giá những tác động của việc thay đổi các chính sách liên quan đến hoạt động của VietinBank Securities. Rà soát, chuẩn hóa các quy trình, quy trình, chính sách, phân cấp ủy quyền của các nghiệp vụ để đảm bảo phù hợp với các thay đổi pháp lý, đồng thời thống nhất nội dung, tránh các văn bản, quy định rời rạc, thiếu nhất quán, thiếu đồng bộ. Hỗ trợ các bộ phận nghiệp vụ kiểm tra tính pháp lý của các dự thảo hợp đồng và các văn bản phát hành của VietinBank Securities nhằm đảm bảo tính tuân thủ đầy đủ, chính xác các quy định của pháp luật;

Công bố thông tin:

Với vị thế một công ty niêm yết và hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, VietinBank Securities cũng dành sự quan tâm đặc biệt đến việc quản lý các nguồn thông tin, từ cả bên trong VietinBank Securities đến thị trường, hay từ thị trường ảnh hưởng đến danh tiếng của VietinBank Securities.

VietinBank Securities luôn chấp hành nghiêm chỉnh theo đúng quy định của pháp luật trong việc công bố thông tin định kỳ và công bố thông tin bất thường. Với việc tôn trọng giá trị đầu tư của các Cổ đông, VietinBank Securities nhận thức rõ ràng trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin cho Cổ đông và nhà đầu tư một cách minh bạch, đầy đủ, chính xác và kịp thời.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

01. MỤC TIÊU THỰC HIỆN BÁO CÁO
02. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
03. CƠ CẤU QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
04. CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO
05. NỘI DUNG BÁO CÁO

A. MỤC TIÊU THỰC HIỆN BÁO CÁO

1. NỘI DUNG BÁO CÁO

Năm 2018 là năm VietinBank Securities thành công trong việc triển khai các định hướng xây dựng những giá trị bền vững của doanh nghiệp trở thành một doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh bền vững, có sức ảnh hưởng và lan tỏa những giá trị tốt đẹp cho sự phát triển của mỗi thành viên trong Công ty, cho khách hàng, cho thị trường và cho toàn xã hội thông qua các hoạt động thiết thực.

Các lĩnh vực được trình bày trong báo cáo gồm: Hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, chính sách liên quan đến người lao động, trách nhiệm đối với cộng đồng, Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh.

2. PHẠM VI BÁO CÁO

Báo cáo Phát triển Bền vững năm 2018 được thực hiện và công bố như một tài liệu bổ sung, gắn kết chặt chẽ với Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 của Công ty. Các số liệu tài chính trong báo cáo được dẫn chiếu từ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 và các năm trước đó của Công ty.

Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2018, đồng thời cũng đề cập đến định hướng và mục tiêu của Công ty trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững. Báo cáo được thực hiện cho phạm vi toàn bộ Công ty, bao gồm Trụ sở chính và các chi nhánh.

Nội dung phát triển bền vững của VietinBank Securities có liên quan chặt chẽ với chiến lược về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, xuất phát từ sứ mệnh và tầm nhìn của Công ty, cũng như đảm bảo tuân thủ các quy trình về kiểm tra kiểm soát nội bộ, các quy định chung của quốc gia và quốc tế về cạnh tranh, quyền con người, luật môi trường...



LIÊN HỆ MỌI THÔNG TIN

Mọi ý kiến đóng góp cho Báo cáo Phát triển Bền vững, vui lòng liên hệ:

Bộ phận Công bố thông tin - Công ty Cổ phần Chứng khoán Công Thương

Địa chỉ: 306 Bà Triệu, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 3974 1771

Email: IR@cts.vn

B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tại VietinBank nói chung và VietinBank Securities nói riêng, vấn đề "phát triển bền vững" đã được đề cao từ lâu theo lịch sử hình thành lâu đời của doanh nghiệp và ngày càng được mở rộng không chỉ đảm bảo các lợi ích về kinh tế trước mắt mà còn quan tâm ngày càng nhiều hơn các lợi ích bền vững lâu dài và những tác động đến cộng đồng.

Là một trong những Công ty chứng khoán lâu đời nhất tại Việt Nam, thành viên của ngân hàng có thương hiệu uy tín nhất tại Việt Nam, VietinBank Securities hiểu rõ trách nhiệm của mình trong việc gắn kết tầm nhìn, sứ mệnh với định hướng phát triển bền vững. Thông qua hoạt động của mình, VietinBank Securities đã có những tác động tích cực cả trực tiếp và gián tiếp đến sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, cụ thể:

- Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động;
- Huy động vốn cho nền kinh tế;
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp sử dụng vốn hiệu quả;
- Hỗ trợ nhà đầu tư nâng cao hiệu quả đầu tư;
- Đóng góp cho sự phát triển của ngành chứng khoán, tài chính;
- Tăng cường quản trị doanh nghiệp, minh bạch hóa doanh nghiệp;
- Tạo điều kiện phát triển thế hệ trẻ, hỗ trợ cộng đồng.

VietinBank Securities có lịch sử hoạt động hiệu quả với thành tích liên tục báo lãi trong tất cả các năm tài chính kể từ khi thành lập. Bên cạnh các cơ hội phát triển có được từ các thế mạnh, năng lực cạnh tranh cao, kinh nghiệm thị trường, quản trị doanh nghiệp hiệu quả, đội ngũ nhân sự giỏi và tận tâm với công việc, Công ty cũng phải đối diện với các rủi ro nội bộ và bên ngoài như rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro pháp lý (xem thêm mục Báo cáo Kiểm tra kiểm soát nội bộ - Báo cáo Thường niên 2018).

Việc nhận diện các tác động, rủi ro và cơ hội giúp Công ty đánh giá tình hình hiện tại, từ đó xây dựng mô hình và các mục tiêu phát triển bền vững phù hợp. Các mục tiêu phát triển bền vững của Công ty được định hướng căn cứ vào tầm nhìn "Tiên phong trong lĩnh vực Ngân hàng đầu tư".

Mô hình phát triển bền vững được VietinBank Securities xây dựng dựa trên mục tiêu hướng đến tạo lập thành công cho các đối tượng: Doanh nghiệp, Thị trường và Xã hội.

2. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG DOANH NGHIỆP

- Tăng trưởng ổn định;
- Đảm bảo thu nhập và lợi ích kinh tế cho người lao động, chăm lo đời sống người lao động;
- Chú trọng hoạt động đào tạo nhằm phát triển năng lực cho đội ngũ nhân viên;
- Quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ;
- Tăng tính minh bạch.

3. ĐÓNG GÓP BỀN VỮNG CHO THỊ TRƯỜNG

- Đảm bảo cổ tức ổn định cho cổ đông;
- Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng;
- Tăng cường kênh huy động vốn cho doanh nghiệp;
- Đóng góp phát triển thị trường và nền kinh tế Việt Nam;
- Đóng góp bền vững cho xã hội;
- Hoàn thành trách nhiệm với nhà nước;
- Chia sẻ với cộng đồng;
- Bảo vệ môi trường.



C. CƠ CẤU QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tại VietinBank Securities, Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cao nhất về chiến lược phát triển bền vững. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai thực hiện các mục tiêu và kế hoạch, đồng thời chia sẻ và đảm bảo vấn đề phát triển bền vững được thực hiện trong toàn Công ty từ các Bộ phận chức năng đến từng nhân viên, theo mô hình dưới đây:

Mô Hình Quản Trị về Phát Triển Bền Vững:



Các hoạt động của Công ty được giám sát bởi các chính sách, quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể, nhằm đảm bảo việc tuân thủ đúng các quy định nội bộ và pháp luật hiện hành cũng như đảm bảo hiệu quả hoạt động. Tất cả các chính sách, văn bản quy định trong Công ty được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn và các quy định khác của pháp luật như Nghị định số 71/2017/NĐ-CP Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Quyết định số 105/QĐ-UBCK ngày 26/02/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế hướng dẫn việc thiết lập và vận hành hệ thống Quản trị rủi ro cho công ty chứng khoán, Thông tư 210/2012/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 07/2016/TT-BTC)

dẫn thành lập và hoạt động công ty chứng khoán,... Trên cơ sở các chính sách, quy chế, quy định, quy trình, kết hợp với Bộ phận Quản trị rủi ro, Bộ phận Kiểm tra kiểm soát nội bộ (KTKSNB) sẽ đưa ra các rủi ro chính và các hoạt động kiểm soát rủi ro, từ đó xây dựng kế hoạch, chương trình kiểm tra gắn liền với các mục tiêu. Bộ phận KTKSNB trực tiếp giám sát, trao đổi, làm việc với các bộ phận có liên quan để phát hiện ra các sai sót và đưa ra giải pháp điều chỉnh nhằm mang lại chất lượng phục vụ tốt hơn, đảm bảo sự an toàn cho khách hàng, cũng như cho hoạt động của Công ty. Bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công ty có nhiệm vụ báo cáo trực tiếp cho Hội đồng quản trị, nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động Quản trị rủi ro nội bộ.

D. CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO



VietinBank Securities nhận thấy mọi hoạt động của Công ty đều có liên quan và ảnh hưởng đến các đối tượng bên trong cũng như bên ngoài Công ty. Để đảm bảo phát triển hài hòa, cân đối và bền vững trong các mối liên quan tổng thể, Công ty thường xuyên trao đổi, tương tác với các bên liên quan thông qua các hoạt động. Đây cũng là hình thức để VietinBank Securities xác định nội dung Báo cáo phát triển bền vững năm 2018:

1. TƯƠNG TÁC VỚI NHÂN VIÊN

- Hợp sơ kết 6 tháng, tổng kết năm, hội nghị người lao động;
- Tổ chức chương trình sinh nhật nhân viên trong tháng;
- Duy trì hoạt động bếp ăn cho các cán bộ nhân viên;
- Thông tin, trao đổi qua Internet, điện thoại, email nội bộ;
- Các chương trình đào tạo nội bộ;
- Tổ chức các chương trình khảo sát lấy ý kiến;
- Tổ chức các sự kiện nội bộ nhằm tăng cường tinh đoàn kết: chương trình 20/10, 1/6, trung thu, Giáng sinh, du lịch.

2. TƯƠNG TÁC VỚI CỔ ĐÔNG

- Đại hội cổ đông thường niên;
- Báo cáo định kỳ Cổ đông lớn;
- Cán bộ chuyên trách quản lý Cổ đông;
- Gặp gỡ trực tiếp nhà đầu tư/ Trao đổi qua điện thoại với bộ phận Quan hệ Cổ đông;
- Email gửi cổ đông và nhà đầu tư

3. TƯƠNG TÁC VỚI KHÁCH HÀNG/ NHÀ ĐẦU TƯ

- Hội thảo tư vấn đầu tư; giới thiệu cơ hội đầu tư;
- Gặp gỡ trao đổi, tư vấn trực tiếp/Trao đổi qua điện thoại với nhân viên kinh doanh, nhân viên chăm sóc khách hàng và Phòng Dịch vụ;
- Hỗ trợ khách hàng qua website, trang Trợ giúp <http://www.cts.vn/InvestorCorner.aspx>;
- Email gửi khách hàng.

4. TƯƠNG TÁC VỚI BÁO CHÍ

- Phòng vấn trả lời báo chí;
- Tham gia các Diễn đàn do các báo tổ chức;
- Trao đổi qua điện thoại, email với bộ phận Truyền thông;
- Thông cáo báo chí.

5. TƯƠNG TÁC VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ VÀ HIỆP HỘI

- Tham gia các Hội nghị, Hội thảo do Chính phủ, Bộ, các cơ quan quản lý tổ chức;
- Tham gia các hội thảo xây dựng thị trường do các cơ quan quản lý tổ chức.

6. TƯƠNG TÁC VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- Tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng, chia sẻ khó khăn với những người kém may mắn do ngân hàng mẹ VietinBank tổ chức;
- Tham gia các hoạt động cộng đồng.

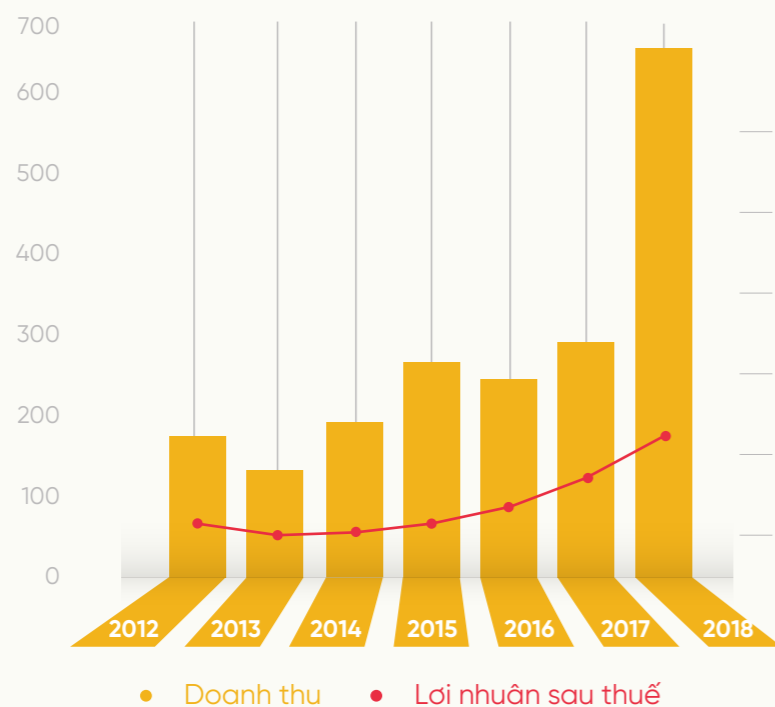
E. NỘI DUNG BÁO CÁO

Phát Triển Bền Vững Trong Doanh Nghiệp

VietinBank Securities đã gặt hái những kết quả tích cực về mặt kinh tế:

Năm 2018, doanh thu thoạt động của VietinBank Securities đạt 652,6 tỷ đồng, tăng 127,5% so với năm 2017, lợi nhuận trước thuế ở mức 181,8 tỷ đồng vượt 11,5% so với kế hoạch và tăng 36,1% so với lợi nhuận thực hiện năm 2017, lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt 150,4 tỷ đồng, tăng 23,05% so với năm 2017, đây là mức cao nhất trong vòng 07 năm trở lại đây của VietinBank Securities.

Biểu đồ doanh thu lợi nhuận



Để xem chi tiết các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2018, vui lòng tìm đọc trong nội dung Kết quả hoạt động kinh doanh và Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận - Báo cáo thường niên năm 2018, tham khảo trang 26 - 30

Bên cạnh hiệu quả về hoạt động kinh doanh, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng tăng trưởng không ngừng qua các năm, mức tăng bình quân năm năm gần nhất đạt 4,17%. Các chỉ số về tỷ suất lợi nhuận gia tăng qua các năm, thể hiện hiệu quả sử dụng vốn của Công ty, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông. VietinBank Securities tự hào là một trong những công ty chứng khoán duy trì tỷ lệ cổ tức ổn định qua các năm, kể cả ở những thời điểm TTCK khó khăn nhất.

Cơ cấu tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản ngắn hạn mang tính thanh khoản cao, do vậy mà các chỉ số khả năng thanh toán luôn đạt hơn 2 lần qua các năm, đây cũng chính là đặc thù chung đối với các công ty chứng khoán để luôn đáp ứng đầy đủ các điều kiện về mặt thanh khoản theo quy định của

Pháp luật chuyên ngành.

Với nguồn vốn dồi dào trong khi nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản phải trả cho hoạt động giao dịch chứng khoán, cơ cấu về nguồn vốn linh hoạt đó, giúp Công ty có thể chủ động trong việc đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động giao dịch ký quỹ và đầu tư nhằm gia tăng hiệu quả sử dụng vốn khi thị trường thuận lợi.

Đảm bảo thu nhập cho người lao động

Công ty luôn đảm bảo lợi ích cho người lao động về lương, phụ cấp hoàn thành công việc và các khoản phúc lợi khác, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm làm việc, gắn bó với Công ty góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững doanh nghiệp.

Để bảo đảm quyền lợi về lương, thưởng cho người lao động, Công ty đã thành lập và duy trì hoạt động tích cực của Hội đồng lương Công ty, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng. **Năm 2018, mức lương trung bình của các lao động trong Công ty đạt 25,9 triệu đồng.**



Hội đồng lương Công ty

Hội đồng lương Công ty được thành lập với mục đích:

- Áp dụng thống nhất hệ thống ngạch bậc, cơ chế quản lý và chi trả tiền lương đối với các đơn vị, người lao động làm việc tại Công ty;

- Gắn việc chi trả tiền lương với vai trò, trách nhiệm đảm nhiệm; năng lực cá nhân; kết quả và hiệu quả thực hiện công việc của đơn vị, cá nhân cũng như kết quả kinh doanh, chính sách và chiến lược kinh doanh của Công ty;

- Đảm bảo công bằng nội bộ và cạnh tranh với thị trường lao động nhằm tạo động lực nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong công việc; thu hút và giữ lao động thực sự có năng lực, trình độ và gắn bó lâu dài với Công ty;

- Xác định trách nhiệm, quyền hạn của đơn vị, cá nhân liên quan trong việc thực hiện quản lý và chi trả tiền lương. Công ty thực hiện chính sách trả lương theo nguyên tắc: tiền lương phải gắn chặt với hiệu quả kinh doanh của từng bộ phận và hiệu quả làm việc của từng cá nhân, vừa tuân thủ theo đúng quy định nhà nước vừa nâng cao tính công bằng và cạnh tranh. Trong năm 2018, Công ty tiếp tục áp dụng thành công chính sách lương theo KPIs (lương theo hiệu quả công việc). Bên cạnh đó, Công ty đã áp dụng Quy định chi trả tiền lương cho nhân viên phát triển thị trường, Quy chế tuyển dụng lao động,... qua đó tạo động lực cạnh tranh và tăng sức hấp dẫn nhân sự trên thị trường về làm việc tại Công ty.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

Hội đồng thi đua - Khen thưởng Công ty được thành lập với mục đích:

- Đảm bảo công tác thi đua khen thưởng trong Công ty được thực hiện đúng pháp luật của Nhà nước Việt Nam về thi đua khen thưởng.

- Tạo động lực mạnh mẽ, khuyến khích toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty tích cực thi đua, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng làm việc theo nguyên tắc:

- Công khai, chính xác, công bằng, kịp thời.

- Khen thưởng định kỳ hàng năm được thực hiện trên cơ sở so sánh, lựa chọn trong đơn vị;

- Đánh giá khen thưởng cũng tính đến các yếu tố điều kiện, hoàn cảnh thực hiện nhiệm vụ; đồng thời thực hiện khen thưởng đến đơn vị/người trực tiếp thừa hành nhiệm vụ.

Bộ quy định về hoạt động thi đua khen thưởng của Công ty với đầy đủ các hạng mục và hướng dẫn về đánh giá khen thưởng được ban hành và áp dụng nghiêm túc. Nguyên tắc thi đua tại Công ty được xây dựng trên tinh thần tự nguyện, tự giác, công khai, đảm bảo tinh thần đoàn kết, hợp tác, cùng phát triển. Hoạt động thi đua khen thưởng trở thành hoạt động quan trọng thúc đẩy tinh thần làm việc hiệu quả của cán bộ nhân viên Công ty.

Năm 2018 có thể nói là một năm thành công với Vietinbank Securities. Năm 2018 Công ty cũng đã golve thành công hệ thống Core mới, lợi nhuận trước thuế toàn Công ty đạt 181,8 tỷ bằng 136% so với mức thực hiện năm 2017 (133,6 tỷ), hoàn thành 111,5% kế



hoạch lợi nhuận trước thuế do VietinBank và Đại hội đồng cổ đông giao. Tình hình tài chính bảo đảm an toàn, hiệu quả. Để ghi nhận những cống hiến đó, Thống đốc Ngân hàng nhà nước đã trao tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua ngành ngân hàng tới ông Khổng Phan Đức - Tổng giám đốc Công ty với các thành tích xuất sắc tiêu biểu trong công tác từ năm 2015 đến năm 2017 và trao tặng bằng khen tới bà Phan Hải Sâm - Phó Tổng Giám đốc Công ty đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngân hàng năm 2016 - 2017.



Chăm lo đời sống người lao động

Các chương trình phúc lợi, đặc biệt về chăm sóc sức khỏe dành cho cán bộ nhân viên đã và đang được quan tâm đặc biệt nhằm mang lại cho cán bộ nhân viên Công ty những tiện ích tốt nhất trong việc chăm sóc và giữ gìn sức khỏe.

Ngoài việc tham gia bảo hiểm y tế theo quy định của Luật lao động, từ 03 năm trở lại đây, Công ty đã áp dụng chính sách bảo hiểm sức khỏe cao cấp dành cho cán bộ nhân viên và người thân. Hàng năm, Công ty có chương trình khám sức khỏe định kỳ, khám tổng quát được áp dụng cho tất cả cán bộ nhân viên tại các địa chỉ khám chữa bệnh có uy tín nhằm đảm bảo tất cả thành viên Công ty đều được bảo vệ và chăm sóc sức khỏe tốt.

Chế độ hiếu hỷ luôn được Công ty và Ban chấp hành Công đoàn quan tâm và thực hiện đầy đủ nhằm thường xuyên thăm hỏi, động viên và hỗ trợ kịp thời đối với tất cả cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty vẫn luôn duy trì các hoạt thể thao, tham quan, nghỉ mát... nhằm mục đích tạo động lực, nâng cao đời sống tinh thần và giúp cán bộ nhân viên gắn bó hơn với Công ty. Các chương trình hoạt động tập thể, xây dựng đội nhóm như Chương trình hội nghị người lao động, bếp ăn tập thể, Chúc mừng sinh nhật hàng tháng, Quốc tế phụ nữ, Quốc tế thiếu nhi, Trung thu,...

luôn được Công ty chú trọng nhằm tăng cường tinh thần đoàn kết và hợp tác, tạo điều kiện giao lưu trao đổi giữa lãnh đạo và nhân viên, giữa các nhân viên với nhau để chia sẻ định hướng, quan điểm về việc xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh, cùng nhau tạo dựng một môi trường làm việc tốt, qua đó thúc đẩy mỗi cá nhân phát huy cao nhất năng lực của mình, đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty cũng như sự phát triển bản thân.

Chương trình tổng kết năm và chào đón năm mới "Chào xuân 2018" là một trong các hoạt động nổi bật của Công ty trong năm 2017, tại đây toàn thể cán bộ nhân viên đã cùng nhau nhìn lại một năm hoạt động và kinh doanh đầy sôi động và cùng nhau thể hiện tinh thần đoàn kết, sự gắn kết với Công ty trong các tiết mục văn nghệ sôi nổi.

Tạo môi trường thuận lợi, hỗ trợ phát triển sự nghiệp cho nhân viên

Công tác nhân sự, tuyển dụng

Xác định nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất và là chìa khóa của thành công của Công ty. Công ty tiếp tục chính sách phát triển nguồn nhân lực, chú trọng việc tuyển dụng nhân sự có năng lực, đồng thời cạnh tranh thu hút nhân sự chất lượng cao trên thị trường nhằm biến VietinBank Securities là nơi tốt nhất để mọi cá nhân có cơ hội để phát triển nghề nghiệp, có chính sách đãi ngộ, để bạt cán bộ một cách công bằng, đánh giá năng lực cán bộ lãnh đạo các cấp qua chỉ tiêu kinh doanh, có cơ chế thu hút nhân tài và cơ hội phấn đấu, thăng tiến bình đẳng.

Việc sắp xếp lại lao động, điều chuyển và bố trí nhân sự phụ trách mảng công việc theo năng lực được thực hiện linh hoạt để cán bộ thường xuyên được trao đổi mở rộng nghiệp vụ, đồng thời tạo điều kiện để hỗ trợ lẫn nhau nhằm đảm bảo hoàn thành công việc được giao.

Năm 2018 cũng là năm ghi nhận sự tăng trưởng nhân sự nhanh chóng, tổng số nhân sự là 164 cán bộ nhân viên, tăng 1,025% so với năm 2017.

Hoạt động đào tạo

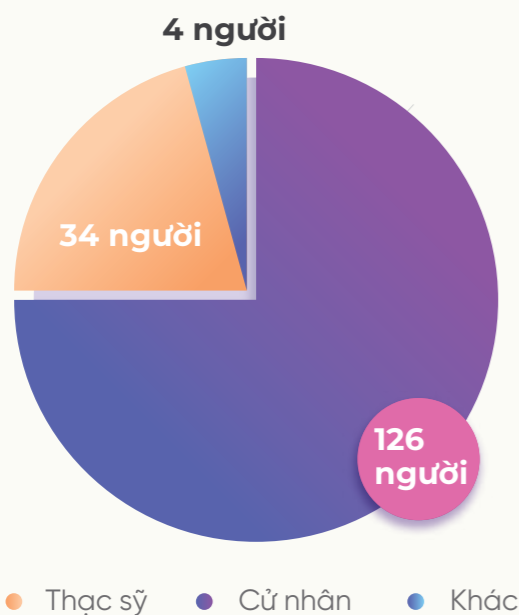
Năm 2018, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các khóa học nghiệp vụ và kỹ năng mềm đào tạo cho cán bộ nhân viên nhằm phát triển các kỹ năng làm việc cho tất cả các vị trí.

Nội Dung	Số lượng
Số lượng khoá đào tạo	25
Số lượng học viên tham gia trên tổng số lớp học	150
Tổng số chứng chỉ hành nghề	80

Hoạt động quản lý chất lượng dịch vụ, giám sát việc thực hiện quy chuẩn về đạo đức nghề nghiệp.

Trong năm 2018, hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm dịch vụ cũng được chú trọng thực hiện nghiêm túc nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng cũng như cho hoạt động nội bộ trong Công ty. Bộ phận giám sát đã tiến hành việc kiểm tra và nhắc nhở thường xuyên nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

Công ty cũng đã ban hành Bộ tiêu chuẩn chất lượng với mục đích chuẩn hóa quy trình tiếp đón, giao tiếp và chất lượng phục vụ khách hàng tại Công ty; đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng và quảng bá hình ảnh của Công ty đến khách hàng. Bộ quy chuẩn bao gồm một hệ thống các quy định và hướng dẫn thực hiện về quy chuẩn không gian giao dịch, tiêu chuẩn về năng lực cán bộ, kỹ năng giao tiếp với khách hàng; bảo mật thông tin; tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh chứng khoán.



Đóng Góp Bền Vững Trên Thị Trường



Phục vụ cho lợi ích cổ đông

Đến thời điểm tăng vốn điều lệ năm 2018, VietinBank Securities có 4.586 cổ đông, trong đó 52 cổ đông là tổ chức và 4.534 cổ đông cá nhân. Với chính sách cổ tức ổn định từ 6%/năm trở lên, VietinBank Securities đảm bảo các khoản cổ tức định kỳ và thu nhập ổn định cho cổ đông. Minh bạch hóa thông tin với nhà đầu tư được VietinBank Securities quan tâm thực hiện thông qua việc chú trọng Công tác quan hệ cổ đông (Investor Relation - IR), đảm bảo quyền lợi tiếp cận thông tin của cổ đông. Công tác IR tại VietinBank Securities được thực hiện chuyên trách bởi người được ủy quyền công bố thông tin trực tiếp phụ trách.

Đại hội đồng cổ đông thường niên và Báo cáo thường niên là hai hoạt động IR chính giúp nhà đầu tư và cổ đông nắm được đầy đủ thông tin về kết quả kinh doanh, chiến lược, tầm nhìn và các hoạt động của VietinBank Securities trong năm. VietinBank Securities cũng xây dựng và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu của các cổ đông để gửi thông tin qua thư điện tử.

Bên cạnh đó Công ty cũng sẵn sàng đón nhận và giải đáp thỏa đáng những phản hồi của nhà đầu tư thông qua email, điện thoại cũng như gặp gỡ trực tiếp.

Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng

Cung cấp sản phẩm dịch vụ khách hàng với sự thấu hiểu và tận tâm

Nhân sự của Công ty được đào tạo với việc đề cao tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo luôn cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin đến khách hàng và đảm bảo rằng các khoản đầu tư của mỗi khách hàng được tư vấn thực hiện một cách an toàn và hiệu quả nhất bởi đội ngũ chuyên gia có kinh

nghiệm và trình độ cao. Bên cạnh các dịch vụ chứng khoán cơ bản cung cấp cho khách hàng, VietinBank Securities phát triển một hệ thống các tiện ích gia tăng nhằm hỗ trợ khách hàng về kiến thức và công cụ tham gia thị trường:

Báo cáo phân tích:

Điểm mạnh trong các báo cáo phân tích của Công ty là các phân tích sâu, chi tiết, thông tin nhanh nhạy và các dự báo trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng tình hình kinh tế vĩ mô, ngành và từng doanh nghiệp, giúp nhà đầu tư ra quyết định kịp thời. Cụ thể các sản phẩm mà bộ phận nghiên cứu của Công ty cung cấp cho khách hàng gồm:

- Báo cáo chiến lược, bao gồm các thông tin - phân tích - nhận định - dự báo về kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán và chiến lược đầu tư.

- Báo cáo vĩ mô, bao gồm các thông tin - phân tích - nhận định - dự báo về GDP, lạm phát, chỉ số công nghiệp, cán cân thương mại, cán cân thanh toán, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và tỷ giá. Báo cáo vĩ mô được xuất bản thường xuyên, đặc biệt là vào những thời điểm có các tin tức quan trọng.

- Báo cáo ngành đưa ra báo cáo tổng quan về ngành cùng các nhận định - đánh giá về triển vọng cổ phiếu ngành.

- Bản tin ngày: đưa thông tin và bình luận về thị trường chứng khoán, kinh tế vĩ mô và doanh nghiệp hàng ngày.

- Báo cáo khuyến nghị CTS - Spotlight cung cấp thông tin đầy đủ và khuyến nghị đầu tư về các mã cổ phiếu tốt cho nhà đầu tư.

Các công cụ hỗ trợ giao dịch:

Để tối đa hóa hiệu quả dịch vụ, VietinBank Securities đã áp dụng nâng cấp các công nghệ hỗ trợ tiện ích cho khách hàng, bao gồm:

- Các giải pháp giao dịch trực tuyến cho phép nhà đầu tư ở bất cứ đâu đều có thể theo dõi được thông tin thị trường chứng khoán và giao dịch theo thời gian thực.

- SMS: Nhằm phục vụ cho việc theo dõi sự biến động trên tài khoản khách hàng, hệ thống tin nhắn SMS của VietinBank Securities tự động nhắn tin đến khách hàng khi có sự thay đổi về tiền, chứng khoán, cổ tức và thực hiện quyền trên tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư.

- Thư điện tử: VietinBank Securities định kỳ gửi bản tin và sao kê hàng tháng cho nhà đầu tư nhằm mang lại sự thuận lợi, nhanh chóng, an toàn trong việc cập nhật thông tin tài khoản giao dịch chứng khoán đến nhà đầu tư.

- Hoạt động chăm sóc khách hàng: Trong năm 2018, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động chăm sóc khách hàng thông qua việc đưa ra các gói sản phẩm phù

hợp với từng đối tượng khách hàng

- Năm 2018, Công ty đã chính thức đưa vào hoạt động hệ thống giao dịch chứng khoán UNICORE và đặc biệt là ứng dụng giao dịch chứng khoán qua thiết bị di động UniMobi đáp ứng nhu cầu theo dõi, giao dịch mọi lúc, mọi nơi của các nhà đầu tư.



CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ TẠI VIETINBANK SECURITIES

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

- Mở tài khoản giao dịch
- Giao dịch chứng khoán niêm yết
- Dịch vụ hỗ trợ giao dịch chứng khoán
- Dịch vụ hỗ trợ tài chính
- Lưu ký chứng khoán
- Dịch vụ quản lý sổ cổ đông
- Dịch vụ Đại lý đăng ký chứng khoán và thanh toán

CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

- Kiến thức cơ bản Chứng Khoán Phái Sinh
- Hướng dẫn giao dịch Chứng Khoán Phái Sinh
- Hướng dẫn sử dụng lệnh điều kiện Chứng Khoán Phái Sinh
- Thông số QLTK giao dịch Chứng Khoán Phái Sinh

TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

- Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp
- Tư vấn niêm yết chứng khoán
- Tư vấn phát hành chứng khoán
- Tư vấn M&A
- Tư vấn tái cấu trúc tài chính

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

- Bản tin phân tích hàng ngày
- Báo cáo phân tích cổ phiếu
- Báo cáo phân tích ngành

BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

Đóng góp phát triển thị trường

VietinBank Securities đã tích cực tham gia các hoạt động đóng góp cho thị trường như Diễn đàn thảo luận thường niên của UBCKNN, các Hội thảo, Hội nghị thành viên của HNX, HOSE...

Ngoài ra, Vietinbank Securities còn có các chuyên đề phân tích chuyên sâu, đánh giá các vấn đề mang tầm vĩ mô, "nóng hổi" của nền kinh tế ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán thế giới và trong nước giúp các NĐT có cái nhìn sâu sắc, toàn diện, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư an toàn, hiệu quả hơn.

Đóng Góp Cho Sự Phát Triển Bền Vững Của Xã Hội

Hoàn thành trách nhiệm đối với nhà nước

Tổng đóng góp cho ngân sách nhà nước trong năm 2018 của Công ty đạt 52,573 tỷ đồng. Làm tròn nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách Nhà nước thể hiện cam kết của Công ty trong việc góp phần vào sự phát triển, tăng trưởng ổn định của nền kinh tế và xã hội Việt Nam.

Chia sẻ lợi ích với cộng đồng

Trong năm 2018, Vietinbank Securities đã hỗ trợ mua sắm trang thiết bị dạy học cho trường mầm non xã Quang Huy 1, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, hỗ trợ công cụ để giáo viên, học sinh tại đây cải thiện được phần nào quá trình dạy và học.

Ngoài ra, Ban Chấp hành Đoàn Thanh Niên Công ty đã phát động chương trình "Tặng quà cho đồng bào Tây Bắc chịu thiệt hại mưa lũ năm 2018". Thăm hỏi, động viên tinh thần, tặng quà cho 121 hộ gia đình chịu thiệt hại trong đợt mưa lũ vừa qua (50 hộ tại xã Cán Tì, 71 hộ tại xã Lao Và Chải).

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty là đơn vị kinh doanh dịch vụ tài chính, không phải là đơn vị trực tiếp sản xuất hoặc kinh doanh trong các ngành nghề gây tác động trực tiếp đến môi trường. Tuy nhiên, bảo vệ môi trường là trách nhiệm mang tính cộng đồng mà bất cứ một doanh nghiệp nào muốn phát triển bền vững đều phải có những đóng góp bằng cách này hay cách khác. Trong Công ty, Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm cao nhất trong việc triển khai các vấn đề về môi trường, Công ty thường xuyên nêu cao ý thức bảo vệ môi trường cho các cán bộ nhân viên thông qua các hoạt động hướng đến các chương trình Bảo vệ môi trường chung của cộng đồng như: Tiết kiệm điện, tiết kiệm văn phòng phẩm, bảo vệ môi trường sống, giữ gìn môi trường làm việc xanh sạch đẹp.

• Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không**

• Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không**

Hoạt động tăng trưởng xanh

Tăng trưởng xanh được xác định là điểm nhấn quan trọng trong chính sách phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới nhằm hướng tới sự phát triển bền vững. Tuy nhiên, tăng trưởng xanh không chỉ nằm ở một lĩnh vực và không phải chỉ trong ngắn hạn. Đó là một chương trình lâu dài, liên tục, cần có sự tham gia của nhiều đơn vị, nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau.

Giống như nhiều sản phẩm phục vụ con người khác được thiết kế và sản xuất theo hướng ngày càng thân thiện với môi trường, có giá trị sử dụng giúp con người sống an hòa với mẹ thiên nhiên, sản phẩm chứng khoán xanh cũng có những đặc tính tương tự.

Sự xuất hiện của những sản phẩm này trên thị trường vốn quốc tế, không chỉ làm thay đổi phương thức huy động và sử dụng vốn cho các công trình, dự án "xanh" như thủy lợi, trồng rừng, chống phát thải nhà kính..., mà còn đáp ứng nhu cầu đầu tư có trách nhiệm hơn với môi trường và sự sống của con người từ phía nhà đầu tư cá nhân cho đến các nhà đầu tư tổ chức.

Vi những giá trị thiết thực ấy, những sản phẩm chứng khoán xanh đầu tiên đã dần hình thành tại Việt Nam. Nếu như trước năm 2016, câu chuyện phát triển thị trường vốn xanh tại Việt Nam chỉ dừng lại ở mức độ ý tưởng của nhà quản lý, lẫn các tổ chức có ý định phát hành, thì đến nay đã có những chứng khoán xanh đầu tiên được đưa ra thị trường, qua đó không chỉ mở ra triển vọng mới cho nhà phát hành trong huy động vốn để triển khai các dự án xanh, mà còn đáp ứng nhu cầu đầu tư. Đồng thời, đến năm 2018, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 163/2018/NĐ-CP quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong đó đã đưa ra khung pháp lý về trái phiếu xanh.

Để khuyến khích sự phát triển của thị trường chứng khoán xanh và góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội, CTS đã và đang tìm kiếm cơ hội/thực hiện đầu tư các loại cổ phiếu, trái phiếu xanh trên thị trường.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
02. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
03. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
04. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
05. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
06. BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
07. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Công thương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Hạ Quang Vũ	Chủ tịch HĐQT
Ông Khổng Phan Đức	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng (miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2018)	Ủy viên
Ông Vũ Anh Đức (miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2018)	Ủy viên
Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	Ủy viên
Ông Lê Thế Mạnh (bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2018)	Ủy viên
Bà Đặng Thị Việt Hà (bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2018)	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Khổng Phan Đức	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Giang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Hải Sâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thái Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Mạnh Hiền	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") ngày 30 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 334/2016/TT-BTC ("Thông tư 334") ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



KHÔNG PHAN ĐỨC
Tổng Giám đốc

02. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2019, từ trang 5 đến trang 44, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách Nhiệm Của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách Nhiệm Của Kiểm Toán Viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý Kiến Của Kiểm Toán Viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Thị Thủy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0031-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Mai Thị Thủy Loan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3837-2016-001-1

03. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN (100= 110+130)	100		2.418.210.078.425	1.734.816.822.264
I. Tài Sản Tài Chính (110=111+112+114+115+116+117+118+119+122)	110		2.106.329.334.685	1.637.416.630.916
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	82.250.140.440	15.072.569.250
1.1 Tiền	111.1	-	72.250.140.440	10.072.569.250
1.2 Các khoản tương đương tiền	111.2	-	10.000.000.000	5.000.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7	963.846.972.448	418.256.824.185
3. Các khoản cho vay	114	7	714.946.499.793	658.980.679.063
4. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	7	330.000.000.000	507.498.747.644
5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	7	(4.810.368.138)	(4.623.081.434)
6. Các khoản phải thu	117	-	16.396.804.588	34.803.860.502
6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	8		33.350.000.000
6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	8	16.396.804.588	1.453.860.502
6.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3	-	14.899.982.670	-
6.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4	-	1.496.821.918	1.453.860.502
7. Trả trước cho người bán	118	9	228.026.637	124.325.461
8. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	8	3.449.778.767	7.286.672.386
9. Các khoản phải thu khác	122	8	21.480.150	16.033.859
II. Tài Sản Ngắn Hạn Khác (130=132+133+134+138)	130	-	311.880.743.740	97.400.191.348
1. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132	-	94.186.000	23.427.040
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	10	1.214.572.521	937.676.667
3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		23.631.469	10.000.000
4. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	138	19	310.548.353.750	96.429.087.641
B . Tài Sản Dài Hạn(200=220+240+250)	200	-	158.312.284.639	103.436.355.259
I. Tài sản cố định	220	-	76.020.224.938	46.443.962.545
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	25.605.256.182	7.985.004.234
- Nguyên giá	222	-	54.241.847.070	31.561.260.466
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a	-	(28.636.590.888)	(23.576.256.232)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	50.414.968.756	38.458.958.311
- Nguyên giá	228	-	72.726.667.896	56.888.997.756
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a	-	(22.311.699.140)	(18.430.039.445)
II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	13		27.833.900.000
III. Tài sản dài hạn khác	250		82.292.059.701	29.158.492.714
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		203.928.000	203.928.000
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	10	1.802.217.416	905.582.587
3. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	253	28	59.756.082.728	8.160.488.637
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	14	19.622.398.824	17.166.195.325
5. Lợi thế thương mại	256	10	907.432.733	2.722.298.165
Tổng Cộng Tài Sản (270=100+200)	270		2.576.522.363.064	1.838.253.177.523

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
C . Nợ Phải Trả (300= 310+340)	300	-	1.261.655.340.382	667.379.742.694
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310	-	986.785.039.680	658.020.931.256
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	15	620.006.600.000	509.536.400.000
1.1 Vay ngắn hạn	312	-	620.006.600.000	509.536.400.000
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	16	18.961.075.523	3.855.926.278
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	-	1.318.552.776	21.081.522.031
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	-	976.750.000	741.750.000
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	17	1.736.924.361	9.395.345.030
6. Phải trả người lao động	323	-	15.336.913.771	9.542.814.091
7. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	18	12.596.179.360	1.351.220.024
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		1.138.099.841	633.836.138
9. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328	-	94.140.000	-
10. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	-	1.155.966.893	1.191.780.857
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331	-	2.294.048.392	4.186.473.392
12. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu chính phủ	332	19	311.169.788.763	96.503.863.415
II. Nợ phải trả dài hạn	340	-	274.870.300.702	9.358.811.438
1. Trái phiếu phát hành dài hạn	346	20	200.000.000.000	-
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351	-	6.746.577.516	957.884.493
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	28	68.123.723.186	8.400.926.945
D . Vốn Chủ Sở Hữu(400=410)	400	-	1.314.867.022.682	1.170.873.434.829
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	1.314.867.022.682	1.170.873.434.829
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	-	1.070.288.530.630	982.467.130.630
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1	-	1.064.365.760.000	976.529.360.000
a. Cổ phiếu phổ thông	411.1a	-	1.064.365.760.000	976.529.360.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	411.2	-	6.178.512.734	6.193.512.734
1.3 Cổ phiếu quỹ	411.5	-	(255.742.104)	(255.742.104)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414	-	30.717.102.025	25.503.619.401
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415	-	30.717.102.025	25.503.619.401
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417	22	183.144.288.002	137.399.065.397
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1	-	161.413.664.172	148.177.250.169
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2	-	21.730.623.830	(10.778.184.772)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440	-	2.576.522.363.064	1.838.253.177.523

03. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Chỉ Tiêu Ngoài Báo Cáo Tài Chính

Đơn vị: VND				
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006		1.063.998.760.000	976.162.360.000
2. Cổ phiếu quỹ	007		367.000.000	367.000.000
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008		561.604.360.000	357.887.060.000
4. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		75.505.610.000	77.914.830.000
5. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010		-	7.477.000.000
6. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012		340.592.440.000	552.181.570.000
7. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013		80.000	120.000
Đơn vị: VND				
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		18.961.590.472.000	19.738.138.040.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		15.348.960.592.000	15.834.656.100.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		505.295.970.000	1.013.021.440.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		1.145.455.740.000	862.665.050.000
d. Tài sản tài chính phong toả, tạm giữ	021.4		1.937.634.440.000	1.735.148.950.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		24.243.730.000	292.646.500.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		489.193.870.000	575.149.540.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		489.155.870.000	575.111.540.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		38.000.000	38.000.000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		34.257.850.000	285.236.370.000
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b		23.310.000	-
5. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		493.248.020.000	9.398.340.000

Đơn vị: VND				
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)				
6. Tiền gửi của khách hàng	026	-	278.973.839.789	621.637.437.582
6.1 Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	027	30.1	228.834.561.933	269.965.025.660
6.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	30.1	45.111.837.546	346.572.024.999
6.3 Tiền gửi gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	30.1	1.577.595.927	1.294.189.134
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1	-	1.544.834.724	1.225.929.959
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2	-	32.761.203	68.259.175
6.4 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	30.2	3.449.844.383	3.806.197.789
7. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	30.3	275.523.995.406	617.831.239.793
7.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1	-	275.068.266.481	617.396.082.251
7.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2	-	455.728.925	435.157.542
8. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	30.3	3.449.844.383	3.806.197.789

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2019



Đào Thị Yên
Người lập



Nguyễn Tú Anh
Kế Toán Trưởng



Khống Phan Đức
Tổng Giám Đốc

04. BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01	-	431.683.748.963	90.573.638.073
a. Lãi bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.1	23.1	110.494.629.214	43.330.015.360
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.2	23.2	298.613.981.206	42.004.634.725
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.3	20.3	22.575.138.543	5.238.987.988
1.2 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	23.3	81.850.367.803	59.356.979.663
1.3 Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	04	23.3	45.972.083.967	36.299.015.210
1.4 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	-	56.969.090.713	40.572.565.926
1.5 Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	-	2.595.000.000	2.214.000.000
1.6 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	-	15.835.441.983	24.156.311.041
1.7 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	-	17.407.620.908	33.343.457.688
1.8 Thu nhập hoạt động khác	11	-	275.114.810	314.048.069
Cộng doanh thu hoạt động (20=01+03+04+06+07+09+10+11)	20	-	652.588.469.147	286.830.015.670
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21	-	292.512.526.205	38.289.509.046
a. Lỗ bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.1	23.1	25.675.985.198	165.083.880
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.2	23.2	257.977.970.454	36.179.361.751
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.3	24	8.858.570.553	1.945.063.415
2.2 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	-	187.286.704	4.623.081.434
2.3 Chi phí hoạt động tự doanh	26	-	5.439.223.072	3.546.922.916
2.4 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	-	36.924.924.207	27.513.582.099
2.5 Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28	-	255.000.000	-
2.6 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	-	19.701.652.465	18.793.445.714
2.7 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	-	9.702.092.859	8.253.561.683
2.8 Chi phí khác	32	-	1.814.865.432	1.814.865.432
Cộng chi phí hoạt động (40=21+24+26+27+28+30+31+32)	40	-	366.537.570.944	102.834.968.324

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			25	
3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	-	1.652.673.210	1.594.888.956
3.2 Doanh thu khác về đầu tư	44	-	220.470	412.980
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50=42+44)	50	-	1.652.893.680	1.595.301.936
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			26	
4.1 Chi phí lãi vay	52	-	55.990.775.893	12.775.046.881
Cộng chi phí tài chính (60=52+55)	60	-	55.990.775.893	12.775.046.881
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	27	50.454.230.281	39.877.386.662
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40-60-62)	70	-	181.258.785.709	132.937.915.739
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1 Thu nhập khác	71	-	588.049.383	703.493.485
7.2 Chi phí khác	72	-	-	24.817.297
Cộng kết quả hoạt động khác (80=71-72)	80	-	588.049.383	678.676.188
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70+80)	90	-	181.846.835.092	133.616.591.927
8.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91	-	141.210.824.340	127.791.318.953
8.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92	-	40.636.010.752	5.825.272.974
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	-	31.408.451.865	23.762.104.784
9.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	28	23.281.249.715	23.521.666.476
9.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	28	8.127.202.150	240.438.308
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)	200	-	150.438.383.227	109.854.487.143
XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500	-	1.414	1.032
11.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	29	1.414	1.032

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Đào Thị Yến
Người lập

Nguyễn Tú Anh
Kế Toán Trưởng



Khổng Phan Đức
Tổng Giám Đốc

05. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 (phương pháp gián tiếp) Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	181.846.835.092	133.616.591.927
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02	47.310.934.169	18.337.393.349
- Khấu hao tài sản cố định	03	9.193.233.476	4.000.496.311
- Các khoản dự phòng	04	187.286.704	4.623.081.434
- Chi phí lãi vay	06	55.990.775.893	12.775.046.881
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07	(1.663.557.316)	(1.607.370.775)
- Dự thu tiền lãi	08	(16.396.804.588)	(1.453.860.502)
3. Tăng các chi phí tiền tệ	10	257.977.970.454	36.179.361.751
- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	11	257.977.970.454	36.179.361.751
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	(298.613.981.206)	(42.004.634.725)
- Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	19	(298.613.981.206)	(42.004.634.725)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	(423.398.661.305)	(645.021.294.506)
- (Tăng) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31	(504.954.137.511)	(158.542.673.827)
- (Tăng) các khoản cho vay	33	(55.965.820.730)	(243.435.198.266)
Giảm/(Tăng) tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	34	177.498.747.644	(119.303.842.742)
- (Tăng)/Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	33.889.065.128	(32.288.329.745)
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37	3.836.893.619	(3.110.743.599)
- Giảm/(Tăng) các khoản phải thu khác	39	(122.778.936)	31.196.789.561
- Giảm các tài sản khác	40	(70.758.960)	3.746.415
- (Giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	(16.867.113)	-
- Giảm chi phí trả trước	42	641.334.749	1.202.637.391
- Thuế TNDN đã nộp	43	(30.220.777.447)	(24.879.817.986)
- Lãi vay đã trả	44	(44.728.949.444)	(14.751.759.871)
- (Giảm)/Tăng phải trả cho người bán	45	(4.967.473.310)	(66.023.370.149)
- (Giảm)/Tăng các khoản trích nộp phúc lợi cho nhân viên	46	-	(51.500.461)
- Tăng/(Giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước(không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	(718.892.937)	1.601.745.555
- (Giảm)/Tăng phải trả cho người lao động	48	(3.017.740.901)	(6.024.196.156)
- (Giảm)/Tăng phải trả, phải nộp khác	50	6.586.282.762	(6.613.733.873)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51	10.970.440.581	7.772.680.261
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	(12.037.228.499)	(11.773.727.014)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(234.876.902.796)	(498.892.582.204)

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	61	(10.625.942.569)	(19.158.654.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	62	10.663.636	12.481.819
3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63	(214.119.266.109)	(96.429.087.641)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	1.652.893.680	1.594.888.956
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(223.081.651.362)	(113.980.370.866)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay gốc	73	7.489.309.615.348	1.577.137.419.486
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(6.964.173.490.000)	(1.206.097.156.071)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	80	525.136.125.348	371.040.263.415
IV. TĂNG/GIẢM TIỀN THUẦN TRONG NĂM	90	67.177.571.190	(241.832.689.655)
V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	101	15.072.569.250	256.905.258.905
- Tiền	101.1	10.072.569.250	136.905.258.905
- Các khoản tương đương tiền	101.2	5.000.000.000	120.000.000.000
VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	103	82.250.140.440	15.072.569.250
- Tiền	103.1	72.250.140.440	10.072.569.250
- Các khoản tương đương tiền	103.2	10.000.000.000	5.000.000.000

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
Đơn vị: VND			
I. LƯU CHUYỂN TIỀN HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG			
1. Tiền thu bán môi giới chứng khoán cho khách hàng	01	41.988.632.530.083	26.653.580.358.309
2. Tiền chi mua chứng khoán cho khách hàng	02	(52.854.863.993.728)	(30.570.116.562.195)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	10.529.944.978.274	4.369.719.334.069
4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(6.020.759.016)	(10.606.157.681)
5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	5.186.966.990.489	3.000.488.175.796
6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(5.187.323.343.895)	(2.999.800.334.267)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20	(342.663.597.793)	443.264.814.031
II. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM CỦA KHÁCH HÀNG			
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	621.637.437.582	178.372.623.551
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	32	269.965.025.660	121.548.018.681
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	346.572.024.999	52.744.362.453
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	1.294.189.134	961.886.157
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	3.806.197.789	3.118.356.260
III. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM CỦA KHÁCH HÀNG (40=20+30)	40	278.973.839.789	621.637.437.582
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41	278.973.839.789	621.637.437.582
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	42	228.834.561.933	269.965.025.660
Trong đó có kỳ hạn:			
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	45.111.837.546	346.572.024.999
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	1.577.595.927	1.294.189.134
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	3.449.844.383	3.806.197.789

Đào Thị Yến
Người lập

Nguyễn Tú Anh
Kế Toán Trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2019

 Khổng Phan Đức
Tổng Giám Đốc

06. BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CHI TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm		Số dư cuối năm			
		Năm trước		Năm nay		Năm trước			
		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Năm trước	Năm nay		
I. Biến động vốn chủ sở hữu	-	1.069.742.601.808	1.170.873.434.829	190.464.342.473	(89.333.509.452)	248.701.748.475	(104.708.160.622)	1.170.873.434.829	1.314.867.022.682
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	21	910.190.340.630	982.467.130.630	-	(15.000.000)	87.836.400.000	(15.000.000)	982.467.130.630	1.070.288.530.630
1.1 Vốn góp chủ sở hữu	-	904.237.570.000	976.529.360.000	-	-	87.836.400.000	-	976.529.360.000	1.064.365.760.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	-	6.208.512.734	6.193.512.734	-	(15.000.000)	-	(15.000.000)	6.193.512.734	6.178.512.734
1.3 Cổ phiếu quỹ	21	(255.742.104)	(255.742.104)	-	-	-	-	(255.742.104)	(255.742.104)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	21	21.344.586.736	25.503.619.401	4.159.032.665	-	5.213.482.624	-	25.503.619.401	30.717.102.025
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	21	21.344.586.736	25.503.619.401	4.159.032.665	-	5.213.482.624	-	25.503.619.401	30.717.102.025
4. Lợi nhuận chưa phân phối	21	116.863.087.706	137.399.065.397	109.854.487.143	(89.318.509.452)	150.438.383.227	(104.693.160.622)	137.399.065.397	183.144.288.002
4.1 Lợi nhuận đã thực hiện		133.226.107.144	148.177.250.169	104.269.652.477	(89.318.509.452)	117.929.574.625	(104.693.160.622)	148.177.250.169	161.413.664.172
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(16.363.019.438)	(10.778.184.772)	5.584.834.666	-	32.508.808.602	-	(10.778.184.772)	21.730.623.830
		1.069.742.601.808	1.170.873.434.829	190.464.342.473	(89.333.509.452)	248.701.748.475	(104.708.160.622)	1.170.873.434.829	1.314.867.022.682

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2019

 Khổng Phan Đức
Tổng Giám Đốc


 Nguyễn Tú Anh
Kế Toán Trưởng


 Đào Thị Yến
Người lập

07. THUYẾT MINH TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

1. Thông Tin Khái Quát

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam cùng với các cổ đồng khác thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 107/UBCK-GP ngày 01 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 789.934.000.000 VND. Ngày 15 tháng 10 năm 2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 82/GPĐC-UBCK tăng vốn điều lệ của Công ty lên 1.064.365.760.000 VND.

Ngày 01 tháng 7 năm 2009, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Theo Quyết định số 431/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty hủy niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 6 năm 2017. Ngày 20 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được chuyển sang giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định số 196/QĐ-SGD ngày 13 tháng 6 năm 2017).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 163 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 161 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán và thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán

Công ty thực hiện theo Điều 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 11 năm 2012 và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 210, theo đó:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp

cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 Điều 44 này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện

a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c, d và đ khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;

b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);

c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 42 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này và điểm e khoản 4 Điều này.

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá

hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. Cơ Sở Lập Báo Cáo Tài Chính Và Năm Tài Chính

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210, về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. Áp Dụng Hướng Dẫn Kế Toán Mới

Ngày 12 tháng 3 năm 2018, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 23/2018/TT-BTC ("Thông tư 23") hướng dẫn kế toán chứng quyền có bảo đảm đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành. Thông tư 23 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2018. Công ty tuân thủ các quy định của Thông tư 23 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Tuyên bố về tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014. Thông tư số 334/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

4. Tóm Tắt Các Chính Sách Kế Toán Chủ Yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014. Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi thanh toán của Công ty.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là số tiền của công ty chứng khoán để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty.

Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ theo giá trị thị trường so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ". Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ theo giá trị thị trường so

với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ".

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các chứng khoán chưa niêm yết sang tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ. Theo đó, Công ty đã ghi nhận khoản Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ với số tiền 129.793.363.206 VND vào báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phái sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản

mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau khi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty; trừ trường hợp tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và sẵn sàng để bán theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất. Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá trị thị trường của các chứng khoán này.

Đối với chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên, giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại được ước tính dựa trên mô hình định giá nội bộ của Công ty. Cơ sở để xác định giá trị hợp lý là sử dụng một trong ba nhóm phương pháp định giá sau tùy thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp cần định giá và khả năng thu thập thông tin như: phương pháp tài sản; phương pháp định giá chiết khấu; phương pháp định giá so sánh.

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Công ty thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và sẵn sàng để bán khi có các bằng chứng khách quan về sự giảm giá trị hợp lý của tài sản tài chính theo hướng dẫn của Thông tư 210.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nợ phải thu bao gồm phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán: Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu nhà đầu tư trong giao dịch chứng khoán về phí dịch vụ môi giới, phí lưu ký chứng khoán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	06-10
Máy móc và thiết bị	03-07
Thiết bị văn phòng	03-05
Phương tiện vận tải	06
Tài sản khác	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm.

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê lô đất là 50 năm từ ngày 10 tháng 11 năm 2014 đến ngày 09 tháng 11 năm 2064.

Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm giá trị lợi thế kinh doanh được tính vào giá trị doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hóa, giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm kể từ ngày công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động. Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh

khoản tiền ký quỹ Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán với Sở Giao dịch chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán còn bao gồm các khoản trả phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán và các khoản phải trả khác.

Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Doanh thu

Hoạt động đầu tư vào công cụ tài chính

Doanh thu hoạt động đầu tư vào công cụ tài chính bao gồm lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, Lãi từ các khoản cho vay và phải thu, Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ghi nhận các khoản chênh lệch lãi bán tài sản tài chính của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ tài sản tài chính (lãi từ cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần

do Công ty nắm giữ; lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích).

Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư và hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán và hoạt động lưu ký chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động khi thỏa mãn cả bốn (4) điều kiện sau đây:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu khác

Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

Các khoản doanh thu liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận theo tiến độ hoàn thành hoặc phân bổ theo đường thẳng trong thời gian cung cấp dịch vụ. Giá trị chưa phân bổ được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện trên báo cáo tình hình tài chính.

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chi phí dự

phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của công ty chứng khoán bao gồm chi phí hoạt động tự doanh, chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn và các chi phí hoạt động khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của công ty chứng khoán bao gồm chi phí lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên

báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. Tiền Và Các Khoản Tương Đương Tiền

	Đơn vị: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	94.998.460	89.039.969
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	72.057.677.523	9.918.983.151
Tiền gửi thanh toán bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	97.464.457	64.546.130
Các khoản tương đương tiền(*)	10.000.000.000	5.000.000.000
Tổng	82.250.140.440	15.072.569.250

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các hợp đồng tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn dưới 3 tháng.

6. Giá Trị Khối Lượng Giao Dịch Thực Hiện Trong Năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (cổ phiếu)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
Của công ty chứng khoán	185.217.556	12.949.556.950.713
Cổ phiếu	76.735.330	1.199.535.838.900
Trái phiếu	108.482.226	11.750.021.111.813
Của nhà đầu tư	1.589.980.980	36.033.487.671.500
Cổ phiếu	1.587.283.990	35.798.636.647.400
Trái phiếu	2.624.500	233.774.164.000
Chứng khoán khác	72.490	1.076.860.100

7. Các Loại Tài Sản Tài Chính

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	526.015.499.722	440.200.153.027	277.080.449.441	266.863.548.280
Cổ phiếu chưa niêm yết	242.130.243.970	350.481.141.753	159.276.834.408	151.393.275.905
Trái phiếu chưa niêm yết	173.165.677.668	không áp dụng	-	-
Tổng cộng	941.311.421.360		436.357.283.849	418.256.824.185

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	không áp dụng	73.496.787.642	không áp dụng
Trái phiếu niêm yết	-	không áp dụng	4.001.960.002	không áp dụng
Trái phiếu chưa niêm yết	330.000.000.000	không áp dụng	430.000.000.000	không áp dụng
Tổng cộng	330.000.000.000		507.498.747.644	

Các khoản cho vay	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Các khoản cho vay hoạt động margin	714.946.499.793	không áp dụng	658.980.679.063	không áp dụng
Tổng cộng	714.946.499.793		658.980.679.063	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng giá trị tài sản tài chính cầm cố thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn với giá trị là **460.301.070.848 VND** (Chi tiết tại Thuyết minh số 15 - Vay ngắn hạn).

7. Các Loại Tài Sản Tài Chính (Tiếp Theo)

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Đơn vị: VND

Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị năm nay	Chênh lệch đánh giá lại	
			Tăng	Giảm
I. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	-		
1. Cổ phiếu	768.145.743.692	790.681.294.780	298.613.981.206	(257.977.970.454)
2. Trái phiếu	173.165.677.668	không áp dụng		
II. Các khoản cho vay và phải thu	714.946.499.793	không áp dụng	-	-
III. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	330.000.000.000	không áp dụng	-	-
Tổng cộng	1.986.257.921.153		298.613.981.206	(257.977.970.454)

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Đơn vị: VND

Năm trước	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị năm trước(*)	Chênh lệch đánh giá lại	
				Tăng	Giảm
	I. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ			-	-
	1. Cổ phiếu	436.357.283.849	418.256.824.185	42.004.634.725	(36.179.361.751)
	II. Các khoản cho vay và phải thu	658.980.679.063	không áp dụng	-	-
	III. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	507.498.747.644	không áp dụng	-	-
	Tổng cộng	1.602.836.710.556		42.004.634.725	(36.179.361.751)

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	(4.810.368.138)	(4.623.081.434)
	(4.810.368.138)	(4.623.081.434)

8. Các Khoản Phải Thu

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư(*)	-	33.350.000.000
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	16.396.804.588	1.453.860.502
Trong đó:		
Dự thu tiền lãi trái phiếu niêm yết	-	7.210.959
Dự thu tiền lãi trái phiếu chưa niêm yết	1.489.972.603	1.444.566.210
Dự thu tiền lãi hoạt động margin	14.567.181.670	-
Dự thu cổ tức	332.801.000	-
Dự thu tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.849.315	2.083.333
3. Phải thu các dịch vụ cung cấp	3.449.778.767	7.286.672.386
Trong đó:		
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	58.080.446	603.372.209
Phải thu hoạt động tư vấn	641.500.000	5.365.701.457
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	2.392.915.534	998.399.429
Phải thu hoạt động nhận ủy thác, đấu giá	150.022.899	48.828.366
Phải thu dịch vụ khác	207.259.888	270.370.925
4. Phải thu khác	21.480.150	16.033.859
	19.868.063.505	42.106.566.747
Trong đó:		
Số dư phải thu có khả năng thu hồi	19.868.063.505	42.106.566.747

(*) Đây là khoản phải thu từ bán tài sản tài chính đã thực hiện giao dịch khớp lệnh tại ngày 29 tháng 12 năm 2017. Tại ngày 03 tháng 01 năm 2018 (ngày T+2). Công ty đã được thanh toán khoản phải thu này.

9. Trả Trước Cho Người Bán

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước cho người bán cung cấp dịch vụ	228.026.637	124.325.461
	228.026.637	124.325.461

10 . Chi Phí Trả Trước Và Lợi Thế Thương Mại

Đơn vị: VND		
Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.214.572.521	937.676.667
	1.214.572.521	937.676.667
Chi phí trả trước dài hạn		
Giá trị lợi thế kinh doanh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp(*)	907.432.733	2.722.298.165
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.802.217.416	905.582.587
Tổng cộng	2.709.650.149	3.627.880.752

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp được phân bổ trong vòng 10 năm từ ngày 01 tháng 7 năm 2009.

Giá trị phân bổ trong năm như sau:

Đơn vị: VND		
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.722.298.165	4.537.163.597
Trích trong năm	(1.814.865.432)	(1.814.865.432)
Số cuối năm	907.432.733	2.722.298.165

11. Tăng Giảm Tài Sản Cố Định Hữu Hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	4.890.829.636	17.454.017.055	7.286.300.857	1.891.372.918	38.740.000	31.561.260.466
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	14.265.900.000	5.969.290.000	-	-	20.235.190.000
Mua sắm trong năm	-	1.385.393.273	-	1.311.242.456	-	2.696.635.729
Thanh lý, nhượng bán	-	(68.087.619)	-	(183.151.506)	-	(251.239.125)
Số dư cuối năm	4.890.829.636	33.037.222.709	13.255.590.857	3.019.463.868	38.740.000	54.241.847.070
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	2.304.793.317	14.910.031.085	4.753.751.218	1.568.940.612	38.740.000	23.576.256.232
Khấu hao trong năm	733.624.440	3.381.695.418	944.934.552	251.319.371	-	5.311.573.781
Thanh lý, nhượng bán	-	(68.087.619)	-	(183.151.506)	-	(251.239.125)
Số dư cuối năm	3.038.417.757	18.223.638.884	5.698.685.770	1.637.108.477	38.740.000	28.636.590.888
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày cuối năm	1.852.411.879	14.813.583.825	7.556.905.087	1.382.355.391	-	25.605.256.182
Tại ngày đầu năm	2.586.036.319	2.543.985.970	2.532.549.639	322.432.306	-	7.985.004.234

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là **19.422.390.205 VND** (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: **18.689.443.520 VND**).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã cầm cố tài sản cố định là trụ sở văn phòng có giá trị định giá là **134.000.000.000 VND** để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

12. Tăng Giảm Tài Sản Cố Định Vô Hình

Đơn vị: VND

NGUYÊN GIÁ	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
Số dư đầu năm	39.439.384.884	17.449.612.872	56.888.997.756
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	15.668.000.000	15.668.000.000
Mua sắm trong năm	-	169.670.140	169.670.140
Số dư cuối năm	39.439.384.884	33.287.283.012	72.726.667.896
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	-	-	-
Số dư đầu năm	2.403.460.783	16.026.578.662	18.430.039.445
Khấu hao trong năm	790.396.368	3.091.263.327	3.881.659.695
Số dư cuối năm	3.193.857.151	19.117.841.989	22.311.699.140
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày cuối năm	36.245.527.733	14.169.441.023	50.414.968.756
Tại ngày đầu năm	37.035.924.101	1.423.034.210	38.458.958.311

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là **15.528.322.872 VND** (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: **15.528.322.872 VND**).

13. Chi Phí Cơ Bản Dở Dạng

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng hệ thống quản lý và giao dịch chứng khoán	-	27.833.900.000
	-	27.833.900.000

14. Tiền Nộp Quỹ Hỗ Trợ Thanh Toán

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	3.154.440.111	3.154.440.111
Tiền nộp bổ sung	10.285.174.778	8.809.768.267
Tiền lãi phân bổ trong năm	6.182.783.935	5.201.986.947
	19.622.398.824	17.166.195.325

15. Vay Ngân Hạn

Đơn vị: VND

Loại vay ngắn hạn	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Vay ngân hàng (i)	509.536.400.000	7.074.643.690.000	6.964.173.490.000	620.006.600.000
Tổng cộng	509.536.400.000	7.074.643.690.000	6.964.173.490.000	620.006.600.000

(i) Các hợp đồng vay ngắn hạn ngân hàng bao gồm:

Ngày hợp đồng	Thời gian vay	Gốc vay tại ngày 31/12/2017 (VND)	Mục đích vay
28/11/2018	3 tháng	20.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động của Công ty
4/12/2018	2 tháng	15.000.000.000	
5/12/2018	2 tháng	107.417.500.000	
11/12/2018	2 tháng	20.000.000.000	
11/12/2018	3 tháng	92.522.500.000	
14/12/2018	2 tháng	20.000.000.000	
17/12/2018	2 tháng	25.000.000.000	
13/12/2018	2 tháng	75.000.000.000	
17/12/2018	2 tháng	65.845.000.000	
19/12/2018	2 tháng	94.155.000.000	
25/12/2018	1 tháng	85.066.600.000	
Tổng cộng		620.006.600.000	

Công ty đã cầm cố các tài sản tài chính có giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là **460.301.070.848 VND** để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Cổ phiếu	460.301.070.848	148.038.088.643
Trái phiếu	-	100.000.000.000
Tổng cộng	460.301.070.848	248.038.088.643

16. Phải Trả Hoạt Động Giao Dịch Chứng Khoán

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán	548.378.566	906.012.442
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	1.020.208.239	1.082.815.640
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	17.392.488.718	1.867.098.196
Trong đó:		
Công ty CP Công nghệ và Truyền hình FT183	2.000.000.000	-
Công ty CP Môi trường đô thị Quy Nhơn	2.156.484.039	-
Trung tâm dịch vụ Đô thị Bạc Liêu	11.697.330.000	-
Công ty TNHH MTV Lọc - Hóa dầu Bình Sơn	-	256.230.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận	-	377.200.000
Khác	1.538.674.679	1.233.668.196
Tổng cộng	18.961.075.523	3.855.926.278

17. Thuế Và Các Khoản Phải Nộp Nhà Nước

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Thuế GTGT phải nộp	199.833.385	999.318.971
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.852.958.891
Thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác	1.537.090.976	1.543.067.168
Tổng cộng	1.736.924.361	9.395.345.030

18. Chi Phí Phải Trả Ngân Hạn

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Lãi vay tổ chức tín dụng	1.430.138.532	935.435.366
Lãi vay trái phiếu phát hành	10.767.123.283	-
Chi phí phải trả khác	398.917.545	415.784.658
Tổng cộng	12.596.179.360	1.351.220.024

19. Giao Dịch Mua Bán Lại Trái Phiếu Chính Phủ

Tài sản ghi nhận liên quan đến giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Repo trái phiếu chính phủ (*)	310.548.353.750	96.429.087.641

(*) Bao gồm là các khoản phải thu repo đối với trái phiếu chính phủ mà Công ty đã mua và cam kết sẽ bán lại trong thời gian dưới 12 tháng.

Công nợ ghi nhận liên quan đến giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Repo trái phiếu chính phủ (**)	311.169.788.763	96.503.863.415

(**) Bao gồm là các khoản phải trả repo đối với trái phiếu chính phủ mà Công ty đã bán và cam kết sẽ mua lại trong thời gian dưới 12 tháng.

20. Trái Phiếu Phát Hành Dài Hạn

Trái phiếu do Công ty phát hành dài hạn là trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo.

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện phát hành đợt 1 trái phiếu dài hạn như sau: mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, tổng giá trị phát hành là 200 tỷ VND, kỳ hạn 2 năm từ ngày 10 tháng 4 năm 2018. lãi suất cố định 7.5%/năm, trả lãi 1 năm/lần, trả gốc cuối kỳ. Mục đích phát hành trái phiếu để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

21. Vốn Chủ Sở Hữu

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Có phiếu quỹ (VND)	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (VND)	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng (VND)
Số đầu năm trước	904.237.570.000	6.208.512.734	(255.742.104)	21.344.586.736	21.344.586.736	116.863.087.706	1.069.742.601.808
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	109.854.487.143	109.854.487.143
Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu	72.291.790.000	-	-	-	-	(72.291.790.000)	-
Trích lợi nhuận sau thuế	-	-	-	4.159.032.665	4.159.032.665	(8.318.065.330)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(8.708.654.122)	(8.708.654.122)
Giảm khác	-	(15.000.000)	-	-	-	-	(15.000.000)
Số dư đầu năm nay	976.529.360.000	6.193.512.734	(255.742.104)	25.503.619.401	25.503.619.401	137.399.065.397	1.170.873.434.829
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	150.438.383.227	150.438.383.227
Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu	87.836.400.000	-	-	-	-	(87.836.400.000)	-
Trích lợi nhuận sau thuế	-	-	-	5.213.482.624	5.213.482.624	(10.426.965.248)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(6.429.795.374)	(6.429.795.374)
Giảm khác	-	(15.000.000)	-	-	-	-	(15.000.000)
Số dư cuối năm nay	1.064.365.760.000	6.178.512.734	(255.742.104)	30.717.102.025	30.717.102.025	183.144.288.002	1.314.867.022.682

Trong năm, Công ty đã thực hiện trích các lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 3 năm 2018.

Tại ngày 20 tháng 9 năm 2018, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2017 với số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 8.783.640 cổ phiếu với giá trị tương đương **87.836.400.000 VND**.

21. Vốn Chủ Sở Hữu (Tiếp Theo)

	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	106.436.576	1.064.365.760.000	97.652.936	976.529.360.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	106.436.576	1.064.365.760.000	97.652.936	976.529.360.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	106.399.876	1.063.998.760.000	97.616.236	976.162.360.000

22. Tình Hình Phân Phối Thu Nhập Cho Cổ Đông

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Lãi đã thực hiện chưa phân phối năm trước	131.814.230.731	116.863.087.706
Lãi đã thực hiện năm nay	117.929.574.625	104.269.652.477
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(5.213.482.624)	(4.159.032.665)
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(5.213.482.624)	(4.159.032.665)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	(6.429.795.374)	(8.708.654.122)
Số lãi phân phối cho cổ đông thông qua phát hành cổ phiếu	(87.836.400.000)	(72.291.790.000)
Lãi đã thực hiện chưa phân phối cuối năm	145.050.644.734	131.814.230.731

Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 không bao gồm phần chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư đã trích lập trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 với số tiền **16.363.019.438 VND** đang được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính là lợi nhuận chưa thực hiện chưa phân phối năm trước do ảnh hưởng của thay đổi chính sách ghi nhận theo nguyên tắc giá trị thị trường kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

23. Thu Nhập

23.1. Lãi/ Lỗ Các Tài Sản Tài Chính

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia truyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi bán chứng khoán năm nay	Lãi bán chứng khoán năm trước
1	Cổ phiếu niêm yết	22.539.300	413.282.505.200	314.185.976.601	99.096.528.599	20.822.803.350
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	684.200	10.209.560.000	8.339.483.800	1.870.076.200	18.720.340.669
3	Trái phiếu chưa niêm yết	1.850	190.127.236.188	189.290.447.933	836.788.255	2.063.933.700
4	Trái phiếu niêm yết	19.051.113	2.109.731.760.932	2.109.417.670.881	314.090.051	4.250.000
5	Repo trái phiếu	-	-	-	8.377.146.109	1.718.687.641
	Tổng cộng				110.494.629.214	43.330.015.360

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia truyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lỗ bán chứng khoán năm nay	Lỗ bán chứng khoán năm trước
1	Cổ phiếu niêm yết	5.093.460	84.991.524.100	110.663.109.298	25.671.585.198	9.136.080
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	151.947.800
3	Trái phiếu niêm yết	1.850.000	196.280.500.000	196.284.900.000	4.400.000	4.000.000
	Tổng cộng				25.675.985.198	165.083.880

23.2. Chênh Lệch Đánh Giá Lại Các Tài Sản Tài Chính

STT	Tài sản chính	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2018	Chênh lệch đánh giá tăng trong năm	Chênh lệch đánh giá giảm trong năm	Chênh lệch đánh giá tại ngày 31/12/2017 (*)
1	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	941.311.421.360	790.681.294.780	22.535.551.088	298.613.981.206	(257.977.970.454)	(18.100.459.664)
1	Cổ phiếu niêm yết	526.015.499.722	440.200.153.027	(85.815.346.695)	142.697.321.028	(218.295.766.562)	(10.216.901.161)
	Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền Khu Công nghiệp Sông Đà	204.415	153.600	(50.815)	1.886.096.185	(1.886.147.000)	-
	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	26.137	18.900	(7.237)	3.993.181.463	(3.993.188.700)	-
	Công ty Cổ phần CMC	110.032.361.110	76.381.415.700	(33.650.945.410)	20.953.589.550	(54.607.435.400)	2.900.440
	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	178.759.405.290	128.228.060.960	(50.531.344.330)	24.174.138.040	(59.814.202.310)	(14.891.280.060)
	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	56.324.247.290	62.172.480.000	5.848.232.710	25.564.698.270	(10.607.620.560)	(9.108.845.000)
	Công ty Cổ phần Đầu tư C.E.O	37.293.940.079	45.704.371.200	8.410.431.121	19.077.473.600	(10.430.964.279)	(236.078.200)
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	178.680	84.630	(94.050)	11.652.024.190	(8.005.548.000)	(3.646.570.240)
	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	33.198.620	15.256.640	(17.941.980)	1.430.970.780	(848.523.690)	(600.389.070)
	Công ty Cổ phần Kiên Hưng	15.063.892.000	12.153.034.400	(2.910.857.600)	-	(9.253.984.600)	6.343.127.000
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	33.943.093.335	27.856.795.100	(6.086.298.235)	19.106.445.200	(37.184.642.090)	11.991.898.655
	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	27.879.969.980	29.591.212.000	1.711.242.020	2.239.576.490	(528.414.500)	80.030
	Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP	-	-	-	1.695.785.000	(1.695.785.000)	-
	Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1	34.921.711.496	29.074.974.400	(5.846.737.096)	496.779.700	(6.343.550.996)	34.200
	Công ty Cổ phần Hà Đô	10.132.118.156	11.481.634.500	1.349.516.344	4.841.922.900	(3.492.463.256)	56.700
	Ngân hàng TMCP Quân đội	21.486.703.794	17.374.471.050	(4.112.232.744)	1.672.496.500	(5.784.755.614)	26.370
	Tổng Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power)	848.100	1.056.000	207.900	2.022.097.000	(2.021.889.100)	-
	Cổ phiếu khác	143.601.240	165.133.947	21.532.707	1.890.046.160	(1.796.651.467)	(71.861.986)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	242.130.243.970	350.481.141.753	108.350.897.783	155.916.660.178	(39.682.203.892)	(7.883.558.503)
	Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	80.197.030.000	71.462.700.000	(8.734.330.000)	18.262.690.000	(10.322.390.000)	(16.674.630.000)
	Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	71.907.707.642	201.701.070.848	129.793.363.206	-	-	-
	Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ	35.065.711.200	25.048.440.000	(10.017.271.200)	2.087.370.000	(16.912.161.200)	4.807.520.000
	Công ty TNHH MTV Nước giải khát Sonest Khánh Hòa	14.922.150.000	14.021.190.000	(900.960.000)	2.533.950.000	(3.716.460.000)	281.550.000
	Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến Sào Khánh Hòa	35.700.000.000	33.450.000.000	(2.250.000.000)	2.100.000.000	(8.400.000.000)	4.050.000.000
	Cổ phiếu khác	4.337.645.128	4.797.740.905	460.095.777	1.139.286.972	(331.192.692)	(347.998.503)
3	Trái phiếu chưa niêm yết	173.165.677.668	không áp dụng				

23.2. Chênh lệch Đánh Giá Lại Các Tài Sản Tài Chính (Tiếp theo)

STT	Tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2018	Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	Chênh lệch đánh giá tại ngày 31/12/2017 (*)
II	Các khoản cho vay và phải thu	714.946.499.793	không áp dụng				
III	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	330.000.000.000	không áp dụng				
	Trái phiếu	330.000.000.000					
	Trái phiếu chưa niêm yết	330.000.000.000					
	Tổng cộng	1.986.257.921.153		22.535.551.088	298.613.981.206	(257.977.970.454)	(18.100.459.664)

23.3. Cổ Tức Và Tiền Lãi Phát Sinh Từ Các Tài Sản Tài Chính, Phải Thu Và Cho Vay, Tài Sản Tài Chính Sẵn Sàng Để Bán

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	22.575.138.543	5.238.987.988
Cổ phiếu niêm yết	22.148.423.343	2.106.099.099
Tiền gửi có kỳ hạn cố định	426.715.200	3.132.888.889
Từ tài sản tài chính phải thu và cho vay	81.850.367.803	59.356.979.663
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán	45.972.083.967	36.299.015.210
Cổ phiếu không niêm yết	9.349.555.200	12.472.449.000
Trái phiếu niêm yết	368.789.041	376.000.000
Trái phiếu không niêm yết	36.253.739.726	23.450.566.210
Tổng cộng	150.397.590.313	100.894.982.861

23.4 Doanh Thu Ngoài Thu Nhập Từ Bán Các Tài Sản Tài Chính

Các doanh thu ngoài thu nhập từ bán các tài sản tài chính không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu.

24. Chi Phí Giao Dịch Mua Các Tài Sản Tài Chính Ghi Nhận Thông Qua Lãi/Lỗ

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính	8.858.570.553	1.945.063.415
Tổng cộng	8.858.570.553	1.945.063.415

25. Doanh Thu Hoạt Động Tài Chính

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.652.673.210	1.594.888.956
Doanh thu khác về đầu tư	220.470	412.980
Tổng cộng	1.652.893.680	1.595.301.936

26. Chi Phí Tài Chính

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí lãi vay	44.643.652.607	12.775.046.881
Chi phí đầu tư khác	11.347.123.286	-
Tổng cộng	55.990.775.893	12.775.046.881

27. Chi Phí Quản Lý Công Ty Chứng Khoán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	33.799.822.790	25.426.437.910
Chi phí văn phòng phẩm	701.832.980	598.014.956
Chi phí công cụ, dụng cụ	825.919.095	1.536.292.815
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.669.238.511	3.959.937.961
Chi phí thuế, phí và lệ phí	1.247.227.308	1.041.710.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.453.344.057	4.024.930.176
Chi phí khác	3.756.845.540	3.290.062.128
Tổng cộng	50.454.230.281	39.877.386.662

28. Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp Hiện Hành

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	181.846.835.092	133.616.591.927
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: thu nhập không chịu thuế	(330.258.642.667)	(56.981.360.039)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	264.818.056.153	40.973.100.482
Thu nhập chịu thuế	116.406.248.578	117.608.332.370
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.281.249.715	23.521.666.476
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.281.249.715	23.521.666.476

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Số dư đầu năm	8.160.488.637	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do chênh lệch đánh giá giảm tài sản tài chính FVTPL	51.595.594.091	7.235.872.350
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do tăng chi phí dự phòng suy giảm giá trị tài sản thế chấp	-	924.616.287
Số dư cuối năm	59.756.082.728	8.160.488.637
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Số dư đầu năm	8.400.926.945	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh do chênh lệch đánh giá tăng tài sản chính FVTPL	59.722.796.241	8.400.926.945
Số dư cuối năm	68.123.723.186	8.400.926.945

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do chênh lệch đánh giá giảm tài sản tài chính FVTPL	(51.595.594.091)	(7.235.872.350)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do tăng chi phí dự phòng suy giảm giá trị tài sản thế chấp	-	(924.616.287)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh do chênh lệch đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	59.722.796.241	8.400.926.945
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	8.127.202.150	240.438.308

29. Lãi Cơ Bản Trên Cổ Phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	150.438.383.227	109.854.487.143
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	106.399.876	106.399.876
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.414	1.032

Điều chỉnh hồi tố

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, Công ty thực hiện chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu, số cổ phiếu phát hành tăng thêm 8.783.640 cổ phiếu nên lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được điều chỉnh hồi tố như sau:

	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	109.854.487.143	109.854.487.143
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	97.616.236	106.399.876
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.125	1.032

30. Thuyết Minh Về Các Chỉ Tiêu Ngoài Báo Cáo Tình Hình Tài Chính

30.1. Tiền Gửi Của Nhà Đầu Tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	228.834.561.933	269.965.025.660
<i>1.1 Tiền gửi của nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	<i>228.378.833.008</i>	<i>269.529.867.079</i>
<i>1.2 Tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	<i>455.728.925</i>	<i>435.158.581</i>
2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	45.111.837.546	346.572.024.999
3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	1.577.595.927	1.294.189.134
<i>3.1 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>1.544.834.724</i>	<i>1.225.929.959</i>
<i>3.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>32.761.203</i>	<i>68.259.175</i>
Tổng cộng	275.523.995.406	617.831.239.793

30.2. Tiền Gửi Của Tổ Chức Phát Hành Chứng Khoán

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	3.449.844.383	3.806.197.789
Tổng cộng	3.449.844.383	3.806.197.789

30.3. Phải Trả Nhà Đầu Tư

	Số cuối năm	Số cuối năm
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	275.523.995.406	617.831.239.793
<i>1.1. Của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>275.068.266.481</i>	<i>617.396.082.251</i>
<i>1.2. Của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>455.728.925</i>	<i>435.157.542</i>
2. Phải trả nhà đầu tư - tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	3.449.844.383	3.806.197.789
<i>2.1. Của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>3.449.844.383</i>	<i>3.806.197.789</i>
Tổng cộng	278.973.839.789	621.637.437.582

31. Nghiệp Vụ Và Số Dư Với Các Bên Liên Quan

Danh sách bên liên quan có phát sinh giao dịch và số dư chủ yếu với Công ty trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ

Trong năm 2018. Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Doanh thu từ lãi tiền gửi	1.753.829.454	1.648.162.659
Doanh thu từ phí tư vấn phát hành	3.115.530.000	-
Doanh thu khác	191.868.728	-
Chi phí thuê văn phòng	755.712.000	-
Doanh thu từ chuyển nhượng trái phiếu	-	88.863.636
Phí tư vấn và lưu ký	-	517.716.005
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	66.456.710.000	54.696.880.000
Chi phí hoa hồng môi giới và hợp tác kinh doanh	6.192.705.484	6.962.664.622
Phí chuyển tiền.	29.678.398	28.403.192
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Doanh thu chuyển nhượng cổ phiếu chưa niêm yết	-	150.000.000
Phí lưu ký	79.619.831	-
Doanh thu chuyển nhượng trái phiếu lưu ký	-	60.117.858
Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Phí bảo hiểm	993.600.726	487.789.950
Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Mua hàng	-	235.108.500

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và ban Tổng Giám đốc được trả trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị và lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	6.436.033.860	4.790.690.958

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Số dư các khoản tiền gửi thanh toán	71.053.610.633	9.462.795.377
Số dư các khoản tiền gửi của nhà đầu tư	276.800.082.365	618.917.773.700
Phải thu phí lưu ký	-	998.399.429
Các khoản phải thu (lãi tiền gửi, phải thu khác)	17.648.445	-
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	-	603.372.209
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	48.891.445	393.052.095
Các khoản phải trả	797.922.216	797.922.216
Doanh thu chưa thực hiện	7.420.012.866	591.529.258
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Phải trả về tiền gửi giao dịch chứng khoán	88.140.111	-
Các khoản phải trả (lãi tiền gửi, phải trả khác)	4.223.746	-
Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Phải trả về tiền gửi giao dịch chứng khoán	760.506	-
Các khoản phải trả (lãi tiền gửi, phải trả khác)	2.242	-
Phải thu khác	3.831.705	-

32. Báo Cáo Bộ Phận

Chi tiêu	Môi giới chứng khoán VND	Đầu tư vào công cụ tài chính VND	Hoạt động tư vấn, đại lý phát hành VND	Hoạt động lưu ký VND	Hoạt động đầu tư khác VND	Tổng cộng VND
Năm nay						
1. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	138.819.458.516	477.655.832.930	20.002.620.908	15.835.444.1983	275.114.810	652.588.469.147
2. Doanh thu không phân bổ	37.112.210.911	297.951.749.277	9.957.092.859	19.701.652.465	-	2.240.943.063
3. Các chi phí trực tiếp	11.118.749.263	38.257.860.227	1.602.110.604	1.268.340.266	22.035.330	364.722.705.512
4. Khấu hao và chi phí phân bổ						52.269.095.690
5. Chi phí không phân bổ						55.990.775.893
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	90.588.498.342	141.446.223.426	8.443.417.445	(5.134.550.748)	253.079.480	181.846.835.115
Số cuối năm						
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	19.680.479.270	2.331.047.579.039	641.500.000	2.542.938.433	207.259.888	2.354.119.756.630
2. Tài sản phân bổ	47.289.560.300	162.715.908.530	6.813.995.370	5.394.424.503	93.719.271	222.307.607.974
3. Tài sản không phân bổ						94.998.460
Tổng tài sản	66.970.039.570	2.493.763.487.569	7.455.495.370	7.937.362.936	300.979.159	2.576.522.363.064
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	17.940.867.284	1.131.176.388.763	22.776.159.493	1.020.208.239	-	1.172.913.623.779
2. Nợ phải trả phân bổ	18.389.259.171	63.274.536.582	2.649.724.930	2.097.703.375	36.444.153	86.447.668.211
3. Nợ phải trả không phân bổ						2.294.048.392
Tổng nợ phải trả	36.330.126.455	1.194.450.925.345	25.425.884.423	3.117.911.614	36.444.153	1.261.655.340.382

Để phục vụ mục đích quản lý, hoạt động kinh doanh của Công ty được chia thành các bộ phận: Môi giới chứng khoán, Đầu tư vào công cụ tài chính, Hoạt động tư vấn, đại lý phát hành, Hoạt động lưu ký, Hoạt động đầu tư khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh này.

Doanh thu bộ phận: Là doanh thu trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty được tính trực tiếp hoặc phân bổ cho bộ phận, bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài.

Chi phí bộ phận: Là chi phí phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của bộ phận được tính trực tiếp cho bộ phận đó và phần chi phí của Công ty được phân bổ cho bộ phận đó, bao gồm cả chi phí bán hàng ra bên ngoài và chi phí có liên quan đến những giao dịch với bộ phận khác của Công ty.

Tài sản của bộ phận: Là tài sản đang được bộ phận đó sử dụng trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh và được tính trực tiếp hoặc được phân bổ vào bộ phận đó.

Các khoản nợ phải trả bộ phận: Là các khoản nợ trong kinh doanh của bộ phận được tính trực tiếp hoặc phân bổ vào bộ phận đó.

Cách thức phân bổ tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí cho các bộ phận phụ thuộc vào tính chất của khoản mục hay hoạt động do bộ phận đó tiến hành và quyền tự chủ của bộ phận đó. Công ty đang phân bổ tài sản, nợ phải trả, chi phí chung theo tỷ lệ doanh thu bộ phận trong tổng doanh thu cung cấp dịch vụ của Công ty.


Đào Thị Yến
Người lập


Nguyễn Tú Anh
Kế Toán Trưởng



Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2019


Không Phan Đức
Tổng Giám Đốc



Hà Nội

306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội.
Điện thoại: 024.3974 1771
Fax: 024.3974 1760

Đà Nẵng

Tầng 8, số 36 Trần Quốc Toản
Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
Điện thoại: 024.39741771
Fax: 023.6358 4788

Hồ Chí Minh

49 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái
Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 024.39741771
Fax: 028.3820 0899

